BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

HỌC VIỆN ÂM NHẠC QUỐC GIA VIỆT NAM

NGUYỄN QUỲNH NGỌC

GIẢNG DẠY CÁC TÁC PHẨM ĐỘC TẤU VỚI DÀN NHẠC CHO ĐÀN TAM THẬP LỤC TẠI HỌC VIỆN ÂM NHẠC QUỐC GIA VIỆT NAM

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGHỆ THUẬT ÂM NHẠC

Hà Nội, 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
HỌC VIỆN ÂM NHẠC QUỐC GIA VIỆT NAM

NGUYỄN QUỲNH NGỌC

GIẢNG DẠY CÁC TÁC PHẨM ĐỘC TẤU VỚI DÀN NHẠC CHO ĐÀN TAM THẬP LỤC TẠI HỌC VIỆN ÂM NHẠC QUỐC GIA VIỆT NAM

Chuyên ngành: Phương pháp giảng dạy chuyên ngành âm nhạc Đàn 36 dây
Mã số: 60 21 02 02

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGHỆ THUẬT ÂM NHẠC

Người hướng dẫn khoa học:
PGS. TS. BÙI HUYỀN NGA

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Thưviện Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam

Website: http://vnam.edu.vn

Phòng QL. SĐH&NCKH

Hà Nội, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn là trung thực, khách quan và chưa từng để bảo vệ ở bất kỳ học vị nào, các thông tin trích dẫn trong luận án này đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2016

Tác giả luận văn

Nguyễn Quỳnh Ngọc

MỘT SỐ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

HVANQGVN : Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam

NGND : Nhà giáo nhân dân

NSND : Nghệ sĩ nhân dân

NSƯT : Nghệ sĩ ưu tú

GV : Giảng viên

SV : Sinh viên

NS : Nhạc sĩ

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: VÀI VÉT VỀ CÁC TÁC PHẨM VÀ THỰC TRẠNG GIẢNG DẠY CÁC TÁC PHẨM ĐỘC TẤU VỚI DÀN NHẠC CHO SINH VIÊN ĐÀN TAM THẬP LỤC TẠI HỌC VIỆN ANQGVN 7

1.1. Vài nét về các tác phẩm Tam thập lục độc tấu với dàn nhạc..... 7

1.1.1.Khái quát các tác phẩm. 8

1.1.2.Một số kĩ thuật được khai thác, sử dụng trong các tác phẩm..... 10

1.1.3.Sự kết hợp giữa độc tấu với dàn nhạc 14

1.2.Thực trạng giảng dạy tác phẩm độc tấu với dàn nhạc cho SV đàn Tam thập lục tại HVANQGVN. 18

1.2.1.Chương trình, giáo trình giảng dạy các tác phẩm độc tấu với dàn nhạc tại bộ môn đàn Tam thập lục. 18

1.2.2. Phương pháp giảng dạy và dàn dựng tác phẩm mới. 22

1.2.3.Cơ hội tiếp xúc với dàn nhạc. 27

1.2.4.Những hạn chế trong việc chơi các tác phẩm đàn Tam thập lục khi kết hợp với dàn nhạc. 28

Tiểu kết chương 1..... 30

CHƯƠNG 2: MỘT SỐ GIẢI PHÁP 32

2.1.Giảng dạy tác phẩm độc tấu với dàn nhạc ở bậc Đại học..... 32

2.1.1. Hướng dẫn SV tìm hiểu tác phẩm được học. 32

2.1.2. Thực hiện tác phẩm. 34

2.1.3. Hòa tấu với dàn nhạc..... 46

2.2 Một số giải pháp khác. 48

2.2.1.Lựa chọn và bổ sung một số dạng bài tập kĩ thuật hỗ trợ. 48

2.2.2 Nâng cao nghệ thuật biểu diễn cho sinh viên. 49

2.3 Thực nghiệm sư phạm và kết quả thực nghiệm. 50

2.3.1 Thực nghiệm sư phạm. 50

2.3.2 Đánh giá kết quả thực nghiệm. 53

Tiểu kết chương 2..... 54

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 57

Tài liệu tham khảo..... 60

PHẦN PHỤ LỤC..... 63

PHẦN MỞ ĐẦU

1.Lý do chọn đề tài:

Đàn Tam thập lục là một nhạc cụ có mặt ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có các nước như: Ấn Độ, Nhật Bản, Triều Tiên, Trung Quốc, Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungary... Từ lúc mới du nhập vào Việt Nam đến nay, cây đàn đã trải qua nhiều lần cải tiến, chế tác dưới bàn tay tài hoa của các nhà nghiên cứu, các nghệ nhân. Qua thời gian, cây đàn dần được Việt hóa và mang đậm bản sắc dân tộc. Tam thập lục là loại đàn gõ định âm nên không có nhiều lợi thế trong việc diễn tấu các làn điệu dân ca cũng như những bài bản nhạc cổ Việt Nam. Tuy vậy, việc lên dây đàn theo hệ bán cung và cách diễn tấu lại khiến cây đàn có nhiều thuận lợi trong việc phô diễn các kỹ thuật, ngón đàn có tốc độ nhanh. Điều này được thể hiện rõ nhất thông qua các tác phẩm mới viết cho cây đàn Tam thập lục độc tấu.

Mấy chục năm qua, với sự cố gắng, làm việc hết mình vì nghệ thuật của các nghệ sĩ, cây đàn Tam thập lục đã tìm được chỗ đứng vững vàng trong gia đình các nhạc cụ truyền thống Việt Nam cũng như trong đời sống âm nhạc nước nhà. Là người được đào tạo chính quy từ Sơ cấp lên Đại học tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, được tiếp cận với nhiều tác phẩm dành cho đàn Tam thập lục, nhất là các tác phẩm độc tấu kết hợp với dàn nhạc, tôi nhận thấy cây đàn Tam thập lục tuy không có khả năng nhấn nhá làm mềm mại âm thanh như các nhạc cụ dân tộc khác nhưng nó lại có thế mạnh khác và nếu chúng ta biết luyện tập đúng cách dưới sự hướng dẫn đúng phương pháp của giảng viên, chắc chắn hiệu quả âm thanh mà cây đàn này đem lại là vô cùng lớn. Việc phát triển mạnh mẽ tính năng nhạc cụ đã đem lại nhiều chuyển biến trong các tác phẩm mới viết cho đàn Tam thập lục mà đặc biệt phải kể đến các tác phẩm viết cho đàn Tam thập lục độc tấu cùng dàn nhạc, bởi không chỉ đơn thuần là nét giai điệu đẹp, kĩ thuật phô trương mà bao hàm trong đó là tâm tư, tình cảm với ý nghĩa và nội dung sâu sắc. Đối với các bản phối khí phần dàn nhạc đệm cho độc tấu bước đầu đã có sự tiếp thu từ một số thể loại âm nhạc bác học như Concerto

hay những luồng âm nhạc mới mang hơi thở đương đại. Thoát khỏi vai trò chỉ nằm ở phần đệm trong dàn nhạc, cây đàn Tam thập lục đã khoác lên mình một diện mạo mới, một tư cách mới – là trung tâm khi trình diễn cùng dàn nhạc. Đồng nghĩa với nó là trách nhiệm, bản lĩnh, sự kết nối của người độc tấu trong dàn nhạc được đặt ở vị trí cao hơn. Từ những điều trên, làm thế nào giảng dạy SV hiểu và trình diễn các tác phẩm độc tấu với dàn nhạc đã, đang trở thành nhu cầu cấp bách cần được quan tâm. Tuy nhiên, phương pháp giảng dạy và luyện tập các tác phẩm vẫn còn một số vấn đề đáng quan tâm như: việc giảng dạy theo kinh nghiệm và tư duy truyền nghề trong dạy nhạc cổ còn ảnh hưởng khá nhiều đến việc dạy tác phẩm, sinh viên chưa thực sự có phương pháp luyện tập một cách khoa học, số lượng tác phẩm có phần phối khí cho dàn nhạc đệm không nhiều và chưa thực sự đồng nhất, cơ sở đào tạo hiện nay chưa đáp ứng được việc bổ sung kiến thức, kĩ năng, kĩ thuật trình diễn các tác phẩm mới cho SV … khiến kết quả học tập chưa cao. Với những trăn trở trên, tôi mạnh dạn chọn đề tài: "**Giảng dạy các tác phẩm độc tấu với dàn nhạc cho đàn Tam thập lục tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam"** làm đối tượng nghiên cứu của luận văn.

Hy vọng kết quả nghiên cứu sẽ có những đóng góp nhất định trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy, cũng như tìm một chỗ đứng mới cao hơn trong cuộc sống đương đại cho cây đàn Tam thập lục.

2. Lịch sử đề tài:

Một số công trình nghiên cứu viết về đàn Tam thập lục và phương pháp giảng dạy đàn Tam thập lục mà chúng tôi được tiếp cận, có thể kể đến như :

- Một số vấn đề giảng dạy đàn 36 dây tại Nhạc viện Hà Nội. Luận văn Cao học của Nguyễn Thị Phúc, Nhạc viện Hà Nội (2000). Nội dung luận văn đề cập đến nguồn gốc, cấu tạo và việc giảng dạy đàn 36 dây tại Nhạc viện Hà Nội với các phong cách Chèo, Huế, Cải lương và giới thiệu khái quát một số tác phẩm mới.

- Một số nghiên cứu kĩ năng hòa tấu – đệm của đàn Tam thập lục. Luận văn Cao học của Nguyễn Thị Thanh Hằng, Nhạc viện Hà Nội (2005). Nội dung luận văn liên quan đến việc giảng dạy đàn Tam thập lục tại Nhạc viện Hà Nội, khai thác sâu thế mạnh của cây đàn, đó là kĩ năng hoà tấu – đệm. Các kĩ năng đó được ứng dụng rất phong phú trong nhạc phong cách Chèo, Huế, Cải lương và trong các tác phẩm.

- Giảng dạy tác phẩm mới cho đàn Tam thập lục tại Học viện âm nhạc Huế. Luận văn Cao học của Nguyễn Thị Quỳnh Trang, Học viện âm nhạc Huế (2014)… Đi vào khảo sát việc giảng dạy đàn Tam thập lục tại trường Học viện Âm nhạc Huế, đối tượng nghiên cứu là các tác phẩm Việt Nam độc tấu và hoà tấu được áp dụng vào giảng dạy cho học sinh, sinh viên ở hai bậc Trung cấp 4 năm và Đại học.

Những công trình trên chủ yếu đề cập một cách khái quát về nguồn gốc, cách cấu tạo, kĩ thuật diễn tấu của đàn Tam thập lục. Các tác giả cũng đã khảo sát thực trạng giảng dạy bộ môn đàn Tam thập lục tại khoa Nhạc cụ truyền thống HVANQGVN nhưng cách đây đã hơn chục năm.

Liên quan đến tác phẩm mới cho đàn Tam thập lục là luận văn của Nguyễn Thị Quỳnh Trang với tiêu đề: ***Giảng dạy tác phẩm mới cho đàn Tam thập lục tại Học viện âm nhạc Huế*** nhưng luận văn mới chỉ dừng lại ở sự tổng hợp các tác phẩm mới viết cho đàn Tam thập lục từ bậc Trung cấp đến bậc Đại học và được hệ thống thông qua các mục:

- Một số ca khúc được chuyển soạn.
- Các tác phẩm độc tấu Tam thập lục không có phần đệm và các tác phẩm độc tấu có phần đệm.
- Tác phẩm tam tấu.
- Các tác phẩm hòa tấu dàn nhạc.
- Các tác phẩm viết cho các nhạc cụ độc tấu, đàn Tam thập lục đệm.
- Các tác phẩm độc tấu có Tam thập lục và tốp nhạc đệm.

Nguyễn Thị Quỳnh Trang có nhắc đến 5/6 tác phẩm chúng tôi chọn trong đề tài nghiên cứu đó là : ***Cao nguyên xanh, Rặng cây trước gió, Niềm vui mới, Thu sang, Vũ khúc Chăm*** (trong mục "Các tác phẩm độc tấu Tam thập lục không có phần đệm và các tác phẩm độc tấu có phần đệm") và lựa chọn 3 tác phẩm để phân tích kĩ thuật phần độc tấu là : ***Cao nguyên xanh, Niềm vui mới, Thu sang*** mà chưa gắn với việc kết hợp cùng dàn nhạc. Thiết nghĩ, kết quả nghiên cứu của công trình này sẽ là tư liệu quí để chúng tôi tham khảo trong quá trình thực hiện đề tài. Hy vọng, công trình nghiên cứu của chúng tôi sẽ đưa ra được những nét mới trong phân tích tìm hiểu tác phẩm và phương pháp giảng dạy với đối tượng là các tác phẩm độc tấu với dàn nhạc để đáp ứng được yêu cầu dạy và học ở một trung tâm đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp lớn nhất của đất nước.

Bên cạnh một số công trình nghiên cứu về cây đàn Tam thập lục và phương pháp giảng dạy cây đàn này, chúng tôi còn được tiếp cận với một số tư liệu dạy học như:

- Tuyển tập các tác phẩm Việt Nam soạn cho Tam thập lục do nhóm giảng viên bộ môn Tam thập lục khoa Nhạc cụ truyền thống, Nhạc viện Hà Nội biên soạn (1997), Trung tâm TT và Thư viện âm nhạc Hà Nội.

- Nhạc khí dân tộc Việt Nam của đồng tác giả Lê Huy-Huy Trân (1984). Trong công trình này, cây đàn Tam thập lục cũng được giới thiệu một cách sơ lược về hình dáng, cấu tạo và một số kỹ thuật đàn.

Tuy các thông tin có trong các tư liệu trên còn ít ỏi nhưng hết sức quí giá đối với chúng tôi để luận văn được hoàn thiện.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu bao gồm các vấn đề liên quan đến: đặc điểm và kỹ thuật diễn tấu của các tác phẩm viết cho đàn Tam thập lục độc tấu với dàn nhạc, chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy.

- Phạm vi nghiên cứu của đề tài giới hạn trong phạm vi khảo sát và áp dụng cho đối tượng học là sinh viên đại học tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam với phương pháp giảng dạy sáu tác phẩm dưới đây:

STT	**Tác phẩm**	**Tác giả**	**Năm**
01	Rặng cây trước gió	Đinh Hà Linh	1988
02	Thu sang	Xuân Khải	1990
03	Áo tứ thân	Hoa Đăng	2003
04	Niềm vui mới	Triệu Tiến Vượng	2004
05	Vũ khúc Chăm	Nguyễn Tiến	2006
06	Cao nguyên xanh	Trần Luận	2008

4. Mục tiêu nghiên cứu :

Thông qua việc khảo sát vấn đề giảng dạy đàn Tam thập lục với sáu tác phẩm độc tấu với dàn nhạc cho sinh viên tại trường HVANQGVN, đồng thời phân tích tác phẩm tìm ra những đặc điểm, kĩ thuật diễn tấu trong tác phẩm, mục tiêu hướng tới của luận văn sẽ là: đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các tác phẩm độc tấu với dàn nhạc cho đàn Tam thập lục - một phần học quan trọng của sinh viên đàn Tam thập lục.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Một số phương pháp được dùng để nghiên cứu đề tài :

- Phương pháp nghiên cứu lý thuyết: thống kê, phân tích, so sánh, diễn giải, quy nạp để đưa ra kết luận.

- Phương pháp khảo sát, thu thập tài liệu (giáo trình, giáo án, sách, tài liệu tham khảo, DVD...).

- Phương pháp chuyên gia: tìm hiểu, trao đổi và tham khảo các giảng viên, nghệ sĩ trực tiếp giảng dạy và biểu diễn...

- Phương pháp thực nghiệm sư phạm.

6. Đóng góp của đề tài:

- Tổng hợp các kỹ thuật diễn tấu và mối quan hệ giữa phần độc tấu với dàn nhạc của sáu tác phẩm tiêu biểu được lựa chọn làm đối tượng nghiên cứu.

- Đưa ra phương pháp giảng dạy hiệu quả các tác phẩm mới, nhất là các tác phẩm độc tấu với dàn nhạc, qua đó tìm tiếng nói chung đối với phương pháp giảng dạy của các giảng viên trong khoa nhạc cụ truyền thống.

- Nâng cao hiệu quả độc tấu tác phẩm độc tấu với dàn nhạc cho đàn Tam thập lục.

- Nâng cao khả năng trình diễn cùng dàn nhạc.

7. Bố cục luận văn:

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục, Tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn sẽ được trình bày trong hai chương:

- Chương 1: Vài nét về các tác phẩm và thực trạng giảng dạy các tác phẩm độc tấu với dàn nhạc cho sinh viên đàn Tam thập lục tại Học viện ANQGVN.

- Chương 2: Một số giải pháp.

CHƯƠNG 1
VÀI VÉT VỀ CÁC TÁC PHẨM VÀ THỰC TRẠNG GIẢNG DẠY CÁC TÁC PHẨM ĐỘC TẤU VỚI DÀN NHẠC CHO SINH VIÊN ĐÀN TAM THẬP LỤC TẠI HỌC VIỆN ANQGVN

1.1. Vài nét về các tác phẩm Tam thập lục độc tấu với dàn nhạc.

Lịch sử cây đàn Tam thập lục từ khi mới du nhập vào Việt Nam đến nay đã trải qua nhiều bước phát triển. Từ một cây đàn được sử dụng với chức năng "đệm, hòa tấu" đến giờ đã đảm đương vai trò "độc tấu" với sự phụ họa của dàn nhạc đã cho thấy bước tiến lớn, đánh dấu sự trưởng thành cùa cây đàn trong nền âm nhạc dân tộc chuyên nghiệp Việt Nam.

Trong chặng đường phát triển đó ngoài việc ghi dấu ấn của nhiều nghệ sĩ thành công với cây đàn còn là sự đóng góp bền bỉ của các nhạc sĩ sáng tác - những người mang trong mình tình yêu với âm nhạc cổ truyền, với các nhạc khí truyền thống và đặc biệt đối với đàn Tam thập lục mà hầu hết trong số họ là những nghệ sĩ, giảng viên có xuất phát điểm từ cái nôi của khoa Nhạc cụ truyền thống, có thể kể đến: NGND Xuân Khải (đàn nguyệt), NSƯT Hồng Thái (gõ), NSND Nguyễn Tiến (đàn bầu), NSƯT Trần Luận (đàn nguyệt), NSƯT Triệu Tiến Vượng (sáo trúc), NSƯT Đinh Hà Linh (sáo trúc), NSƯT Hoa Đăng (Tam thập lục, T'rưng)… Những cái tên được nhắc tới đều là những nghệ sĩ chơi đàn truyền thống vô cùng ưu tú, mặc dù không được học qua trường lớp sáng tác chuyên nghiệp nhưng với sự hiểu biết sâu sắc về âm nhạc truyền thống cùng sự tìm tòi học hỏi về sáng tác mà họ đã sáng tạo nên những tác phẩm có giá trị về mặt tinh thần cũng như nghệ thuật. Những tác phẩm của họ có một sức sống mạnh mẽ từ khi ra đời cho đến nay.

Trong luận văn này, chúng tôi chỉ giới hạn ở việc giới thiệu sáu tác phẩm tiêu biểu viết riêng cho cây đàn Tam thập lục độc tấu với dàn nhạc hiện đang được giảng dạy tại HVANQGVN là: tác phẩm ***"Thu sang"*** sáng tác NGND Xuân Khải, tác phẩm ***"Niềm vui mới"*** sáng tác NSƯT Tiến Vượng, tác phẩm ***"Áo tứ thân"*** sáng tác NSƯT Hoa Đăng, tác phẩm ***"Rặng cây trước gió"*** sáng

tác NSƯT Đinh Linh, tác phẩm***"Vũ khúc Chăm"*** sáng tác NSND Nguyễn Tiến, tác phẩm ***"Cao nguyên xanh"*** sáng tác NSƯT Trần Luận. Đây đều là những tác phẩm được sử dụng khá rộng rãi trong chương trình đào tạo bậc Đại học tại HVANQGVN.

1.1.1.Khái quát các tác phẩm.

Thu sang

Tác phẩm ***"Thu sang"*** được NGND Xuân Khải viết cho đàn Tam thập lục độc tấu cùng tốp nhạc đệm vào khoảng đầu những năm 1990. Khi tác phẩm hoàn thành, đã có một số nghệ sĩ thử diễn tấu tác phẩm này nhưng "***Thu sang"*** chỉ thực sự được công chúng biết đến khi NSƯT Thanh Hằng biểu diễn và giành Huy chương Bạc (không có Huy chương Vàng cho độc tấu Tam thập lục) trong Hội diễn Nghệ thuật toàn quốc năm 1992.

Cây đàn Tam thập lục trước đây hầu như chỉ được biết đến với vai trò đệm cho nhạc cụ độc tấu, nhưng với ***"Thu sang"*** của NGND Xuân Khải, Tam thập lục đã thể hiện khả năng độc tấu bởi âm sắc độc đáo, có sức truyền cảm lớn đối với người nghe không thua kém gì các cây đàn khác trong kho tàng nhạc cụ truyền thống Việt Nam.

Tác phẩm được biết đến như một bức tranh phong cảnh mùa hạ sang thu đẹp và lãng mạn được thể hiện thông qua âm thanh lúc trầm lúc bổng của cây đàn Tam thập lục.

Niềm vui mới

Tác phẩm ***"Niềm vui mới"*** được NSƯT Triệu Tiến Vượng ấp ủ qua nhiều năm (từ năm 1981 đến năm 2009) mới hoàn thành. Theo tác giả, có thể chia làm ba giai đoạn:

+ 1981: bắt đầu hình thành.

+ 2004: hoàn thiện lần 1 và bắt đầu phát triển rộng rãi, được nhiều người biết đến. Thời điểm này, tác phẩm đã được một số giảng viên (Nhạc viện Hà

Nội) biểu diễn: GV Thanh Hằng, GV Thu Thủy, và GV Hồng Phúc là người thu âm lần đầu tiên.

+ 2009 đến nay: hoàn thiện tác phẩm cho phần Tam thập lục độc tấu và phần đệm dàn nhạc. Đến nay đã có nhiều thế hệ giảng viên và sinh viên biểu diễn tác phẩm này và có khá nhiều người thể hiện thành công.

Ban đầu biên chế dàn nhạc được tác giả viết cho các nhạc cụ dân tộc bao gồm: trống, bass, tam thập lục, tranh, nhị... Sau khi đưa vào ứng dụng thực tế và thấy chưa đem lại hiệu quả cao, tác giả đã thay đổi biên chế thành: violin, viola, cello, contrabass (hoặc bass), sáo tiêu. Theo khảo sát của chúng tôi, đây là một trong hai tác phẩm chính thức được tham gia dự thi Cao học tại HVANQGVN.

Áo tứ thân

Tác phẩm ***" Áo tứ thân"*** được chính NSƯT Hoa Đăng sáng tác và thu âm vào năm 2003, phần phối khí của tác giả cho dàn nhạc được phôi thai từ thời điểm đó và được hoàn thiện trong những năm gần đây. Vốn là một trong những nghệ sĩ trình diễn đàn Tam thập lục xuất sắc nên cô có sự am hiểu tường tận về tính năng cây đàn cũng như kỹ thuật đàn.

"Áo tứ thân" được hình thành và phát triển từ làn điệu "Trèo lên trái núi Thiên Thai" (dân ca Quan họ Bắc Ninh) với giai điệu đẹp mang phong cách đương đại nhưng vẫn giữ được âm hưởng của của âm nhạc dân gian đặc sắc. Tác phẩm gồm hai phần, ngoài ra còn có mở đầu , Cadenza và Coda.

Mở đầu – A – B – Cadenza – a' (nối) - Coda

Vũ khúc Chăm

Tác phẩm **" *Vũ khúc Chăm*"** của NSND Nguyễn Tiến được sáng tác vào năm 2006, người đầu tiên thể hiện là Nghệ sĩ Thúy My. Cho đến nay, tác phẩm đã được khá nhiều sinh viên lựa chọn ở kì thi tốt nghiệp của bậc Đại học tại các trường nghệ thuật uy tín trong nước. Vốn là một nghệ sĩ sáng tác và phối khí

nhiều ca khúc nên đối với tác phẩm này, tác giả tự mình tìm hiểu về tính năng nhạc cụ và chất liệu âm nhạc để sáng tác cả hai phần: giai điệu cho độc tấu và phần đệm của dàn nhạc.

Tác phẩm lấy chất liệu âm nhạc Chăm đặc biệt với việc sử dụng nhịp 5/4 tạo sự khác biệt với các loại nhịp chẵn 2/4, 4/4 đã dùng trước đây.

Cao nguyên xanh

Tác phẩm ***" Cao nguyên xanh"*** được NSƯT Trần Luận sáng tác cho cây đàn Tam thập lục độc tấu và chính nhạc sĩ cũng là người viết phần đệm cho dàn nhạc dân tộc. Tác phẩm hoàn thiện lần cuối vào năm 2008 lấy chất liệu âm nhạc Tây nguyên mà cụ thể là thang âm trong dân ca Ede, Gia Rai. Bên cạnh đó còn có phần biên soạn và phối khí cho dàn nhạc dân tộc của giảng viên Hoa Đăng, được coi là bản phối thứ hai sử dụng song song cùng bản phối của tác giả, hiện cả hai bản đều được sử dụng trong kì thi học kì ở các trường chuyên nghiệp trên cả nước. Đây cũng là một trong những tác phẩm được đánh giá cao và được đưa vào chương trình giảng dạy bậc Đại học ở HVANQGVN.

Rặng cây trước gió

" Rặng cây trước gió" được coi là tác phẩm có tầm vóc nhất của NSƯT Đinh Linh sáng tác cho đàn Tam thập lục. Tác phẩm này được ông viết tặng cho người vợ của mình là NSƯT Tuyết Mai và lấy nét giai điệu từ bài "Lạng Sơn quê em" – sáng tác Đinh Thìn, là giai điệu mà tác giả rất yêu thích từ thủa nhỏ. Tác giả đã khai thác được rất nhiều kĩ thuật từ đơn giản đến phức tạp, cách xử lí sắc thái rõ nét, giai điệu đẹp cùng phần phối khí dàn nhạc hiệu quả của chính tác giả và được nhiều SV của các trường nghệ thuật lớn trong nước lựa chọn trong kì thi tốt nghiệp đại học hàng năm.

1.1.2.Một số kĩ thuật được khai thác, sử dụng trong các tác phẩm.

Khi kết thúc bậc Trung cấp, sinh viên được trang bị đầy đủ các kĩ thuật cơ bản nhất. Đây là nền tảng cho những kĩ thuật nâng cao hay những thủ thuật phức tạp hơn ở bậc Đại học.

Trong quá trình học tập, SV được học song song nhạc cổ và tác phẩm. Ở phần nhạc cổ, quan trọng và khó nhất đối với SV là nhớ lòng bản để có thể trình

diễn được trọn vẹn đến cuối bài. Kĩ thuật xuất hiện trong bài chủ yếu là vê, đánh hợp âm, móc đơn, chạy kép, bịt tiếng (xuất hiện rất ít)… tất cả đều ở mức độ rất đơn giản. Điểm yếu của Tam thập lục là không rung nhấn được nên rất khó để thể hiện đúng tính chất âm nhạc từng vùng miền. Tuy nhiên khi áp dụng vào tác phẩm đặc biệt đối với các tác phẩm độc tấu với dàn nhạc lại khai thác được nhiều kĩ thuật mới, nâng cao tối đa khả năng diễn tấu và thể hiện nội dung của tác phẩm. Sáu tác phẩm chúng tôi chọn làm đề tài nghiên cứu đã tổng hợp khá đầy đủ kĩ thuật từ đơn giản đến nâng cao của cây đàn, đây đều là những tác phẩm được đưa vào chương trình giảng dạy bậc Đại học đàn Tam thập lục – khoa Nhạc cụ truyền thống HVANQGVN. Sau đây là một số kĩ thuật mới được các nhạc sĩ sử dụng, khai thác trong các tác phẩm này:

* *Kĩ thuật đánh song long:* Dùng hai que đàn đánh xuống dây đàn kế tiếp nhau tạo thành hai âm thanh đuổi nhau. Kĩ thuật này được khai thác trong các tác phẩm: ***Áo tứ thân, Vũ khúc Chăm.***

Ví dụ 1: Kĩ thuật đánh song long (trích trong tác phẩm ***Áo tứ thân,*** nhịp 272 - 279)

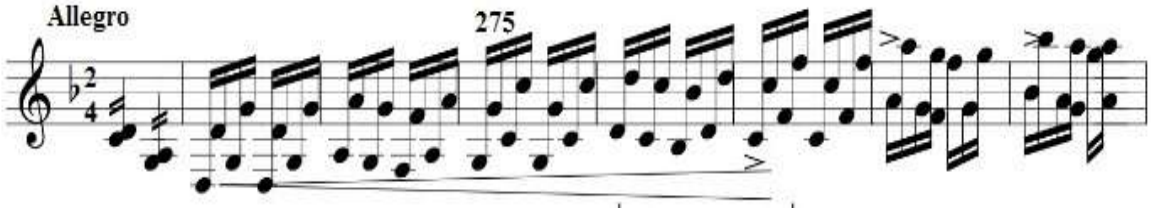

* *Kĩ thuật vê*: Bật đều 2 que đàn trên một hoặc hai nốt với tốc độ nhanh. Yêu cầu của kĩ thuật này phải vê đều tiếng, kết hợp cánh tay, cổ tay, ngón tay với nhau nhuần nhuyễn. Có nhiều cách được ứng dụng trong tác phẩm như: vê một nốt, vê hợp âm với trường độ ngắn dài khác nhau. Tuy nhiên, cho dù là cách nào cũng đòi hỏi người chơi phải thả lỏng tay, nếu lên gân để vê một đoạn dài chắc chắn sẽ gây cứng, mỏi và khó lòng để có sức chơi hết tác phẩm. Kĩ thuật này được sử dụng triệt để trong cả 6 tác phẩm trên.

* *Kĩ thuật chạy kép với tốc độ nhanh*: được kết hợp cùng nhiều loại tiết tấu và thay đổi liên tục, là loại kĩ thuật được dùng phổ biến nhất, được thể hiện thông qua những nét chạy tốc độ, có tác dụng khoe được kĩ thuật người chơi đàn. Yêu cầu của

kĩ thuật này: chạy nét, rõ nốt, hơi nhấn vào đầu phách mạnh. Đặc biệt trong những phần Cadenza, kĩ thuật chạy kép được sử dụng để thể hiện những câu chạy kép dài với phần xử lý tốc độ từ chậm đến nhanh, sắc thái nhỏ đến to (hoặc ngược lại).... Đây cũng là kĩ thuật được sử dụng phổ biến trong các tác phẩm.

* *Kĩ thuật đánh chồng quãng*: đòi hỏi sự chính xác của từng tay, lực của tay tác động vào que đàn như nhau, âm thanh hai nốt vang lên cùng một lúc phải đều, không bị tiếng mạnh tiếng nhẹ. Ở sáu tác phẩm trên đều áp dụng kĩ thuật này ở mức độ phức tạp, kết hợp cùng nhiều tiết tấu khó cùng tốc độ nhanh.

Ví dụ 2: Kĩ thuật đánh chồng quãng (trích trong tác phẩm ***Vũ khúc Chăm,*** nhịp 48 - 54)

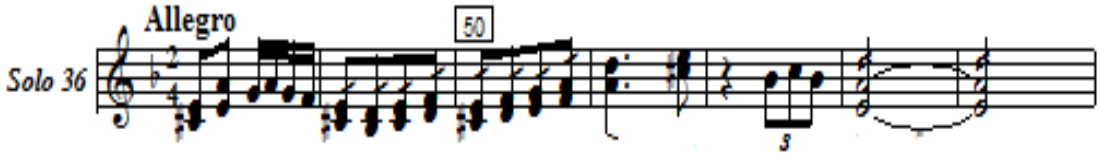

* *Kĩ thuật gẩy đuôi que*: dùng ngón tay cầm đuôi que gẩy vào dây đàn tạo sự thay đổi về âm thanh, yêu cầu tiếng đàn gọn, vẫn thể hiện được sắc thái đồng thời bàn tay gẩy phải mềm mại, uyển chuyển. Kĩ thuật này xuất hiện ở một số tác phẩm như ***Cao nguyên xanh, Niềm vui mới, Rặng cây trước gió.***

Ví dụ 3: Kĩ thuật gẩy đuôi que đàn (trích trong tác phẩm ***Niềm vui mới,*** nhịp 262 - 265)

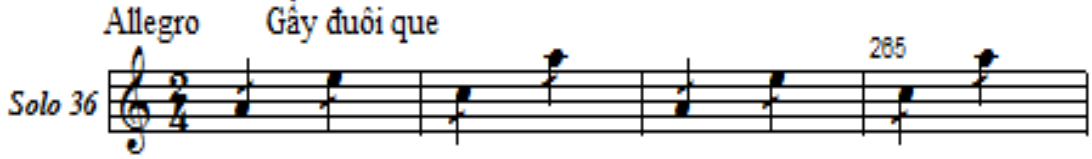

* *Kĩ thuật ngắt tiếng*: một tay cầm que đánh, tay còn tay dùng để bịt dây đàn, không để tiếng đàn vang. Đây là kĩ thuật được sử dụng ở một số tác phẩm ***Áo tứ thân, Cao nguyên xanh***.

* *Kĩ thuật bồi âm:* dùng ngón giữa chặn nhẹ ở các điểm: 1/2 ; 1/3 chiều dài dây đàn tính từ ngựa đàn đến con lăn. Ở mỗi điểm chặn sẽ đưa ra những âm thanh khác nhau như chặn ở điểm 1/2 dây đàn sẽ tạo ra nốt cao lên quãng 8; chặn ở điểm

1/3 dây đàn tạo ra nốt cao lên quãng 5. Kĩ thuật này xuất hiện ở các tác phẩm ***Áo tứ thân, Vũ khúc Chăm***.

Ví dụ 4*:* Kĩ thuật bồi âm (trích trong tác phẩm ***Áo tứ thân***, nhịp 305 – 310)

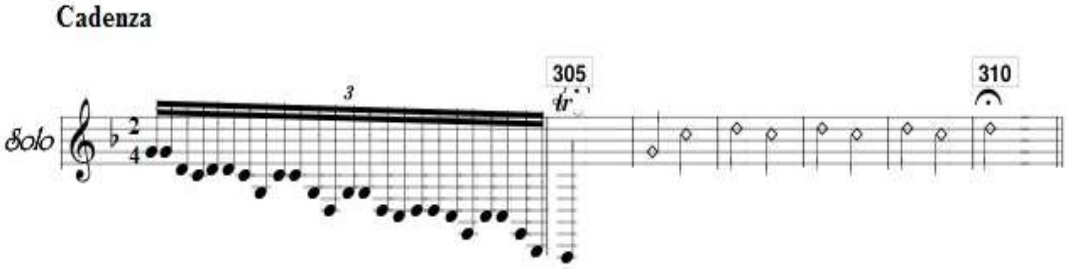

* *Kĩ thuật rung dây đàn*: một tay đánh vào dây đàn, tay còn lại dùng ba ngón: 2,3,4 (giống kĩ thuật rung đàn tranh) ấn và rung vào dây phía cầu đàn đối xứng. Kĩ thuật này chỉ xuất hiện ở tác phẩm ***Niềm vui mới***.

* *Kĩ thuật chạy nửa cung:* đánh thấp que đàn, rõ nốt. Chạy nửa cung dễ bị nhầm dây, nhòe nốt bởi khoảng cách giữa các nốt rất gần nhau. Kĩ thuật này có trong tác phẩm ***Thu sang*** và được sử dụng rất linh hoạt trong tác phẩm ***Áo tứ thân***.

* *Kĩ thuật lướt:* đánh chồng âm gồm nhiều nốt kế tiếp nhau tạo âm sắc mềm mại. Được sử dụng phổ biến ở các tác phẩm ***Thu sang, Rặng cây trước gió, Áo tứ thân***.

* *Kĩ thuật vuốt – trượt :* dùng đuôi que trượt nhanh từ đầu đàn đến cuối đàn hoặc ngược lại. Đối với kĩ thuật này có thể áp dụng cho học sinh năng lực trung bình, dùng thay thế cho kĩ thuật chạy nửa cung để phù hợp với trình độ sinh viên.

Ví dụ 5: Kĩ thuật vuốt trượt (trích trong tác phẩm ***Thu sang,*** nhịp 91 - 95)

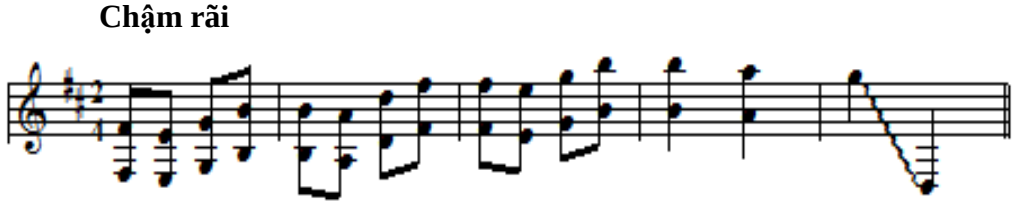

* *Kĩ thuật đổi đầu que:* dùng ngón tay lật nhanh đầu que, tạo âm sắc đanh và sáng. Được sử dụng rộng rãi ở một số tác phẩm như ***Cao nguyên xanh, Niềm vui mới, Thu sang***.

* *Kĩ thuật nảy:* xử lý hai que đàn nảy tạo hai tiếng nhanh liên tiếp nhiều lần trên dây. Có thể nảy một tay, tay còn lại đánh bình thường hoặc nảy cả hai tay. Kĩ thuật này xuất hiện trong tác phẩm ***Thu sang, Vũ khúc Chăm.***

Các kĩ thuật diễn tấu của đàn Tam thập lục qua các tác phẩm được khai thác triệt để, phát triển trên các kĩ thuật cơ bản: đánh một tay, hai tay phối hợp... từ đó sử dụng những kĩ thuật nâng cao như vê, song long, đánh chồng âm, chồng quãng, ngắt tiếng, đổi đầu que, lướt, bồi âm, chạy nửa cung, các kĩ thuật chạy kép tốc độ... tất cả đều đòi hỏi sinh viên phải có một quá trình tập luyện công phu cùng với sự đầu tư tìm hiểu về tác phẩm. Có thể thấy rằng, từ những kĩ thuật cơ bản dưới sự tìm tòi nghiên cứu, tiếp thu của những giảng viên, những nghệ sĩ trình diễn cây đàn đã có thể biến hóa phong phú các kĩ thuật, pha trộn chúng với nhau, không ngừng sáng tạo nhằm hoàn thiện, nâng cao tính năng nhạc cụ của cây đàn, khiến nó có sức diễn tả rộng lớn hơn (Xin tham khảo bảng so sánh một số kĩ thuật đàn Tam thập lục khi trình diễn nhạc cổ với các tác phẩm ở phần phụ lục).

1.1.3.Sự kết hợp giữa độc tấu với dàn nhạc .

Sự kết hợp giữa đàn Tam thập lục độc tấu và dàn nhạc mang hình bóng của thể loại Concerto. Đây là một thể loại vô cùng khó đòi hỏi người nghệ sĩ độc tấu phải có kĩ thuật biểu diễn tốt kết hợp cùng bản lĩnh sân khấu. Nhạc cụ độc tấu và dàn nhạc là hai thành phần cố hữu tạo nên đặc tính của thể loại này, hai thành phần này không đối lập mà ngược lại chúng còn bổ trợ cho nhau. Có thể thấy rõ được âm thanh của nhạc cụ chủ đạo luôn nổi bật trên nền âm thanh của toàn bộ dàn nhạc hay có lúc là sự thay phiên của các nhạc cụ khác trong dàn nhạc đảm nhiệm nét giai điệu chính nhằm tăng tính màu sắc và phong phú cho âm nhạc, tất cả hòa quyện cùng với nhau tạo thành một bức tranh đa sắc màu.

Với nét giai điệu chủ đạo trên nền chạy hòa thanh của Tam thập lục 2 và dàn nhạc, giai điệu chính của đàn độc tấu đã vẽ nên một bức tranh về mùa thu đẹp và giản dị nhưng vẫn thực sự nổi bật trong tác phẩm ***Thu sang***.

Ví dụ 6: Giai điệu chính của đàn độc tấu (trích trong tác phẩm ***Thu sang,*** nhịp 61 - 66)

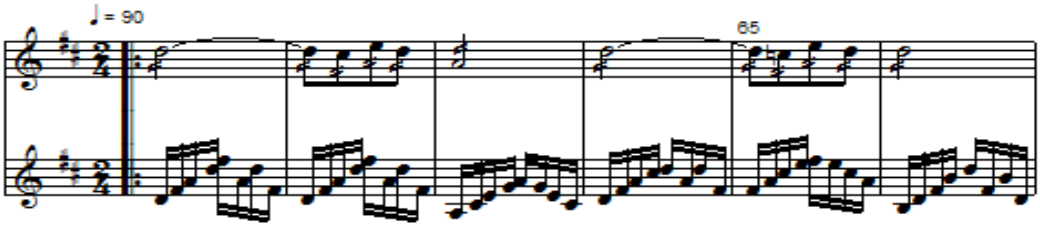

Ngược lại khi dàn nhạc trình tấu giai điệu thì bè Tam thập lục độc tấu lại thực hiện chức năng đệm. Ta có thể thấy sự kết hợp này từ nhịp 150 trong tác phẩm ***Rặng cây trước gió***. Thoạt đầu, nét giai điệu chủ đề được trình tấu bởi hai sáo trúc, sau đó giai điệu chuyển sang âm thanh tiếng kim của bè đàn tứ và một số nhạc cụ khác. Với một giai điệu ở dàn nhạc có sự thay đổi liên tục thì phần đệm của Tam thập lục 1 lúc này thể hiện những nét chạy rải kép nhẹ như những cơn gió, nó len lỏi và hòa quyện cùng giai điệu bè đệm tạo thành một tổng thể thống nhất.

Ví dụ 7: Tam thập lục độc tấu lúc này chỉ đệm nhẹ, dàn nhạc đi giai điệu (trích trong tác phẩm ***Thu sang,*** nhịp 147 – 153)

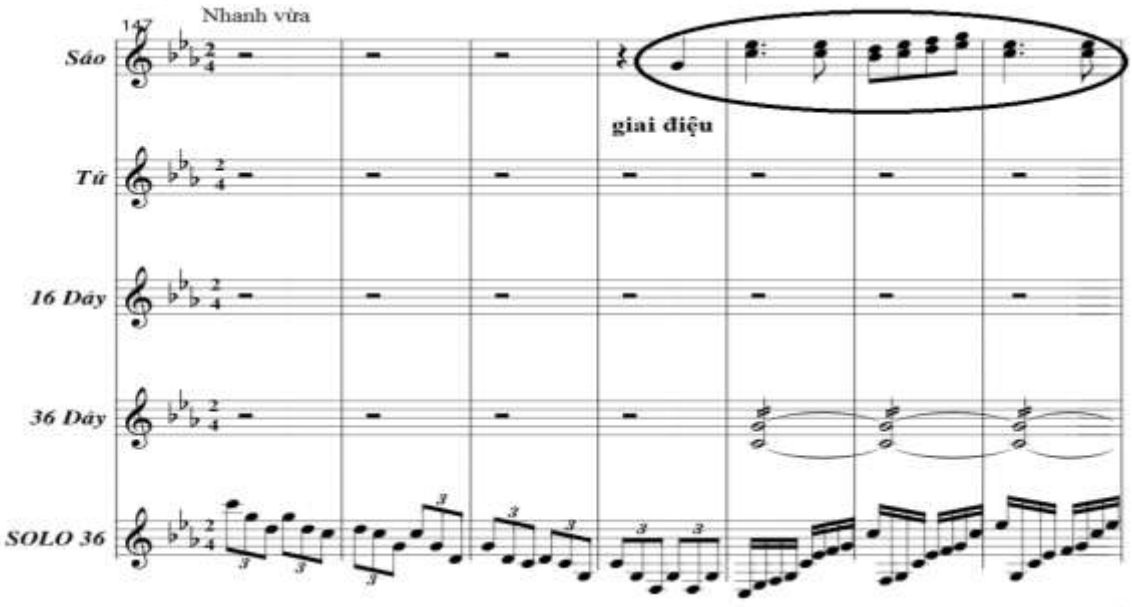

Những năm gần đây các nhạc sĩ phối cho dàn nhạc truyền thống có xu hướng đưa nhạc cụ phương Tây hòa trộn cùng các nhạc cụ cổ truyền đã đem lại hơi thở mới trong các tác phẩm, đối với cây đàn Tam thập lục cũng không ngoại

lệ. Bên cạnh biên chế dàn nhạc truyền thống bao gồm: Trống, Tứ trầm, Tam thập lục, Tranh, Sáo, Nhị, Tỳ, Bass còn là sự xuất hiện của bộ dây như: Violin, Viola, Cello, Contrabass; bộ gỗ như kèn Clarinet hay trống vỗ Bongo… Thậm chí phần đệm trong tác phẩm ***Niềm vui mới*** của tác giả Triệu Tiến Vượng sử dụng hoàn toàn bộ dây và chỉ xuất hiện duy nhất một cây nhạc cụ dân tộc là sáo Tiêu. Việc kết hợp những nhạc cụ cổ điển với nhạc cụ truyền thống như vậy vừa tạo màu sắc mới lạ vừa làm nổi bật âm thanh của cây đàn Tam thập lục khi được hoà cùng nhau.

Ví dụ 8: Biên chế dàn nhạc sử dụng các nhạc cụ phương Tây (trích trong tác phẩm ***Niềm vui mới,*** nhịp 01 – 05)

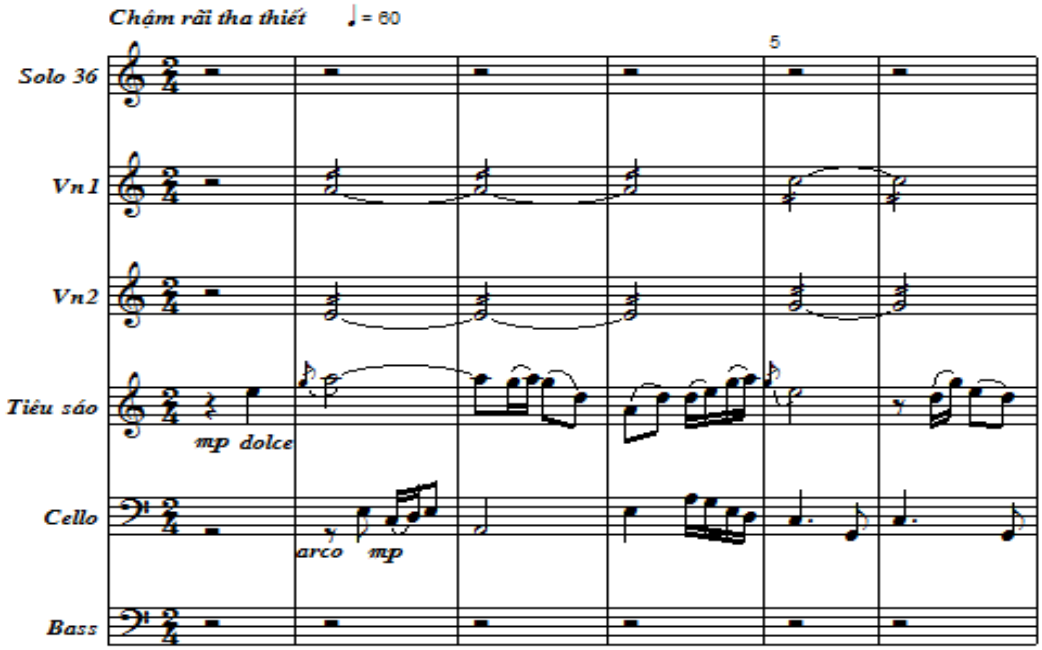

Âm hưởng núi rừng trong tác phẩm ***Cao nguyên xanh*** được thể hiện qua âm thanh của kèn Clarinet vang vọng tựa tiếng gọi của thiên nhiên. Để tăng thêm màu sắc tác giả đưa vào âm sắc của tiếng Cồng – nhạc cụ đặc trưng của đồng bào Tây Nguyên khiến người nghe cảm nhận trọn vẹn sự hùng vĩ của núi rừng nơi đây.

Ví dụ 9: Biên chế dàn nhạc sử dụng kèn Clarinet và Cồng chiêng (trích trong tác phẩm ***Cao nguyên xanh,*** nhịp 01 – 05)

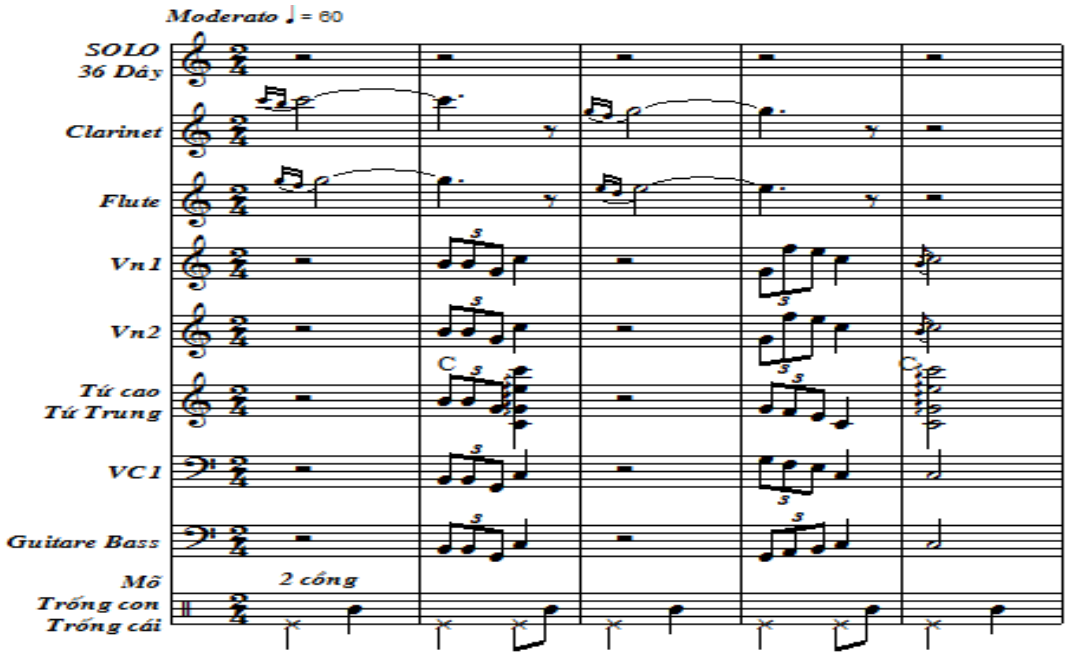

Điệu nhảy của cô gái dưới ánh trăng duyên dáng, uyển chuyển, quyến rũ nhưng đầy mãnh liệt được thể hiện qua tác phẩm ***Vũ khúc Chăm*** của tác giả Nguyễn Tiến. Với giai điệu đẹp, đặc biệt là phần phối cho dàn nhạc thực sự làm tôn lên đường nét và nổi rõ chất liệu âm nhạc Chăm bằng cách sử dụng quãng 2 tăng đặc trưng và sử dụng trống vỗ Bongo xuyên suốt, là sự chuyện trò, tung hứng duyên dáng giữa độc tấu và dàn nhạc.

Ví dụ 10: Quãng 2 tăng đặc trưng của âm nhạc dân tộc Chăm

A B Cis D E...

(Được viết theo hệ thống tiếng Pháp)

Thu sang của tác giả Xuân Khải được viết giai điệu trước và sau đó mới có bản phối của người khác. Hiện nay có hai phần đệm cho độc tấu được sử dụng đó là :

+ Phần đệm 1: Violin, Cello, Contrabass, Tam thập lục, Tứ (sử dụng phổ biến).

+ Phần đệm 2: Guitar.

Sau khi hoàn thiện phần giai điệu và đưa vào trình diễn, tác phẩm đã được nhiều nghệ sĩ, giảng viên trong khoa Nhạc cụ truyền thống cùng tham gia viết phần đệm cho dàn nhạc bên cạnh tác giả Xuân Khải. Trong đó có thể kể đến đóng góp chủ chốt của giảng viên Thanh Hằng - hiện là Phó khoa Nhạc cụ truyền thống HVANQGVN, cô đã tham gia chỉnh lý cả phần giai điệu, Cadenza và dàn nhạc (có sự đồng ý của tác giả), được xem là bản chuẩn dành cho sinh viên học và thi hàng năm.

Ý tưởng phần đệm Guitar cũng xuất phát từ giảng viên trong khoa, tuy nhiên phần đệm rất tự do và không có văn bản chính xác. Từ trước đến giờ đều được trình diễn dựa trên hòa thanh của tổng phổ (dàn nhạc 1). Phần đệm Guitar không được sử dụng rộng rãi và chưa được nhiều người biết đến.

Qua việc khảo sát các tác phẩm viết cho đàn Tam thập lục độc tấu cùng dàn nhạc được lựa chọn vào chương trình giảng dạy bậc đại học cho thấy: các tác phẩm này là những tác phẩm có giá trị về mặt nghệ thuật và kỹ thuật diễn tấu. Về mặt nghệ thuật, đây là những tác phẩm đã được trải nghiệm qua đời sống âm nhạc của đất nước trong nhiều năm qua với sự yêu mến đón nhận từ phía khán giả. Về mặt kỹ thuật, các tác phẩm này là sự tổng hợp của các kỹ thuật khó trên đàn Tam thập lục. Về mặt kết hợp cùng dàn nhạc, đòi hỏi người diễn tấu phải có trình độ, có kỹ năng phân tích tác phẩm và sự cảm thụ âm nhạc một cách sâu sắc. Sự hiểu biết cũng như nắm vững yêu cầu của tác phẩm sẽ góp phần không nhỏ vào việc thể hiện thành công các tác phẩm đó.

1.2.Thực trạng giảng dạy tác phẩm độc tấu với dàn nhạc cho SV đàn Tam thập lục tại HVANQGVN.

1.2.1.Chương trình, giáo trình giảng dạy các tác phẩm độc tấu với dàn nhạc tại bộ môn đàn Tam thập lục.

Chương trình giảng dạy

Trong chương trình giảng dạy ở bậc Đại học 4 năm yêu cầu sinh viên phải nghiên cứu về tác phẩm, nắm vững và thuần thục kỹ thuật diễn tấu cơ bản và nâng cao để đáp ứng được việc thể hiện những tác phẩm lớn trong nước cũng như nước ngoài trong mỗi năm học. Trong chương trình học, rải đều trong 4

năm là các nội dung: bài tập kỹ thuật, nhạc phong cách, tác phẩm (Việt Nam và nước ngoài). Do đối tượng nghiên cứu của đề tài, ở đây chúng tôi chỉ đưa ra chương trình học các tác phẩm viết cho đàn Tam thập lục độc tấu với dàn nhạc và nhắc đến một số tác phẩm viết cho đàn Tam thập lục độc tấu không có phần phối khí cho dàn nhạc với mục đích tham khảo một cách đầy đủ chương trình học của từng năm. Cụ thể là:

TÁC PHẨM	**TÁC GIẢ**	**PHẦN ĐỆM DÀN NHẠC**	**NĂM**
Dòng suối Hơ – riêng	Hồng Thái	Có	ĐH1
Phiên chợ rẻo cao	Khắc Chí	Có	ĐH1
Ngày hội trước lúc chia tay	Tuyết Mai	Có	ĐH1
Mùa xuân Tây Nguyên	Doãn Tiến	Không	ĐH1
Dòng suối nhỏ	Nguyễn Văn Cúc	Không	ĐH1
Hương rừng	Thao Giang- Thái Hà	Có	ĐH1
Hương xuân	Hồng Phúc	Có	ĐH1
Thu sang	Xuân Khải	Có	ĐH2
Tây Nguyên đổi mới	Nguyễn Đình Long	Không	ĐH2
Nhịp điệu cao nguyên	Nguyễn Đình Long	Không	ĐH2
Tây Nguyên trăng lại sáng	Xuân Dung	Không	ĐH2
Tổ khúc quê hương	Nguyễn Đình Long	Có	ĐH3
Cao nguyên xanh	Trần Văn Luận	Có	ĐH3
Niềm vui mới	Triệu Tiến Vượng	Có	ĐH4
Rặng cây trước gió	Đinh Hà Linh	Có	ĐH4
Vũ khúc Chăm	Doãn Tiến	Có	ĐH4
Áo tứ thân	Hoa Đăng	Có	ĐH4

Do chương trình chưa được phổ biến rộng rãi trong khoa và bộ môn nên sự sắp xếp các tác phẩm theo từng năm học trên đây dựa theo cơ sở tham khảo thực tế ý kiến của một số GV trong bộ môn đàn Tam thập lục HVANQGVN.

Nhìn vào chương trình học các tác phẩm VN ở trên cho thấy, tổng số tác phẩm được đưa vào chương trình dạy ĐH là 17 bài, trong đó có 3 bài ***Dòng suối Hơ – riêng; Hương rừng; Phiên chợ rẻo cao*** đã được dùng làm bài thi tốt nghiệp bậc trung cấp cho một số học sinh có trình độ chuyên môn tốt. Vì thế với những em này khi bước vào bậc đại học sẽ không sử dụng ba tác phẩm trên. Điều này phản ánh số lượng tác phẩm nói chung và tác phẩm viết cho độc tấu với dàn nhạc có trong chương trình đào tạo đàn Tam thập lục bậc đại học không nhiều dẫn đến sinh viên ít có cơ hội lựa chọn tác phẩm trong quá trình học tập, chương trình thi (thi học kỳ, thi tốt nghiệp) nhiều khi nhàm chán vì nhiều người cùng đánh một bài.

Trong số các tác phẩm chính thức nằm trong chương trình giảng dạy thì sáu tác phẩm độc tấu với dàn nhạc kể trên luôn được sinh viên lựa chọn để đưa vào chương trình thi tốt nghiệp của mình. Thậm chí, do thiếu tác phẩm mới, hai tác phẩm ***Niềm vui mới*** và ***Áo tứ thân*** còn được sử dụng lại trong chương trình chính thức ở bậc Cao học. Sự thiếu vắng tác phẩm độc tấu có dàn nhạc đệm không chỉ diễn ra đối với cây đàn Tam thập lục mà là tình trạng chung đối với các chuyên ngành nhạc cụ dân tộc khác. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển nghệ thuật diễn tấu nói chung của các cây đàn.

Giáo trình

Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam (Nhạc viện Hà Nội) được thành lập từ năm 1956. Cùng với đó là sự ra đời của các khoa âm nhạc trong đó có "Bộ môn nhạc dân tộc" sau là khoa "Nhạc cụ truyền thống". Những ngày đầu mới thành lập "Bộ môn nhạc dân tộc" có số lượng bài bản còn hạn hẹp, chủ yếu học những bài dân ca, những bản chèo cổ, một số ít bản Huế và Cải lương.Trải qua quãng thời gian dài phát triển, cho đến nay cây đàn đã tìm được một chỗ đứng đặc biệt trong khoa Nhạc cụ truyền thống và là cây đàn "không thể thiếu" trong tốp nhạc, dàn nhạc của khoa. Một phần trong sự phát triển đó cũng bởi

việc chú trọng xây dựng giáo trình với số lượng bài bản ngày càng gia tăng và được hệ thống hoá rõ ràng hơn. Xuất hiện nhiều tuyển tập dành cho đàn Tam thập lục được lưu hành rộng rãi không chỉ ở HVANQGVN mà ở tất cả các trường nghệ thuật trong cả nước. Những tuyển tập đó do các giảng viên của khoa Nhạc cụ truyền thống tổng hợp, biên soạn lại sau nhiều năm tham gia công tác giảng dạy tại đây. Có thể kể đến:

"Tuyển tập các tác phẩm Việt Nam soạn cho đàn Tam thập lục" – Nhạc viện Hà Nội của các giảng viên Nguyễn Xuân Dung – Hồng Phúc – Thu Hải – Thanh Hằng.

"Tuyển tập dân ca, tác phẩm mới Việt Nam và nước ngoài" (soạn cho Tam thập lục) của GV Hồng Phúc.

"Tuyển tập nhạc cổ" (giáo trình đàn Tam thập lục) – Nhạc viện Hà Nội 1997- GV Thanh Hằng (viết chung).

"Tuyển tập các bài tập kĩ thuật cho bậc sơ cấp" của các giảng viên Xuân Dung - Hồng Phúc .

"Tuyển tập các bài tập kĩ thuật cho bậc Trung cấp"- GV Hồng Phúc.

"Tuyển tập chèo cổ Việt Nam cho đàn Tam thập lục" của các giảng viên Xuân Dung- Hồng Phúc - Thu Hải - Thanh Hằng (2007).

Tuy nhiên, nhìn sơ qua các tuyển tập trên chúng ta thấy một thực trạng: Tuy có sự chú trọng tới giáo trình nhưng hiện nay mới có duy nhất một tập tổng hợp những tác phẩm cho đàn Tam thập lục ở bậc Đại học đó là: *Tuyển tập các tác phẩm Việt Nam soạn cho đàn Tam thập lục*. Trong tuyển tập là phần giai điệu của đàn độc tấu và nếu như dựa trên bảng tổng hợp trên thì vẫn còn thiếu một số tác phẩm như: ***Phiên chợ rẻo cao, Vũ khúc Chăm, Áo tứ thân, Hương rừng, Tây Nguyên trăng lại sáng, Dòng suối Hơ – riêng, Hương xuân.*** Đặc biệt các tác phẩm có phần đệm của dàn nhạc thì phần tổng phổ vẫn chưa được in ấn, lưu lại trên thư viện của trường mà chỉ được các giảng viên lưu giữ lại với tư cách cá nhân. Điều này cho thấy sự thiếu vắng của bộ giáo trình chuyên nghiệp về tác phẩm Việt Nam cho đàn Tam thập lục độc tấu ở bậc Đại học. Đây cũng là một trong những điểm bất cập khiến cho quá trình dàn dựng tác phẩm cùng dàn

nhạc gặp rất nhiều khó khăn như: tam sao thất bản (không có một phần dàn nhạc thống nhất), mất thời gian tìm tổng phổ (ai giữ, bản phối nào hay, hợp lý hơn…).

1.2.2. Phương pháp giảng dạy và dàn dựng tác phẩm mới.

Để đưa ra các giải pháp thể hiện tác phẩm được tốt và phù hợp với tình hình thực tế đào tạo tại HVANQGVN, chúng tôi đã thực hiện khảo sát quá trình giảng dạy, dàn dựng bài của một số GV. Cụ thể là:

Khảo sát 1: được thực hiện ở học kỳ 2 năm học 2014-2015

Đối tượng: SV Đại học 2.

Tên tác phẩm: ***Cao nguyên xanh.***

Qua quá trình khảo sát cho thấy:

-*Về phương pháp* (PP) *giảng dạy*

GV giao bài cho SV và yêu cầu SV tự soạn trước bài ở nhà. Đến giờ lên lớp, SV trình bày phần chuẩn bị ở nhà với việc chơi tác phẩm từ đầu đến cuối. Về cơ bản, những buổi học đầu, SV mới thực hiện được khâu vỡ bài, tạm đánh trôi chảy bài. Trên cơ sở đó GV góp ý cho SV phải lưu ý và giải quyết bằng được một số kỹ thuật khó trong bài như kỹ thuật tạo âm thanh bằng đầu que đàn, kỹ thuật ngắt tiếng v.v... Trong quá trình hoàn thiện kỹ thuật, GV hướng dẫn SV kết hợp với việc thể hiện tính chất của bài như: đoạn này đánh mềm mại, trữ tình, đoạn kia khoẻ khoắn, tiếng đàn chắc, đánh đủ lực để âm thanh vang lên mạnh mẽ hơn v.v… Có lúc GV thị phạm mẫu để SV nghe và thực hiện lại. Cuối mỗi buổi GV đều dặn dò nội dung cần phải thực hiện, luyện tập ở nhà. Qui trình này (trừ khâu giao bài) được GV thực hiện trong nhiều buổi học đến khi SV hoàn chỉnh bài. Các PP được sử dụng trong giờ học là PP thuyết trình, PP thị phạm mẫu (đối với GV) và PP thực hành luyện tập (đối với SV).

-*Về dàn dựng tác phẩm*

Để phục vụ cho kỳ thi học kỳ 2, GV đã sử dụng đàn Tam thập lục đệm cho SV. Khi dàn dựng GV giữ nhịp cho phần độc tấu và phần đệm, chỉ bảo những chỗ ra vào cho SV để làm sao hai bên được khớp với nhau, cuối cùng là xử lý tác phẩm thông qua cường độ to nhỏ.

Đánh giá kết quả qua buổi thi học kỳ

-Về xử lý kĩ thuật trong tác phẩm

Với trình độ Đại học 2, SV vẫn chưa đạt được đến độ xử lí tác phẩm tốt. SV mới dừng ở mức trình diễn tác phẩm đúng nốt; những chỗ chuyển nhịp, tiết tấu còn chưa có sự chủ động; kĩ thuật đánh chồng âm tốc độ nhanh chưa được rõ nét, những nét chạy kép tốc độ nhanh hay bị đứt quãng.

Nguyên nhân: đây là tác phẩm có nhiều nét chạy nhanh kết hợp tiết tấu thay đổi liên tục, một số câu chạy không được thuận tay nên đòi hỏi các em phải có thời gian đầu tư tập luyện đến khi thuần thục. Tuy đã được GV nhắc nhở về xếp thế tay nhưng SV vẫn chưa thực sự quan tâm và rèn luyện nên kỹ thuật này chưa được khắc phục triệt để. Bởi thế, chỉ cần một nốt sai với cách xếp thế tay chưa chuẩn sẽ làm các em bị ảnh hưởng tâm lí và quên mất các nốt tiếp theo, dẫn đến việc vấp váp trong khi thực hiện tác phẩm. Ngoài ra, GV chưa thực sự nghiêm khắc ép SV thực hiện đúng thế tay.

-Về nghệ thuật diễn tấu

Khi thể hiện tác phẩm SV chưa thực sự hòa mình vào tác phẩm, còn khá bị động vào việc đánh đúng nốt, trôi chảy của bài, chưa chủ động nghe được phần dàn nhạc nên những chỗ vào ra khá căng thẳng khiến cho nhịp giữa hai bộ phận độc tấu và phần đệm chưa thực sự ăn khớp với nhau… dẫn đến việc xử lí tác phẩm bị đều đều, không thể hiện rõ được tính chất, nội dung của tác phẩm. Bản thân SV không tự tìm ra vấn đề mấu chốt trong việc thể hiện các yếu tố về nghệ thuật trong tác phẩm. Đồng thời yếu tố trình diễn cơ thể có phần cứng nhắc khi đánh đàn khiến người nghe căng thẳng theo.

Nguyên nhân: Một số vấn đề về tiết tấu, nhịp điệu, nhấn đúng hay phong cách diễn tấu kết hợp sắc thái chưa được chú trọng. GV chưa dành thời gian hướng dẫn SV tìm hiểu sâu tác phẩm, phân tích tác phẩm trước khi tiến hành tập luyện. Những đoạn khó giảng viên vẫn đánh mẫu và SV làm theo, dẫn đến xử lí tác phẩm chưa có sự mềm mại, không chủ động, thiếu tính sáng tạo.

-Trình diễn cùng dàn nhạc

Đối với quy mô thi cuối kì, SV năm thứ 2 không đầu tư vào phần dàn nhạc phần lớn bởi tốn kém về kinh phí. Sau khi hoàn thiện tác phẩm, GV sẽ dành ra một chút thời gian để tự đệm bằng đàn Tam thập lục cho SV để tăng sự phong phú trong việc trình diễn tác phẩm. Bạn SV nào khá giả hơn có thể nhờ tốp nhạc đệm (dàn nhạc thu nhỏ) cho mình. Trong quá trình luyện tập cùng đàn đệm hoặc tốp nhạc, phần độc tấu và dàn nhạc thường xuyên bị xô nhịp do người độc tấu hồi hộp, không làm chủ được tốc độ của bài.

Nguyên nhân: khi học tác phẩm này, SV chỉ được tiếp xúc với bản phổ của đàn Tam thập lục mà không được biết đến toàn bộ tác phẩm với cả tổng phổ của dàn nhạc. Đến hôm dựng bài, SV vẫn không được tiếp xúc với tổng phổ dàn nhạc mà chỉ nhất nhất đánh đúng nhịp bài độc tấu, những chỗ nghỉ và vào bài phụ thuộc vào sự dàn dựng của GV. Sau vài lần khớp với dàn nhạc, SV tự nhớ những chỗ kết hợp với dàn nhạc để trình diễn tác phẩm. Cách học và đệm như thế này đã dẫn đến chất lượng chưa cao là hoàn toàn đúng.

Khảo sát 2: được thực hiện ở học kỳ 2 năm học 2014 - 2015

Đối tượng: SV Đại học năm 4.

Tên tác phẩm: ***Niềm vui mới.***

Qua quá trình khảo sát chúng tôi nhận thấy:

-*Về phương pháp* (PP) *giảng dạy*

Cũng như khảo sát số 1, qui trình giảng dạy của GV ở đây cũng khá giống nhau với việc: giao bài và nhắc nhở SV tự luyện tập bài ở nhà chuẩn bị cho những buổi lên lớp tới. Trong các buổi lên lớp, ngoài việc lưu ý SV phải thuộc bài nhanh, GV luôn nhắc nhở SV những chỗ mắc lỗi kỹ thuật cần khắc phục như: những đoạn vê các nốt liền nhau theo tiết tấu, SV thường bị chậm lại ở phần này vì độ nhanh của tay chưa đạt yêu cầu và chưa có sự phân bố hợp lí trường độcác nốt vê. Xuất hiện nhiều tiết tấu đảo phách, có lúc SV đánh chậm lại, lúc lại nhanh vọt lên so với tốc độ đang trình diễn. Đây là tác phẩm có rất nhiều câu chạy phức tạp, chéo tay và nhảy quãng xa dẫn đến các câu chạy bị ngắt quãng giữa chừng và có hiện tượng đánh nhòe nốt. Cuối mỗi buổi GV đều

nhắc nhở SV những yêu cầu luyện tập bài ở nhà. Các PP được sử dụng trong giờ học là PP thuyết trình, PP thị phạm mẫu (đối với GV), PP thực hành luyện tập (đối với SV).

-Về dàn dựng tác phẩm

Năm thứ 4 là năm tốt nghiệp đại học của SV, vì thế chương trình thi khá nặng với đủ các loại bài thuộc các phong cách âm nhạc khác nhau, trong đó có nhạc cổ và tác phẩm mới. Tất cả các bài thi đều được dàn dựng công phu, nhất là tác phẩm mới luôn được dàn dựng với đầy đủ các thành phần nhạc cụ. Tuy nhiên việc dàn dựng của GV cũng không có nhiều sự khác biệt với cách dàn dựng cho SV năm thứ 2, có chăng chỉ là các buổi làm việc có kỹ lưỡng hơn. SV trong quá trình học tác phẩm cũng không hề tiếp xúc với tổng phổ của tác phẩm đang chơi.

Đánh giá kết quả qua buổi thi học kỳ

-Về xử lý kĩ thuật trong tác phẩm

Đây là tác phẩm khá phức tạp về kĩ thuật, nếu không có sự tập luyện nghiêm túc thì khó có thể trình diễn trôi chảy tác phẩm, đó là chưa nói đến việc thể hiện tốt tác phẩm. Tuy đã là SV năm thứ 4 nhưng tác phẩm được học cũng khó lên theo năm học, vì thế đòi hỏi SV cũng phải làm việc vất vả hơn mới mong đạt kết quả tốt. Với những gì GV nhắc nhở cũng như hướng dẫn SV phương pháp thực hiện các kỹ thuật đó, thậm chí có thực hành mẫu nhưng hôm thi, SV vẫn vướng lỗi kỹ thuật.

Nguyên nhân: làm việc với SV chúng tôi được biết bên cạnh những SV có khả năng tiếp thu hạn chế, lười học còn có những SV rất chăm chỉ luyện tập nhưng chưa thật sự hiểu ra vấn đề để giải quyết lỗi kỹ thuật đó, vậy SV phải làm gì? Tôi cho rằng ở đây có vấn đề về phương thức luyện tập như không tách những chỗ mắc lỗi để tập riêng. Tư thế ngồi và cánh tay, cổ tay bị cứng chưa thả lỏng được hoàn toàn. Đây là những lỗi kỹ thuật bị mắc ngay từ những năm đầu nên sẽ rất khó khăn để sửa nếu không quyết tâm.

-Về xử lí nghệ thuật diễn tấu

Mặc dù đã có xử lí về cường độ và âm sắc nhưng vì có những lỗi về kỹ thuật nên việc thể hiện cảm xúc tác phẩm bị hạn chế, tiếng đàn chưa có chiều sâu và sự tương phản trong từng câu nhạc chưa rõ ràng. SV còn ngại trong việc thể hiện bằng ngôn ngữ cơ thể, những động tác không có sự rõ ràng và không tự tin khi kết hợp biểu cảm cơ thể.

Nguyên nhân: GV ít quan tâm đến việc giới thiệu nội dung, tính chất tác phẩm vì cho rằng đây là việc SV phải làm, thiếu sự kiểm tra trong khi SV chưa có ý thức tự tìm hiểu và phân tích tác phẩm được học mà quen lệ thuộc vào GV. SV cũng không đặt cao yếu tố trình diễn của cơ thể, cũng chưa có sự tìm tòi, học hỏi ngoài giờ lên lớp. Vì thế, trong xử lý tác phẩm có những đoạn thể hiện rõ phong cách chơi của GV phụ trách chuyên ngành nhưng là một bản sao không rõ nét.

-Trình diễn cùng dàn nhạc

SV Đại học 4 sẽ có thời gian luyện tập cùng dàn nhạc vào thời điểm gần đến kì thi tốt nghiệp. Do không được tiếp xúc với tổng phổ ngay từ đầu nên quá trình làm việc với dàn nhạc, SV gặp không ít khó khăn khi hoà cùng dàn nhạc sao cho khớp với nhau; sao cho cùng nhau thể hiện tốt ý đồ nghệ thuật của tác phẩm; nhường nhau ra vào, to nhỏ để nâng đỡ nhau, chắp cánh cho nhau cùng thể hiện tác phẩm. Tuy đã có thầy dàn dựng nhưng với thời gian ngắn đó, những ý tưởng và cảm xúc chung của cả tác phẩm SV chưa được nhuần nhuyễn hoặc ra thi bị áp lực nhiều phía nên bị động không thể làm chủ bản thân khi xử lý mà trình diễn một cách cứng nhắc. Đây cũng là lý do khiến khi thi SV không thể hiện rõ ngôn ngữ cơ thể chuyển động theo hơi thở của âm nhạc đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thi.

Sau khi khảo sát thực tế, chúng tôi có một vài nhận định sau

- Đội ngũ giảng viên trong bộ môn đàn Tam thập lục đạt chuẩn về trình độ, nhiệt tình trong công tác giảng dạy nhưng một số ít giảng viên hầu như chưa được tham gia các khóa đào tạo về nghiệp vụ sư phạm. Phương pháp giảng dạy chưa đa dạng hóa, chưa phát huy được vai trò tự chủ và sáng tạo của sinh viên, phương pháp giảng dạy chưa được chú trọng đến nghệ thuật trình diễn.

- Chất lượng học tập của sinh viên phải được dựa trên hai chiều: từ giảng viên và từ bản thân nhưng hiện nay chỉ dừng lại ở việc tiếp thu kiến thức theo một chiều (chiều từ giảng viên). Nhiều SV vẫn chưa biết áp dụng hoặc phát huy kiến thức được học từ các môn kiến thức cơ bản như: Lý thuyết âm nhạc, Phân tích tác phẩm...vào việc học chuyên ngành. Do đó, SV thường bỏ qua khâu tìm hiểu, phân tích tác phẩm và chưa tìm ra phương pháp tự học ở nhà phù hợp với bản thân.

- Trình diễn cùng dàn nhạc là một nghệ thuật, chúng ta cần nghe được tất cả âm thanh của các cây đàn cùng với nhau. Bên cạnh đó là sự thống nhất về giai điệu, cao độ, sắc thái, trường độ, phân bè, phân tổ rõ ràng. Trên thực tế, có một vài nhược điểm cần lưu ý trong việc kết hợp cùng dàn nhạc hiện vẫn còn tồn tại:

+ Lên dây chưa chuẩn.

+ Chưa thật sự chú ý xử lí sắc thái có trong bài, chưa thấy rõ việc nghe lẫn nhau giữa các bè, đôi khi dàn nhạc còn chơi quá to lấn át độc tấu.

+ Đôi khi trình diễn không đầy đủ các bộ trong dàn nhạc nên hiệu quả âm thanh chưa tốt, bị rỗng bè.

Ở thời đại công nghệ thông tin phát triển, SV có nhiều điều kiện tiếp xúc với các tư liệu có trên mạng xã hội như CD, VCD, Youtube... Đây thực sự là một cơ hội tốt bởi khi được nghe đầy đủ tác phẩm nhất là phần trình diễn có dàn nhạc, các em sẽ có một cái nhìn bao quát và dễ hình dung ra những gì mình đang được học. Đồng thời được nghe, nhìn, cảm nhận sự kết hợp tuyệt vời, đầy tính nghệ thuật của cây đàn Tam thập lục khi kết hợp cùng dàn nhạc.

1.2.3.Cơ hội tiếp xúc với dàn nhạc.

Khi tốt nghiệp Trung cấp, đối với học sinh giỏi có thể lựa chọn thi các tác phẩm có phần đệm của dàn nhạc như chúng tôi đã nêu ở mục **1.2.1**. Đây là lần đầu tiên trong quá trình học tập các em được trình diễn cùng dàn nhạc và không tránh khỏi sự bỡ ngỡ, sai sót.

Ở bậc Đại học, SV được học môn hòa tấu ngay từ năm thứ 1 nhưng chỉ dành cho thể loại nhạc phong cách như:

+ Năm thứ 1: Hòa tấu Chèo.

+ Năm thứ 2: Hòa tấu Huế.

+ Năm thứ 3: Hòa tấu Cải Lương.

Còn thiếu vắng những giờ học hòa tấu và trình diễn tác phẩm mới cho SV ở bậc này, các em chưa có nhiều cơ hội trau dồi kiến thức và nâng cao kĩ năng trình diễn cùng dàn nhạc.

Dàn nhạc dân tộc Việt Nam được thành lập vào năm 2009 với số lượng khoảng 70 người đến từ khoa Nhạc cụ truyền thống HVANQGVN. Từ những ngày đầu thành lập dàn nhạc đến nay đã có sự tham gia của rất nhiều giảng viên và SV trong khoa. Đây là một cơ hội rất quý để SV được tiếp xúc với dàn nhạc lớn, quy mô và chuyên nghiệp nhất Việt Nam. Tuy nhiên, không phải SV nào cũng được lựa chọn tham gia luyện tập và trình diễn, chỉ có những em học lực giỏi, xuất sắc mới được tham gia bởi quy mô dàn nhạc lớn đòi hỏi SV phải hội tụ đủ về kiến thức âm nhạc (thị tấu nhanh, nắm bắt các kí hiệu có trong bài), phải biết lắng nghe các bè khác, có kĩ năng vừa nhìn bài vừa nhìn người chỉ huy, khả năng trình diễn... những SV học lực yếu, trung bình hiện chưa có điều kiện được tham gia.

Vậy với việc chưa có các lớp học hòa tấu tác phẩm và chưa có nhiều sân chơi để SV tham gia khá là thiệt thòi cho các em. Bởi đến khi tốt nghiệp Đại học 4, việc trình diễn cùng dàn nhạc sẽ tạo áp lực tâm lí lớn trong suốt quá trình thi, ảnh hưởng đến chất lượng tác phẩm khi trình diễn và đương nhiên đến cả kết quả thi tốt nghiệp của SV.

1.2.4.Những hạn chế trong việc chơi các tác phẩm đàn Tam thập lục khi kết hợp với dàn nhạc.

Các tác phẩm viết cho độc tấu và dàn nhạc ra đời đã đem lại một diện mạo mới cho cây đàn Tam thập lục. Mặc dù là cây đàn "không thể thiếu" trong dàn nhạc với vai trò đệm nhưng khi xuất hiện lại không nổi bật hẳn lên như những cây đàn giai điệu khác như: Bầu, Sáo, Nhị… Vì vậy, khi các tác phẩm này ra đời như tiếp thêm nguồn sống, nguồn năng lượng cho cây đàn. Với vai trò mới là cây đàn "độc tấu" cũng đồng nghĩa với trách nhiệm cao hơn của người diễn tấu,

đòi hỏi người trình diễn không những phải có kĩ thuật tốt mà còn hội tụ nhiều kĩ năng khác mới có thể hoàn thiện tốt tác phẩm.

Nhạc phong cách Chèo, Huế, Cải lương khi trình diễn cũng có phần đệm (Phần đệm có lúc vẫn đầy đủ các nhạc cụ khác như dàn nhạc nhưng chỉ sử dụng một đàn cho mỗi loại). Khi hòa cùng nhau, người trình diễn có thể tự do thêm bớt nốt hoặc tiết tấu trên nền lòng bản một cách phù hợp nhằm khoe được triệt để lợi thế từng cây đàn. Tuy nhiên trong tác phẩm viết cho độc tấu và dàn nhạc, người chơi đàn phải tuyệt đối tôn trọng, tuân thủ chính xác từng nốt, từng câu nhạc có sẵn. Nếu không có nền tảng tốt về các kiến thức âm nhạc, phách nhịp cũng như sự tập trung cao độ rất có thể người trình diễn sẽ không thể hoàn thiện được tác phẩm. Mà thực tế còn nhận thấy rằng kiến thức tổng quan của SV vẫn còn nhiều hạn chế, các em chưa có sự áp dụng linh hoạt những gì đã học vào trong thực tế tác phẩm.

Khảo sát thực trạng cho thấy do ít được tiếp xúc với phần dàn nhạc nên sinh viên thường bị động, mất bình tĩnh dẫn đến không nghe được âm thanh phần đệm, không chủ động đối thoại được với dàn nhạc, nhịp phách không giữ được sự ổn định... người đệm trong dàn nhạc luôn phải chạy theo phần độc tấu. Sắc thái cũng là một phần quan trọng khi kết hợp cùng dàn nhạc. Đàn Tam thập lục bị hạn chế bởi không có khả năng ngắt tiếng khi thể hiện những nét chạy dài trong bài, âm thanh của nhiều nốt được vang lên trong không gian và được lưu giữ lại gây cảm giác nhoè, không rõ nét. Hạn chế của tính năng nhạc cụ cũng ảnh hưởng khi nó được kết hợp cùng dàn nhạc. Mặc dù cây đàn nhiều lần được cải tiến nhưng đến nay chất lượng của nó vẫn chưa thực sự đạt đến độ chuẩn. Hệ thống dây chưa được ổn định, dễ bị lên xuống dẫn đến việc phô chênh. Tam thập lục là cây đàn duy nhất có cấu tạo trong một nốt đàn được lắp từ 3; 4 thậm chí là 5 dây đàn (các dây được lên đồng âm). Chính vì vậy mà chỉ cần một trong số các dây cao hơn hay thấp hơn các dây còn lại sẽ làm ảnh hưởng đến độ chuẩn của âm thanh nốt khi vang lên. Việc xử lí sắc thái từ cực to đến cực nhỏ trong các tác phẩm dễ làm cho cây đàn bị xuống dây, bị chênh với cả dàn nhạc, điều này ảnh hưởng đến chất lượng của tác phẩm khi được trình diễn.

Tuy nhiên trong vấn đề đàn độc tấu và dàn nhạc đệm kết hợp hiện vẫn chưa đạt đến độ hoàn thiện. Mặc dù dàn nhạc đệm quy tụ những GV và SV giỏi, xuất sắc trong khoa nhưng vì chưa có điều kiện luyện tập thường xuyên (chỉ khi nào có chương trình hoặc đến kì thi mới dành thời gian ngắn để luyện tập), kèm theo đó là khối lượng tác phẩm nhiều nên trong quá trình tập luyện và biểu diễn chưa có sự lắng nghe lẫn nhau. Mới chỉ tập trung vào nhìn đúng nốt còn việc xử lí sắc thái của dàn nhạc chưa đạt được chiều sâu nghệ thuật mà tác phẩm yêu cầu.

Tổng phổ dàn nhạc chưa chính quy, chưa được in ấn rộng rãi mà chỉ lưu hành nội bộ. Một số tác phẩm chỉ có phần tổng phổ mà không có riêng phân phổ dẫn đến việc mỗi năm sinh viên phải tự ghi phân phổ riêng. Hầu hết đều có sự nhầm lẫn trong quá trình sao chép tay (về nốt, hòa thanh, thừa thiếu nhịp...), mất khá nhiều thời gian để tìm và sửa chỗ sai cho từng bè dẫn đến kết quả chưa cao khi tập luyện cùng dàn nhạc.

Tiểu kết chương 1

Lịch sử cây đàn Tam thập lục từ khi mới du nhập vào Việt Nam đến nay đã trải qua nhiều bước phát triển. Từ một cây đàn được sử dụng với chức năng "đệm, hòa tấu" đến giờ đã đảm đương vai trò "độc tấu" với sự phụ họa của dàn nhạc. Có thể nói đây là một bước tiến lớn đánh dấu sự trưởng thành của cây đàn trong nền âm nhạc dân tộc chuyên nghiệp Việt Nam.

Để làm cơ sở cho những giải pháp về *Giảng dạy các tác phẩm độc tấu với dàn nhạc cho đàn Tam thập lục*, trong chương 1 chúng tôi đã tổng hợp các kĩ thuật mới được các nhạc sĩ khai thác, sử dụng trong tác phẩm của mình, cũng như đi vào giới thiệu một cách khái quát sáu tác phẩm độc tấu với dàn nhạc là: ***Rặng cây trước gió, Thu sang, Áo tứ thân, Niềm vui mới, Vũ khúc Chăm, Cao nguyên xanh.*** Đây đều là những tác phẩm có giá trị và được giới trong nghề công nhận, đưa vào trong chương trình giảng dạy bậc đại học tại HVANQGVN. Hai trong số sáu tác phẩm trên còn được xếp vào chương trình thi chính thức ở bậc Cao học đó là : ***Niềm vui mới, Áo tứ thân***.

Ngoài ra, trong chương 1, chúng tôi còn tiến hành khảo sát thực tế giảng dạy các tác phẩm Việt Nam độc tấu, trong đó có các tác phẩm này, cũng như chương trình, giáo trình đào tạo để đưa ra một số nhận xét về những điểm còn tồn tại cần có những đổi mới để việc giảng dạy tác phẩm mới tại Học viện ANQGVN đạt được hiệu quả cao hơn. Cụ thể là:

- Về chương trình, giáo trình: chương trình đào tạo mặc dù được bổ sung thêm nhiều tác phẩm nhưng vẫn chưa thực sự đủ bởi chưa đáp ứng được tính thẩm mĩ và chuyên nghiệp ở bậc này. Hiện trong giáo trình các tác phẩm Việt Nam cũng chưa được in đầy đủ tổng phổ, phân phổ các tác phẩm độc tấu với dàn nhạc cho đàn Tam thập lục bậc đại học nên rất cần được bổ sung và hoàn thiện sớm.

- Về phương pháp giảng dạy: phương pháp giảng dạy chưa đa dạng hóa, chưa phát huy được vai trò tự chủ của sinh viên, lấy người học làm trung tâm. Bởi hiện sinh viên đang dừng lại ở việc tiếp thu kiến thức theo kiểu một chiều (chiều từ giảng viên). Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo mà cụ thể ở đây là tác phẩm mới với dàn nhạc.

- Về tiếp xúc với dàn nhạc: chưa có các lớp hòa tấu tác phẩm cho SV được làm quen, trau dồi kiến thức về việc trình diễn cùng dàn nhạc, gây ảnh hưởng không nhỏ tới lúc thi tốt nghiệp bậc Đại học.

Từ một số bất cập trên, chúng tôi sẽ nghiên cứu và đưa ra một số giải pháp khắc phục ở chương 2.

CHƯƠNG 2
MỘT SỐ GIẢI PHÁP

2.1.Giảng dạy tác phẩm độc tấu với dàn nhạc ở bậc Đại học.

Những tác phẩm viết cho đàn Tam thập lục độc tấu với dàn nhạc mang đến một hơi thở mới hiện đại, chuyên nghiệp hơn mà vẫn giữ được màu sắc cổ truyền vốn có. Chủ đề âm nhạc phong phú từ tình yêu đôi lứa, bức tranh mùa thu dịu dàng đến cảnh thiên nhiên hùng vĩ của núi rừng, những điệu múa mê hoặc lòng người... đồng thời đưa chúng ta đi qua nhiều vùng đất trải dài trên khắp đất nước thông qua việc khai thác chất liệu âm nhạc vùng miền đặc trưng và đưa vào trong tác phẩm. Không chỉ có thế, việc phát triển tác phẩm theo lối tư duy của âm nhạc phương tây được áp dụngvào phần độc tấu cũng như viết cho dàn nhạc truyền thống Việt Nam. Về phần độc tấu các nhạc sĩ tận dụng triệt để những kĩ thuật từ đơn giản đến phức tạp, vừa tiếp thu những cái mới - kết hợp với những cái đã có sẵn để sáng tạo nên những ngón đàn có kĩ thuật cao làm nó có sức diễn tả rộng lớn hơn. Bên cạnh đó là việc sáng tác theo hình thức âm nhạc cụ thể, có thêm phần Cadenza khoe khéo kĩ thuật của người trình diễn. Đối với phần viết cho dàn nhạc không chỉ giới hạn ở các nhạc cụ dân tộc mà các nhạc sĩ đưa thêm một số nhạc cụ phương tây vào trong phần đệm nhằm thay đổi màu sắc đồng thời thể hiện được đúng tính chất âm nhạc làm nổi bật phần độc tấu.

Chính bởi những tác phẩm ở bậc Đại học phức tạp hơn bậc Trung cấp và đòi hỏi sinh viên cần tổng hợp nhiều kĩ năng, kĩ xảo, kiến thức âm nhạc phong phú nên bên cạnh việc hướng dẫn những kĩ thuật mới, giảng viên cần hướng dẫn sinh viên tìm hiểu, phân tích, xử lí tác phẩm để diễn tả được nội dung của tác phẩm. Đây là những kiến thức mới với các sinh viên vì khi ở bậc Trung cấp các em mới chỉ được tiếp xúc bước đầu và chưa tìm hiểu tác phẩm một cách sâu sắc.

2.1.1. Hướng dẫn SV tìm hiểu tác phẩm được học.

Tìm hiểu tác phẩm được coi là bước tiếp cận quan trọng trước khi SV đi vào thực hành trình diễn tác phẩm bởi có hiểu tác phẩm thì việc học sẽ nhanh hơn, chủ động hơn và có ý thức hơn trong việc xử lý các tác phẩm đó. Trong quá trình học tập, các SV đều được trang bị những kiến thức về âm nhạc nhưng hầu

hết các em chỉ học một cách thụ động, chưa để tâm và chưa biết vận dụng vào trong chính những tác phẩm được học. Đây chính là lí do khiến các em lâu nhớ bài, trình diễn tác phẩm nhưng không hiểu về tác phẩm đó. Để giờ học có kết quả, GV nên hướng dẫn SV tìm hiểu tác phẩm qua ba bước cơ bản như sau:

Bước 1:

+ SV được giao phần giai điệu độc tấu để vỡ bài trước rồi sau đó mới nhận tổng phổ.

+ Giảng viên đặt ra những câu hỏi yêu cầu SV sẽ trả lời vào buổi học sau, cụ thể là tìm hiểu bố cục tác phẩm, chất liệu âm nhạc được dùng để xây dựng chủ đề, những kí hiệu như sắc thái, tốc độ, kĩ thuật.. có trong tác phẩm.

Bước 2:

Trao đổi với SV để nắm bắt được sự hiểu biết của SV đối với tác phẩm như thế nào. Như vậy, giảng viên sẽ biết được phần nào trình độ tổng quan của từng SV để từ đó có hướng khắc phục, bổ sung nhằm hoàn thiện tốt nhất kiến thức cho SV cũng như việc trình diễn tác phẩm.

Bước 3:

Bổ sung kiến thức cho SV ở các mục sau:

+ Nội dung tư tưởng.

+ Cấu trúc tác phẩm.

+ Chất liệu âm nhạc.

+ Các kí hiệu được sử dụng trong tác phẩm.

+ Kí hiệu sắc thái.

Sau đây chúng tôi xin lấy ví dụ về tác phẩm ***Cao nguyên xanh*** của tác giả Trần Luận:

+ Nội dung tư tưởng: khắc họa cuộc sống yên bình hòa với phong cảnh núi rùng Tây Nguyên thơ mộng.

+ Chất liệu âm nhạc Tây Nguyên, cụ thể là thang âm trong dân ca của người Ede, Gia Rai.

Thang âm: C E F G H C

+ Cấu trúc tác phẩm gồm hai phần chính (Phần 1 - Phần 2) và Phần mở đầu.

Phần mở đầu (29 nhịp): đàn Tam thập lục chạy tự do trên thang âm đặc trưng của vùng đất Tây Nguyên.

Phần 1 (từ nhịp 30 đến nhịp 77): cuộc sống thanh bình của người dân Tây nguyên được khắc họa bởi nét giai điệu đẹp, đặc trưng và cả tiếng chim hót véo von thể hiện qua các nốt hoa mĩ, trong phần có ghi sử dụng kĩ thuật đổi đầu que và chuyển một đoạn từ C dur sang G dur (nên nhắc SV chú ý dấu hóa).

Phần 2 (từ nhịp 78 đến hết): cuộc sống thanh bình cùng cảnh lao động hăng say của con người nơi đây. Kĩ thuật ghi trong tác phẩm: gẩy đuôi que, bịt tiếng, đổi đầu que, phần này có nhiều câu chạy tốc độ cao cần chú ý tập kĩ.

+ Kí hiệu sắc thái : nhấn mạnh >; kí hiệu nhỏ (p), to (f) hay cực to (fff) tương ứng với các phần, đoạn trong tác phẩm.

Những lưu ý giữa các đoạn đối thoại, chuyển tiếp giữa đàn độc tấu và dàn nhạc.

2.1.2. Thực hiện tác phẩm.

Phương pháp xử lý yếu tố kĩ thuật

Xử lí kĩ thuật là bước đầu trong việc hoàn thiện tác phẩm, khi luyện tập chúng ta cần phải nắm được những kĩ thuật có trong bài và xử lí sao cho đúng và tinh tế nhất.

Tại sao chúng tôi lại nói "tinh tế"? Bởi ở bậc Trung cấp khi mới được học về các kĩ thuật bước đầu, các em chỉ chú trọng đánh sao cho đúng nhưng khi bước vào các tác phẩm lớn ở bậc Đại học còn yêu cầu các em phải trình diễn ở trình độ khó hơn. Cùng một tác phẩm nhưng mỗi SV đưa đến người nghe một cảm nhận khác nhau, có nhiều yếu tố trong đó nhưng có lẽ cách xử lí kĩ thuật một cách tinh tế sẽ cho người nghe cảm thấy hài lòng hơn. Để làm được điều này trong lúc thực hiện tác phẩm, bên cạnh việc tìm hiểu các kĩ thuật có trong bài thì GV và SV nên tìm ra những phương thức giúp SV luyện tập làm tăng độ hoàn thiện của các kĩ thuật đó như.

GV có thể sử dụng phương pháp trao đổi, đối thoại hay có thể là phương pháp thị phạm cho SV hiểu rằng để thực hiện được kĩ thuật đó cần phải nắm

được những thao tác gì, như là xử lý cổ tay, cánh tay, ngón tay như thế nào, cảm nhận lực tác động ra sao, khoảng cách từ que đàn rơi xuống dây đàn cũng ảnh hưởng đến chất lượng âm thanh phát ra…

Cụ thể là tác phẩm ***Áo tứ thân*** của nhạc sĩ Hoa Đăng được mở đầu là giai điệu đánh chồng âm quãng 8, tốc độ tự do. GV trao đổi với SV về kĩ thuật đánh quãng 8 đòi hỏi hai que đàn chạm vào dây với lực tay đều,hai nốt quãng 8 vang lên cùng một thời điểm, hạn chế tối đa nốt vang lên trước nốt vang sau. Ngoài việc sử dụng ngón tay, cổ tay còn yêu cầu dùng thêm cả cánh tay tạo sự mềm mại, uyển chuyển.

Ví dụ 11: Xử lý kĩ thuật chồng âm quãng 8 diễn tấu tự do (trích trong tác phẩm ***Áo tứ thân,*** nhịp 01 - 04)

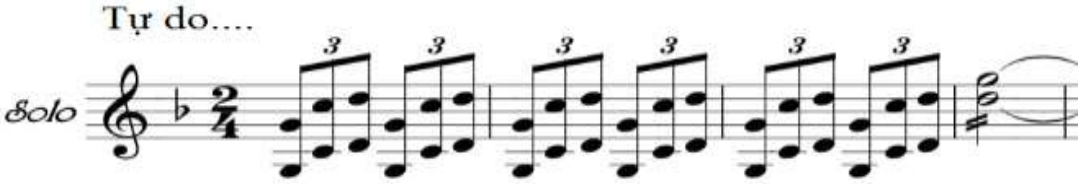

Cũng sử dụng kĩ thuật đánh quãng 8 nhưng đoạn khác lại chơi ở tốc độ nhanh, sử dụng nhiều dấu hóa bất thường cần yêu cầu SV tập từ tốc độ chậm, chính xác nốt, khi đã đánh tốt sẽ tăng dần tốc độ. GV hướng dẫn SV nên giơ que đàn thấp so với dây đàn để khi hai tay kết hợp cùng nhau sẽ đạt được tốc độ yêu cầu, GV có thể thị phạm theo hai cách giơ que đàn thấp và giơ que đàn cao để SV có sự so sánh. Sau đó SV thực hành, ban đầu có thể chưa làm được nên bên cạnh việc GV hướng dẫn thì khi về nhà SV cần chăm chỉ luyện tập. Khi SV tự hiểu được vấn đề sẽ giúp các em tìm ra được lỗi mình đang mắc phải khi thực hiện kĩ thuật đó, từ đó sẽ có những cách luyện tập phù hợp.

Ví dụ 12: Xử lý kĩ thuật đánh chồng âm quãng 8 với tốc độ nhanh (trích trong tác phẩm ***Áo tứ thân***, nhịp 145 – 150)

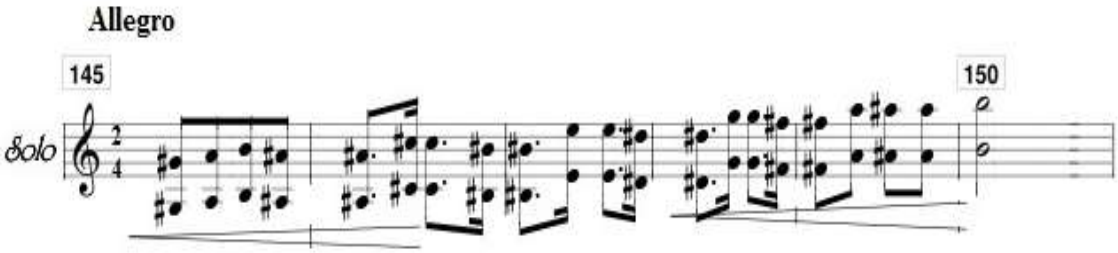

Nối tiếp chồng âm quãng 8 là nét giai điệu rải lướt liên tục, tốc độ nhanh dần đều. Kĩ thuật rải lướt nếu ở tốc độ chậm, thong dong yêu cầu đánh rõ nốt nhưng tiếng đàn nhẹ, lướt êm trên dây đàn. Khi xử lý kĩ thuật lướt (ở phần chậm), có một nguyên lý trong việc tiến hành kĩ thuật đó là sử dụng hết cánh tay, cổ tay, tất cả đều cần được thả lỏng, có tiết chế lực để âm thanh được thoát ra nhẹ khi que đàn giơ cao và đánh xuống dây đàn. Còn rải lướt ở tốc độ nhanh nên hạn chế sử dụng cánh tay, đánh thấp que đàn và hơi kìm lực của tay thì mới chắc tiếng đàn và đạt được yêu cầu của tốc độ.

Ví dụ 13: Xử lý kĩ thuật rải – lướt (trích trong tác phẩm ***Áo tứ thân***, nhịp 07 – 11)

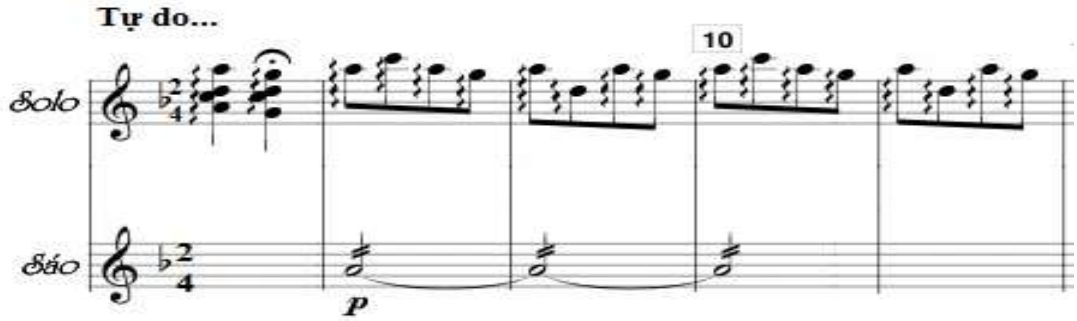

Từ nhịp 48 đến nhịp 54, giai điệu "Trèo lên trái núi thiên thai" được thể hiện bằng kĩ thuật ngắt tiếng, tạo sự vui tươi nhí nhảnh. Để tạo được tiếng đàn theo đúng yêu cầu đòi hỏi tốc độ của tay bịt tiếng đàn nhanh, dùng hai hoặc ba ngón tay (ngón 2,3,4) bịt vào điểm đầu que chạm vào dây chậm hơn một tích tắc so với tay cầm que đánh. Nếu SV chưa làm được GV sẽ trao đổi cùng SV để tìm hiểu vấn đề nằm ở đâu, có thể do tay SV không thả lỏng, que đàn bật quá cao sẽ bị ảnh hưởng tốc độ hay bịt dây đàn chưa đúng thời điểm khiến âm thanh vẫn vang…

Ví dụ 14: Xử lý kĩ thuật ngắt tiếng trong câu nhạc dài (trích trong tác phẩm ***Áo tứ thân***, nhịp 48- 54)

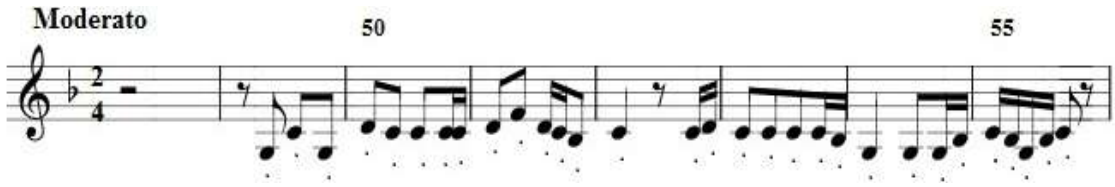

Tác giả sử dụng nốt hoa mĩ trong một nét giai điệu dài, tạo sự vui tươi, nhí nhảnh, thổi một luồng gió lạ vào trong tác phẩm. Để chơi được tốt, SV cần phải tập cổ tay mềm mại, xử lý tinh tế ở tốc độ nhỏ, que đàn bật thấp so với mặt đàn. Cách chơi những nốt hoa mỹ không chỉ thể hiện ở phần nhanh – chậm của trường độ mà còn cần được chú trọng ở cả phần cường độ (mạnh – nhẹ) của các âm.

Ví dụ 15: Diễn tấu các nốt hoa mĩ (trích trong tác phẩm ***Áo tứ thân***, nhịp 167 – 172)

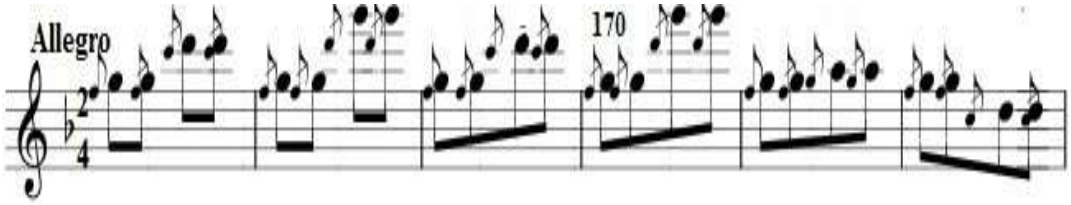

Với ví dụ trên các nốt hoa mĩ phải diễn tấu ở tốc độ nhanh (giá trị trường độ ngắn) và cường độ nhỏ hơn các âm chính. Như vậy khi kết hợp hai tay với nhau, mỗi tay đều có cách thể hiện độc lập chứ không thể giống nhau. Thực chất SV có thể tách riêng đoạn này để luyện tập cho cả hai tay. Bởi tay trái bao giờ cũng yếu hơn tay phải, do đó lực của tay trái khi tác động vào dây đàn sẽ tạo âm thanh yếu hơn là dùng tay phải. Vậy với ví dụ trên nếu diễn tấu các nốt hoa mĩ bằng tay trái và các âm chính bằng tay phải thì rất đơn giản, nhưng GV yêu cầu SV đổi lại vị trí tay hoặc xếp thế tay đan xen sẽ dần cân bằng được lực tác động của hai tay.

Kĩ thuật vê cũng được sử dụng trong bài, bên cạnh vê một nốt truyền thống là vê quãng 8. Nếu chỉ vê một hợp âm quãng 8 rất đơn giản nhưng để vê cả một câu nhạc dài, với cường độ mạnh (f) lại đòi hỏi sinh viên phải dồn lực vào ngón tay, cổ tay và cả cánh tay, phân bố lực đều để có thể đi đến hết câu. Dù vê tốc độ nhanh, cường độ mạnh nhưng tay phải thả lỏng, không lên gân để dẫn đến tình trạng bị mỏi tay, không có sức trình diễn các phần tiếp theo.

Ví dụ 16: Xử lý thuật vê quãng 8 với trường độ dài, cường độ mạnh (trích trong tác phẩm ***Áo tứ thân***, nhịp 205 - 218)

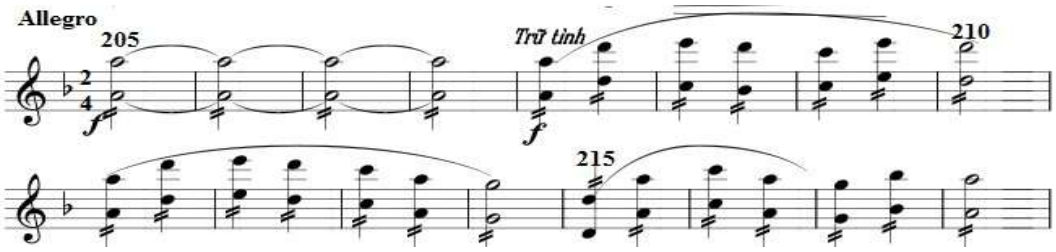

Hay trong tác phẩm ***Niềm vui mới*** của tác giả Triệu Tiến Vượng bên cạnh những kĩ thuật như chồng âm, rải – lướt nốt, song long, chạy kép, hợp âm quãng 8, gẩy và vê vốn được nhiều nhạc sĩ đưa vào tác phẩm thì ở đây còn có kĩ thuật rung. Có thể nói, đây là tác phẩm đầu tiên viết cho đàn Tam thập lục sử dụng kĩ thuật này. Xuất phát từ việc lấy chất liệu câu lưu không trong Chèo mà nhạc sĩ đã viết nên nét giai điệu và yêu cầu rung ở nốt Đô ở nhịp 23. Kĩ thuật rung gần với kĩ thuật rung tay trái của đàn tranh nhưng với cấu tạo dây đàn Tam thập lục cứng, to hơn và nhiều dây mắc trên một nốt thì SV phải dùng lực của cả cánh tay dồn vào ba ngón 2,3,4 rung chậm xuống dây đàn.

Ví dụ 17: Xử lý kĩ thuật rung (trích trong tác phẩm ***Niềm vui mới,*** nhịp 23, 24)

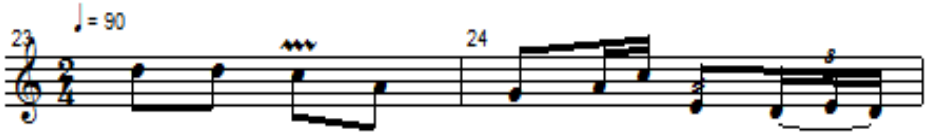

Với tác phẩm ***Thu sang*** của tác giả Xuân Khải, ngoài những kĩ thuật như kĩ thuật rải, lướt nốt, phối hợp hai tay vê và gẩy, còn xuất hiện kĩ thuật đổi đầu que tre.

Trong xử lý kĩ thuật đổi đầu que tre nếu sử dụng que có 2 đầu sẽ dễ dàng thực hiện hơn khi sử dụng que 1 đầu (dễ bị mắc đầu que vào dây đàn). Tuy nhiên tùy vào cữ tay của từng SV mà chọn lựa que đàn phù hợp bởi que 2 đầu nặng hơn, có nhiều SV tay yếu không thể dùng que nặng trình diễn đến khi tác

phẩm kết thúc. Nếu dùng que 1 đầu cần luyện tập kĩ, sử dụng ngón tay và cổ tay khi vê được rền tiếng, bật que thấp tạo tiếng vê chắc, gọn.

Ví dụ 18: Trích trong tác phẩm ***Thu sang***, nhịp 61 - 69

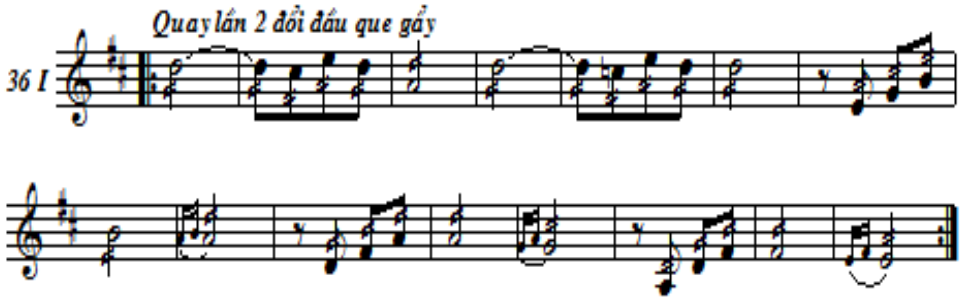

Tác phẩm ***Vũ khúc Chăm*** của tác giả Nguyễn Tiến bao gồm những kĩ thuật như chạy kép, vê, chạy đúp nốt chùm 3. Đặc biệt tác phẩm có phần Andante (Thong thả) được viết ở nhịp 5/4, đa số các tác phẩm được học từ trước đến nay của đàn Tam thập lục đều được viết ở các nhịp 2/4, 3/4, 4/4, đặc thù của các loại nhịp này là nhấn vào phách 1 nên khi tiếp xúc với loại nhịp 5/4 khi chơi cần nhấn vào phách 1 và phách 4 các em có phần bỡ ngỡ. Vì thế trước khi thực hiện SV phải xem xét, suy nghĩ để tìm phương án giải quyết sao cho đơn giản nhất có thể mà vẫn đạt được hiệu quả cao.

Ví dụ 19: Trích trong tác phẩm ***Vũ khúc Chăm***, nhịp 182 - 185

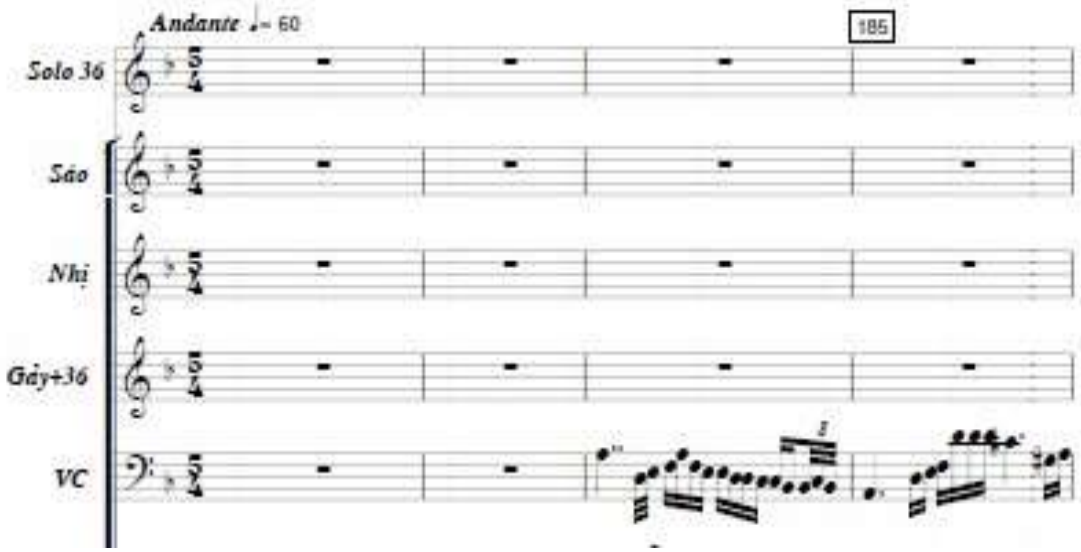

Khác với các tác phẩm trước, tác phẩm ***Rặng cây trước gió*** của tác giả Đinh Hà Linh sử dụng một số kĩ thuật như vê, rải- lướt, chạy kép tốc độ, đánh đúp chùm ba, sử dụng nốt hoa mĩ, đánh chồng âm.

Được sử dụng nhiều trong tác phẩm là kĩ thuật chạy nửa cung, là một kĩ thuật rất đặc trưng của đàn Tam thập lục. Kĩ thuật này đòi hỏi tốc độ tay nhanh, que đàn đánh xuống thấp, sử dụng ngón tay kết hợp cổ tay tạo được lực tốt nhất. Đồng thời sử dụng linh hoạt lực của tay để biểu hiện được sắc thái yêu cầu trong bài. Ở ví dụ dưới đây là một câu chạy phần cuối bài là sự kết hợp giữa chạy kép tốc độ - chạy chùm 6 - chạy đúp chùm 3. Với tiết tấu thay đổi liên tục như vậy, sinh viên cần bảo đảm tốc độ đều bằng cách nhấn vào phách đầu để giữ chắc nhịp, đồng thời sử dụng ngón tay, cổ tay tạo câu chạy nét, rõ nét và chắc từng nốt, hạn chế việc bị nhòe nốt khi chạy ở tốc độ nhanh.

Ví dụ 20: Xử lý kĩ thuật trong câu chạy dài với tiết tấu thay đổi (trích trong tác phẩm ***Rặng cây trước*** gió, nhịp 263 – 275)

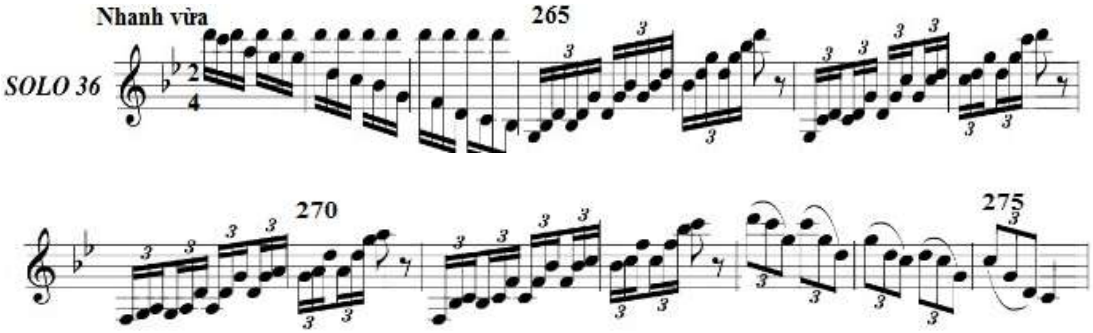

Tác phẩm ***Cao nguyên xanh*** của tác giả Trần Luận đã sử dụng kĩ thuật bịt dây, vê, lật đầu que, vuốt đuôi que, đánh song long, đánh chồng âm (phần nào đã được đề cập trong luận văn Nguyễn Thị Quỳnh Trang), tác giả còn sử dụng những nốt hoa mĩ, tô điểm tạo hiệu ứng tiếng chim hót đưa ta đến gần hơn với vùng cao nguyên. Ngoài ra còn xuất hiện kĩ thuật rải lướt, chạy kép tốc độ, chạy đúp nốt móc đơn ở tốc độ nhanh. Trong bài có đoạn chuyển giọng từ C dur sang G dur, giảng viên nhắc nhở SV chú ý để sử dụng đúng dấu hóa khi chuyển giọng.

Ví dụ 21: Trích trong tác phẩm ***Cao nguyên xanh,*** nhịp 57 - 64

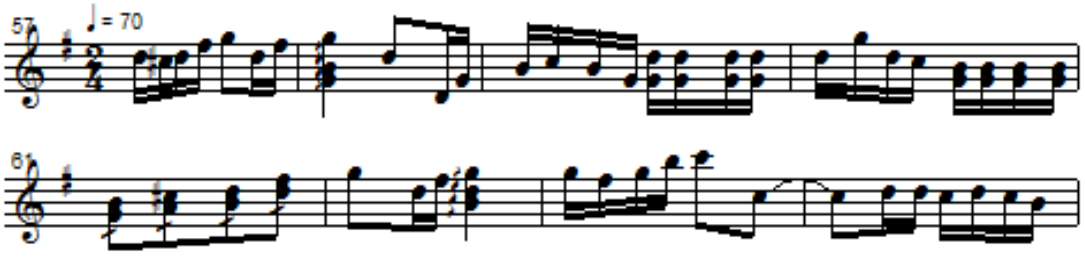

Phương pháp thể hiện yếu tố nghệ thuật

Để đạt được thành công, ngoài yếu tố kĩ thuật cần phải vượt qua thì yếu tố thể hiện tính chất nghệ thuật của tác phẩm hay còn gọi là xử lí nội dung tư tưởng tác phẩm là vô cùng cần thiết. Bởi người nghệ sĩ không chỉ "đánh" đàn mà cần phải "trình diễn" nghệ thuật thực sự để có thể truyền đạt được nội dung, thẩm mĩ tác phẩm đồng thời cũng phải truyền những xúc cảm âm nhạc của bản thân tới người nghe. Để xử lý tác phẩm, GV không nên đánh mẫu to, nhỏ hay xử lý giãn nhịp, dồn nhịp, đổi nhịp cho SV bắt chước mà chỉ nên gợi ý cách thể hiện để SV tự thể hiện và hiểu rõ lý do xử lý tác phẩm tại sao lại như vậy. Cụ thể là:

- Hướng chuyển động lên xuống của giai điệu luôn đi kèm theo việc tăng hay giảm cường độ âm thanh như thế nào.

- Cách xử lý những nét giai điệu lặp đi lặp lại phải thể hiện ra sao để người nghe cảm nhận được chu kì của nét giai điệu đó.

- Cách xử lý tiếng đàn khi giai điệu chuyển từ lối phân chia tiết tấu cơ bản sang tiết tấu có lối phân chia tự do (chùm 3, chùm 5…) như thế nào để thấy được chất lãng mạn, thơ mộng, giàu cảm xúc của những nét nhạc biến đổi qua cách phân chia tiết tấu đó.

- Xử lý tác phẩm sao cho người nghe thấy được hơi thở của đường nét giai điệu qua việc kết hợp giữa cường độ của âm thanh với những động tác nhấc tay tạo điểm ngắt tinh tế trong các tuyến đi của giai điệu.

- Cách xử lý tác phẩm tạo sự tương phản giữa các phần trong tác phẩm cho phù hợp với nội dung như: nếu phần 1 mang âm hưởng dân ca thì phải diễn tấu mềm mại cho ra chất dân ca đó, còn phần 2 mang tính chất phát triển với sự khai thác kỹ thuật diễn tấu cùng cường độ mạnh thì SV phải biết kết hợp sự linh hoạt của cổ tay, cánh tay cùng với lực gõ của que đàn ra sao.

Đặc biệt hơn khi trình diễn cùng dàn nhạc với vai trò của người độc tấu - linh hồn của dàn nhạc thì người nghệ sĩ phải dẫn dắt, hướng dàn nhạc theo nhịp thở, theo cảm xúc của mình không chỉ bằng ngôn ngữ của âm nhạc như xử lí sắc thái, tiết tấu, cường độ, chất lượng của âm thanh mà còn phải quan tâm đến chuyển động cơ thể.

Đối với SV, sau khi hoàn thành tác phẩm giảng viên có thể gợi mở một vài phương pháp trình diễn bằng ngôn ngữ cơ thể để các em tham khảo. Khi tham thảo thực tế chúng tôi thấy nhiều sinh viên lựa chọn phong cách trình diễn trong tác phẩm không phù hợp, không liên quan đến nội dung của bài. Có thể do các em tiếp thu từ nhiều nguồn nhưng không chọn lọc và chưa định hình ra được cách thể hiện nào là phù hợp. Vì vậy phương pháp luyện tập tốt nhất là SV về nhà nên ngồi trước gương tập đàn, vừa tự điều chỉnh được kĩ thuật tay đồng thời nhìn thấy cơ thể mình chuyển động theo âm nhạc và thực hành phong cách biểu diễn. Bên cạnh việc xử lý tác phẩm thì phong cách biểu diễn thông qua ngôn ngữ cơ thể cũng rất quan trọng vì nó giúp cho việc diễn tấu ngôn ngữ âm nhạc thuận lợi hơn và truyền cảm xúc đến cho người xem nhanh hơn, dễ dàng hơn. Chúng tôi xin đưa ra một vài ví dụ tham khảo như sau:

Với tác phẩm ***Thu sang*** của tác giả Xuân Khải vào đầu tính chất vui tươi, được diễn tấu tốc độ nhanh, cường độ mạnh, nhấn vào phách đầu cùng dàn nhạc, sinh viên sẽ là người điều khiển dàn nhạc theo mình bằng cách kết hợp cánh tay, cổ tay, đầu và cơ thể. Vì thế GV có thể gợi ý lấy hơi thể hiện bằng cả cánh tay giơ lên cao và dồn lực đánh xuống dây đàn đồng thời là chuyển động của cơ thể nhún người lên và xuống theo chiều xuống của que đàn, đầu cũng làm động tác gật theo hướng chuyển động của cánh tay và cơ thể tạo được một khối thống nhất để dàn nhạc ngồi phía sau có thể nhìn chuyển động cơ thể mà nắm được nhịp và hòa cùng độc tấu.

Ví dụ 22: Trích trong tác phẩm ***Thu sang***, nhịp 01 - 06

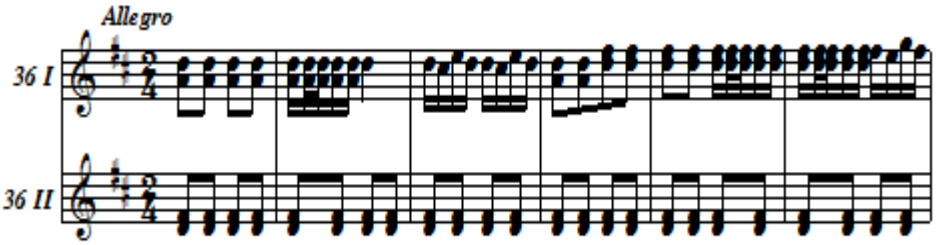

Hay đoạn phối hợp hai tay vê và gẩy nốt trong bài, với phần này thì tay vê trì tục làm âm nền để tay gẩy đuôi que đóng vai trò là giai điệu chính. GV có thể gợi ý SV cách cầm đuôi que gảy như thế nào để vừa đảm bảo tính thẩm

mỹ, vừa đạt được hiệu quả âm thanh. Chẳng hạn, không nên cầm đuôi que gẩy bằng cả năm ngón tay vì không có tính thẩm mĩ (thô, xấu) mà dùng ngón 1, 2, 3 giữ que, hai ngón còn lại để dáng hơi cong bên ngoài để tạo dáng cầm đẹp. Lúc gẩy vào dây sử dụng cánh tay và cổ tay mềm mại kết hợp cơ thể chuyển động uyển chuyển theo nhịp, gẩy theo chiều vuông góc với dây đàn tạo tiếng gẩy đầy và rõ nét hơn (gẩy theo các góc khác nhau vẫn lên tiếng nhưng tiếng gẩy bị mảnh, nhỏ và không đẹp). Phần này khá tương phản với phần mở đầu bởi sự yên tĩnh, không ồn ào. SV cần phải cảm nhận được đường nét giai điệu, nắn nót trong từng nốt đàn gẩy kết hợp sắc thái to nhỏ luân phiên giữa hai tay. Phần tay vê trì tục nhỏ nhằm nổi lên phần giai điệu, tuy nhiên khi giai điệu ngân dài, tay vê có thể vê rền với âm lượng to hơn và thu nhỏ lại ngay (mô hình quả trám) tạo sự đối đáp và liên kết giữa hai bè. Tiết tấu phần giai điệu chơi tự do trong khuôn khổ, tuỳ vào cảm nhận của từng SV mà các em xử lí hơi lơi nhịp hay cuốn nhịp lên sao cho phù hợp với hơi thở, tính cách của từng em mà không ảnh hưởng đến ý đồ của tác giả.

Ví dụ 23: Trích trong tác phẩm ***Thu sang,*** nhịp 122 - 130

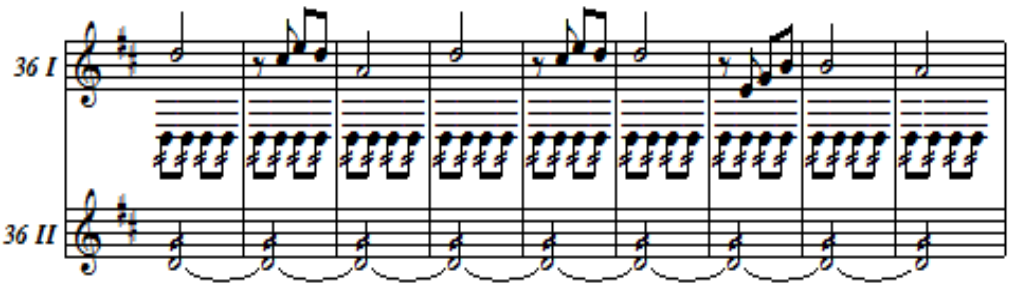

Tác phẩm ***Niềm vui mới*** của tác giả Triệu Tiến Vượng với phần mở đầu khá tự do với sự tương phản mạnh mẽ về âm lượng của nốt đầu tiên rất mạnh (ff) và nốt tiếp theo rất nhỏ (pp). Để thể hiện được sự tương phản đó, với nốt đầu tiên (ff) ta có thể lấy đà bằng việc giơ que cao và dồn lực tay đánh xuống, lúc que chạm dây đàn cần cứng tay (cổ tay, cánh tay) lại để có lực mạnh hơn, tạo tiếng đàn sâu, chắc và gọn. Với nốt sau (pp) tương phản, đánh thật thấp que đàn xuống và vê nhẹ đồng thời kết hợp người hơi cúi xuống mặt đàn tạo hiệu ứng âm thanh và hình ảnh. Với nốt sau, xử lý bằng cách vê tự do không theo nhịp, vê to dần và nhỏ lại như lúc đầu để vào tiếp câu sau. Các nốt tiếp theo đánh que đàn

thấp, hơi tiết chế lực ở cổ tay, đánh tiếng đàn nhỏ, gọn, như tiếng thì thầm nhưng ta vẫn có thể nghe rõ âm thanh từng nốt khi que gõ vào dây đàn.

Ví dụ 24: Trích trong tác phẩm ***Niềm vui mới***, nhịp 13 – 19

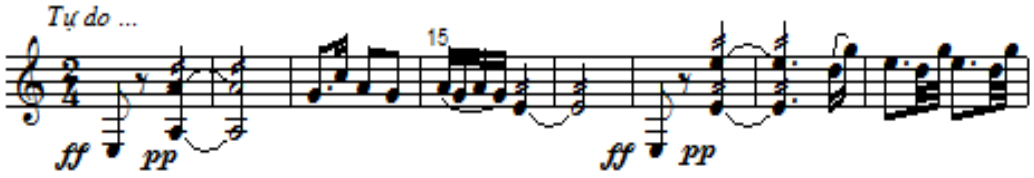

Tác phẩm liên tục thay đổi về nhịp và tiết tấu nên đòi hỏi SV phải tập kĩ từng phần sau đó là tập những mốc nối các đoạn với nhau.Ngoài những nốt nhấn vào đầu phách tác giả còn sử dụng tiết tấu đảo phách và nhấn mạnh đột xuất vào phách yếu. Đặc điểm của đảo phách là tạo tiếng đàn chắc, que đàn giơ thấp gần với mặt đàn để nổi được độ mạnh đột xuất của âm thanh. Phần lớn SV hay bị mắc lỗi ở phần này, khi các em trình diễn cùng dàn nhạc đến chỗ đảo phách thường bị chậm hơn, nhanh hơn hoặc thay vì đánh vào phách yếu các em lại vào phách mạnh dẫn đến việc xô lệch nhịp, dễ bị đứt quãng đồng thời nếu nhấn sai sẽ không đúng với ý đồ của tác giả. Để giải quyết vấn đề này, giảng viên có thể yêu cầu SV tập cùng máy đập nhịp từ tốc độ chậm đến khi đạt được đúng tốc độ của tác phẩm.

Ví dụ 25: Trích trong tác phẩm ***Niềm vui mới***, nhịp 168 – 175)

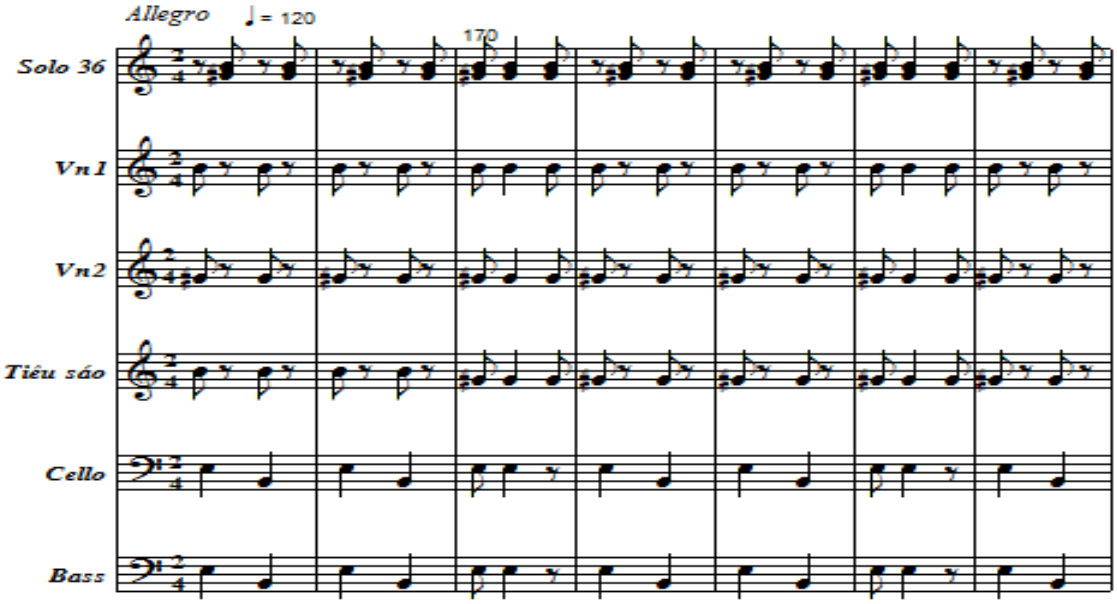

Còn trong tác phẩm ***Áo tứ thân*** của tác giả Hoa Đăng có đoạn gõ vào mặt gỗ của đàn, đơn giản chỉ cần gõ vào bất cứ phần gỗ nào trên đàn cũng ra tiếng nhưng để đẹp hơn ta nên gõ vào cả hai bên tạo sự cân xứng. Khi tay gõ thả lỏng cổ tay mềm mại kết hợp cơ thể chuyển động, đầu nghiêng theo hướng que đang gõ xuống sẽ tạo một sự hứng thú cho người trình diễn và cả người xem. Gõ tiết tấu kết hợp sắc thái to dần.

Ví dụ 26: Trích trong tác phẩm ***Áo tứ thân,*** nhịp 155 - 158

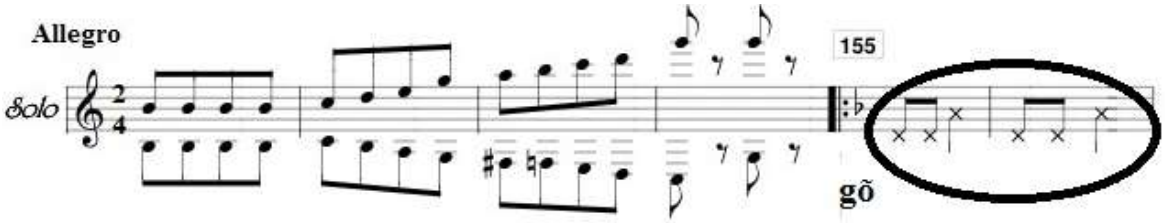

Bên cạnh những đoạn tốc độ còn là lúc âm nhạc lắng lại, hay còn gọi là động–tĩnh. Với phần tĩnh, âm thanh của cây đàn trở nên vô cùng đặc biệt. Không phải cứ nhanh và tốc độ mới khó nhất, đôi khi chậm rãi, thong dong đòi hỏi những yêu cầu cao hơn. Từng âm thanh phát ra cần có sự nắn nót, sạch sẽ, có chiều sâu. Sắc thái xử lí rõ ràng, có sự thay đổi về cường độ, điểm nhấn… Ví dụ như đoạn nhịp 3/8 trong bài ***Áo tứ thân***, giai điệu được ẩn đi trong chùm móc kép. Yêu cầu nhấn vào những nốt nằm trong giai điệu, các nốt còn lại chơi nhỏ hơn nhưng không đồng nghĩa với việc xử lí ở cùng một âm lượng, tạo sự nhàm chán và cứng nhắc. Âm thanh phát ra ở những nốt không nằm trong giai điệu vẫn có sự thay đổi to nhỏ đan xen nhau như những làn sóng lăn tăn, dạt dào ùa vào bờ, tan ra rồi lại tới những đợt sóng khác tiếp diễn. Phần này đàn Tam thập lục vừa chơi giai điệu chính vừa tự đệm, cần phải đảm bảo tính chính xác trong từng nốt nhạc bởi chỉ cần lệnh lạc một nốt đã ảnh hưởng đến hoà thanh tổng thể. Cùng với xử lí sắc thái là xếp thế tay tạo sự thuận lợi nhất trong việc diễn tấu.

Ví dụ 27: Trích trong tác phẩm ***Áo tứ thân,*** nhịp 311 - 316

Mỗi tác phẩm đều có những tính chất khác nhau và ở mỗi phần trong tác phẩm cũng có sự thay đổi như lúc vui, lúc buồn, lúc ồn ào mãnh liệt lúc lại dịu êm. Tùy theo từng tính chất mà ta có những cách thể hiện bằng chuyển động cơ thể, khuôn mặt, tiếng đàn, sắc thái, ngôn ngữ âm nhạc… sao cho phù hợp. Tuy nhiên những gợi ý của giảng viên chỉ dựa trên kinh nghiệm biểu diễn và tìm tòi của cá nhân, không ép buộc sinh viên bắt chước y hệt theo khuôn mẫu bởi mỗi người có một phong cách và tố chất biểu diễn khác nhau. Bên cạnh việc giáo viên hướng dẫn, sinh viên có thể tham khảo phong cách biểu diễn của nhiều nghệ sĩ trong nước và trên thế giới ở bất kì một cây đàn nào không chỉ riêng cây đàn Tam thập lục để từ đó tìm ra được phong cách riêng cho mình.

Một người nghệ sĩ thực thụ tạo cho người xem một cảm giác như họ và cây đàn đang hoà quyện cùng nhau, mỗi tiếng đàn vang lên đều có ý nghĩa , chứa đựng nội dung sâu sắc mà người nghệ sĩ trình diễn muốn chuyển tải đến với người nghe kết hợp phong cách trình diễn cuốn hút. Người nghệ sĩ là cầu nối đưa ý đồ tác giả, nội dung tác phẩm tới gần hơn với khán giả. Nếu xử lí quá hời hợt hay thái quá đều vô tình làm sai lệch ý đồ của người sáng tác, cần phải có sự hợp lí, hài hoà, có chọn lọc sao cho không sai lệch nội dung cần truyền tải mà vẫn tìm ra được phương thức trình diễn hợp lí. Đây là điều chúng ta nên hướng tới trong việc đào tạo SV khi còn đang theo học, tạo một nền tảng vững chắc để các em có thể thỏa sức sáng tạo và thể hiện niềm đam mê với âm nhạc và tình yêu đối với cây đàn Tam thập lục.

2.1.3. Hòa tấu với dàn nhạc.

Một tác phẩm đàn độc tấu cùng dàn nhạc cho người nghe cảm nhận trọn vẹn sắc màu tuyệt diệu từ âm thanh, đó không chỉ là một mảng màu đơn điệu ở một cây đàn mà là sự tổng hòa đến từ nhiều cây đàn cổ truyền, là sự "tung hứng" giữa các bè với nhau tạo thành một khối hài hòa.

Tuy nhiên hòa tấu cùng dàn nhạc không phải việc đơn giản, GV cần hướng dẫn SV chuẩn bị tốt một số bước sau:

+ Lên dây đàn chuẩn theo âm thanh mẫu (La thanh mẫu bằng 440 Hz)

+ Ngoài việc SV đã học thuộc phần độc tấu của tác phẩm từ trước, trước khi dàn dựng tác phẩm SV phải nghiên cứu tổng phổ của dàn nhạc để nắm bắt

tinh thần chung của tác phẩm. Trong những buổi đầu tập cùng dàn nhạc vẫn cần chuẩn bị tổng phổ trên giá để chủ động theo dõi phần của dàn nhạc cũng như những chỗ ra vào của phần độc tấu.

+ Thống nhất tốc độ trong tác phẩm cùng dàn nhạc, của từng phần nếu có sự thay đổi về nhịp. Mỗi SV có năng lực thể hiện khác nhau nhất là trong những phần có tốc độ nhanh, không phải em nào cũng có đủ khả năng để theo kịp tốc độ chuẩn. Vì vậy tùy vào khả năng của mình, SV có thể lựa chọn tốc độ nhanh, chậm một chút so với yêu cầu của tác phẩm mà không ảnh hưởng nhiều đến ý đồ tác giả và nội dung của tác phẩm.

+ Sáu tác phẩm trên được viết cho đàn độc tấu cùng dàn nhạc nên giai điệu đôi khi không nằm ở phần độc tấu mà nằm ở phần dàn nhạc. Giảng viên sẽ chỉ cho SV biết cách xử lí cường độ âm thanh khi đàn Tam thập lục chơi với tư cách là phần đệm cho dàn nhạc, không thể chơi lấn át dàn nhạc được mà cần phải đi nhẹ nhàng, luồn lách khéo léo để nhường quyền thể hiện phần giai điệu cho dàn nhạc. Đây là kiến thức cần phải hiểu và nhớ để khi trình diễn cùng dàn nhạc các em sẽ chủ động hơn. Hay khi dàn nhạc và giai điệu đối thoại với nhau, nhỏ cùng nhỏ, to cùng to hay độc tấu to, dàn nhạc chơi nhỏ và ngược lại, kèm theo đó là những động tác của tay, cơ thể chuyển động và giao lưu với nhau bằng ánh mắt...

Phải tuân thủ chính xác nhịp phách trong bài, nhất là những chỗ giai điệu nghỉ hoặc ngân. Tình trạng các SV khóa trước khi vỡ bài đều không để ý và lướt nhanh qua các nhịp nghỉ để vào luôn phần giai điệu, chính vì vậy đến khi được ghép cùng dàn nhạc các em không nhớ chính xác nghỉ hoặc ngân bao nhiêu nhịp, đồng thời cũng không nhớ được tuyến giai điệu của phần đệm nên chưa có sự chủ động dẫn đến sự xô lệch, không trùng khớp với dàn nhạc.

Trong giờ lên lớp, khi SV đã thuộc và nắm bắt được tinh thần của tác phẩm, giảng viên có thể đệm đàn Tam thập lục cùng SV để các em làm quen với phong cách mới, không phải chỉ là đánh một mình. Giảng viên lựa chọn những hòa thanh trong bài thích hợp, hay những đoạn giai điệu nằm ở các bè đệm để chơi trên đàn Tam thập lục với mục đích cho các em hình dung bộ khung đầy đủ của bài, những chỗ đối đáp cùng dàn nhạc hay những chỗ nghỉ, ngân dài... có

trong tác phẩm. Đến khi được ghép sẽ không còn bỡ ngỡ và chủ động trong việc giao lưu cùng dàn nhạc hơn.

Nếu có điều kiện đầu tư về trang thiết bị, thời gian và công sức, GV có thể tự tách riêng phần dàn nhạc và tổng phổ trong những bản ghi âm hay trong đĩa có sẵn. Trong giờ lên lớp GV bật riêng phần dàn nhạc để SV chơi trên nền nhạc đó, cho các em được rèn luyện cách trình diễn cùng dàn nhạc và luyện một số kĩ năng cần thiết như biết lắng nghe, nắm được chỗ ra vào cùng dàn nhạc, theo dõi tổng phổ… Với cách này, các em không những được tập trên lớp mà khi về nhà các em cũng được luyện tập thường xuyên, đối với SV chưa phải năm cuối và không có nhiều điều kiện đầu tư mời dàn nhạc đệm trong kì thi cuối kì thì đây là một cách hiệu quả giúp các em sớm được làm quen với cách làm việc cùng dàn nhạc.

Quá trình tập cùng dàn nhạc cần có sự dàn dựng và chỉ huy của GV trong khoa hay chính GV trực tiếp giảng dạy, các em cần học cách vừa chơi đàn vừa nghe dàn nhạc và hướng tầm nhìn theo người chỉ huy.

2.2. Một số giải pháp khác.

2.2.1.Lựa chọn và bổ sung một số dạng bài tập kĩ thuật hỗ trợ.

Tập gam hàng ngày sẽ luyện cho đôi tay có sức bền và mềm dẻo. Có thể thay đổi các bài gam kết hợp với nhiều loại tiết tấu gây cảm hứng trong lúc luyện tập, đồng thời thay đổi ở nhiều giọng Trưởng–Thứ khác nhau tạo sự nhạy bén, luyện cách xếp thế tay đối với SV. Một số người vẫn thường nghĩ tập gam chỉ cần chơi từ đầu đến cuối trơn tru, không bị đứt quãng đã hài lòng mà quên mất đưa các yếu tố về nghệ thuật vào luyện tập cùng trong bài gam. Vì vậy, GV phải nhắc nhở SV cần kết hợp đưa sắc thái, cường độ âm thanh, tiết tấu, nhấn vào đúng phách khi thay đổi tiết tấu và nắn nót tiếng đàn khi phát ra mới được coi là luyện tập thật sự, mới mong đạt hiệu quả tốt nhất.

Những bài tập kĩ thuật rất cần thiết trong việc nâng cao độ tinh tế, nhạy bén của đôi tay người nghệ sĩ chơi đàn. Bên cạnh việc luyện tập gam thường xuyên, việc bổ sung thêm những bài tập kĩ thuật phù hợp với tác phẩm là phương pháp bổ trợ tạo hiệu quả cao. Dưới đây tôi xin lựa chọn một vài bài tập

cơ bản (trong cuốn *" Bài tập kỹ thuật cho Tam thập lục"* của GV Hồng Phúc) áp dụng luyện tập song song cùng tác phẩm. (Các bài tập hỗ trợ xin được tham khảo trong phần phụ lục).

+ Bài tập số 26: hỗ trợ cho những tác phẩm có sử dụng nốt hoa mĩ, tổng hợp nhiều kĩ thuật cùng lúc như kĩ thuật vê, đánh song long, hợp âm và chồng âm quãng 8.

+ Bài tập số 39: tập luyện kĩ thuật chạy nửa cung kết hợp với nhiều tiết tấu khác nhau.

+ Bài tập số 41: luyện kỹ thuật chạy móc tam, nếu được chơi ở tốc độ nhanh vừa rèn luyện được độ nhạy bén đồng thời nâng cao sức bền bỉ của đôi tay.

+ Bài tập số 45: luyện tập hơi thở của những nét chạy tự do trong bài, kết hợp nhiều kĩ thuật như đánh hợp âm, chạy kép tốc độ, lướt, vê quãng 8, một tay vê (1 nốt) một tay chạy nhiều nốt khác nhau. Bài tập này khá phù hợp khi tập luyện cùng tác phẩm ***Thu sang.***

+ Bài tập số 49: chủ yếu luyện tập kĩ thuật vê ở đoạn nhạc dài, với phần mở đầu tự do phù hợp khi luyện tâp cùng một số tác phẩm như ***Vũ khúc Chăm, Niềm vui mới*** (xử lí phần mở đầu của các bài khá giống nhau).

+ Bài tập số 35 và 50: đây là hai bài tập có sự kết hợp của 3 cây đàn Tam thập lục chơi cùng lúc, phù hợp để SV hòa tấu cùng nhau, góp phần hỗ trợ kĩ năng hòa tấu tập thể của các em.

2.2.2 Nâng cao nghệ thuật biểu diễn cho sinh viên.

Ngay từ khi còn đi học, giảng viên nên khuyến khích và tạo điều kiện để SV có thể đến xem những buổi hòa nhạc, những chương trình biểu diễn của nhà trường, giao lưu với các chuyên gia nước ngoài. Theo dõi những chương trình biểu diễn như vậy không những được nghe mà còn cho các em được thấy tận mắt, làm quen với nghệ thuật trình diễn trên sân khấu.

Đặt nghệ thuật trình diễn ngang tầm cùng phương pháp xử lí tác phẩm (kĩ thuật), mỗi buổi trả bài SV ngoài vấn đề giải quyết kĩ thuật phải kết hợp với xử lí tác phẩm. Giảng viên trực tiếp quan sát và có thể góp ý những chỗ chưa thật

hợp lý mà vẫn tôn trọng phong cách trình diễn riêng của mỗi em. Tạo một thói quen tốt cho các em để không còn cảm giác ngại mỗi khi trình diễn trên cây đàn.

Tạo điều kiện cho các em tham gia các buổi biểu diễn cho dù chỉ giới hạn trong lớp học, trong tổ bộ môn hoặc khoa. Đây là cơ hội để các em rèn luyện bản lĩnh sân khấu hoặc biểu diễn cho người khác nghe.

Trong những năm gần đây, ban chủ nhiệm khoa đã tổ chức hoạt động biểu diễn dành cho học sinh, sinh viên (giới hạn trong khoa Nhạc cụ truyền thống), vào khoảng thời gian trước khi thi cuối kì. Mỗi buổi được chia theo từng cấp học riêng, chương trình biểu diễn phong phú từ hòa tấu nhạc phong cách đến độc tấu, hòa tấu nhiều tác phẩm quen thuộc.. Những hoạt động này đã được các GV và SV sôi nổi tham gia biểu diễn cũng như hăng say tập luyện, tạo sân chơi để bước đầu khuyến khích các em tự do sáng tạo và thể hiện bản thân trước đám đông.

2.3.Thực nghiệm sư phạm và kết quả thực nghiệm.

2.3.1. Thực nghiệm sư phạm.

Giảng dạy tác phẩm ***Vũ khúc Chăm*** của tác giả Nguyễn Tiến cho sinh viên năm 4 – Đại học. Thời gian thực hiện học kì 2 năm học 2015- 2016 với năm bước.

* Bước 1:

- Giao bài cho SV.

- Giảng viên đặt những câu hỏi cho SV yêu cầu tìm hiểu về tác phẩm:

+ Xác định giọng.

+ Tìm hiểu các kí hiệu sắc thái.

+ Các kí hiệu kĩ thuật đã học xuất hiện trong bài.

* Bước 2:

- Trao đổi với SV về những vấn đề trên, trong quá trình đó GV sẽ nắm được khối lượng kiến thức của từng SV để sau đó bổ sung những kiến thức mới có trong bài. Gợi mở ý tưởng của SV về nhận biết tác phẩm cũng như cách thể hiện tác phẩm.

- Yêu cầu SV ghi lại hoặc đánh dấu vào trong tác phẩm.

+ Kí hiệu kĩ thuật: đánh đúp nốt, chạy kép tốc độ, bồi âm, gẩy đuôi que.

+ Kí hiệu tốc độ: Allegro (Nhanh), Andante (chậm, khoan thai)

+ Tác phẩm có bố cục gồm 3 phần tái hiện, ngoài ra còn có mở đầu và cadenza theo kiểu:

Mở đầu A – B – Cadenza – A’

- Đưa CD hoặc đường link tác phẩm để SV tham khảo.

- Giao bài tập kĩ thuật bổ trợ cho tác phẩm.

Ví dụ 28: Trích trong cuốn *“Bài tập kỹ thuật cho Tam thập lục”* của Giảng viên Hồng Phúc, nhịp 01- 09

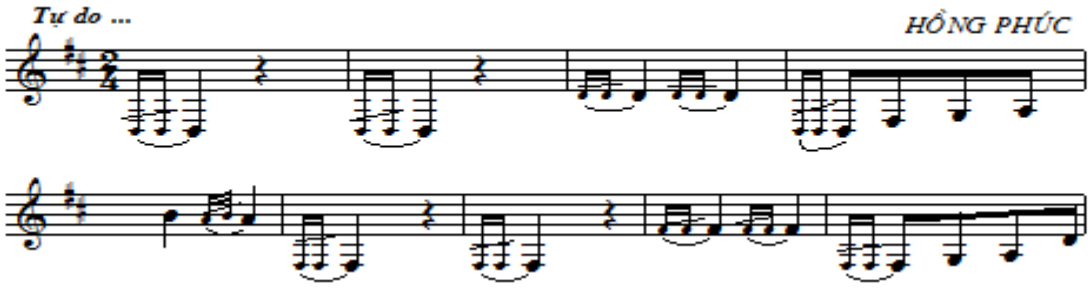

Ví dụ 29: phần mở đầu tác phẩm ***Vũ khúc Chăm***

* Bước 3:

- Giảng viên nghe tổng thể phần được giao về nhà luyện tập của SV.

- Kiểm tra kĩ nốt nhạc ở những câu chạy tự do phần mở đầu bởi đa số SV chạy liến thoắng không cẩn thận nhìn kĩ một số dấu hóa bất thường trong câu chạy.

- Độc tấu vào đầu tiên không đánh giống với kí hiệu ghi trong bài, có thay đổi so với đánh thực tế. Vào đầu tự do cùng với sự tương phản mạnh mẽ về sắc thái, là sự đối đáp nhau từ chậm rãi đến dồn dập và vào hợp âm cuối cần thể hiện cường độ rất mạnh. Mặc dù phương pháp truyền ngón, đánh mẫu cho SV bắt chước ít dùng ở bậc Đại học (phương pháp này chủ yếu áp dụng cho học sinh Trung học) để tránh sao y bản chính nhưng trong trường hợp các em khó tiếp thu thì GV có thể trực tiếp thị phạm để SV hiểu, cảm nhận được hơi thở tự do trong câu nhạc.

- ***Vũ khúc Chăm*** được tác giả lấy nguồn cảm hứng từ điệu múa của các vũ nữ dưới trăng. Từ nội dung đó tác giả đã viết nên những nét giai điệu mềm mại, uyển chuyển, người trình diễn phải nắm bắt được điều đó để thể hiện vào tác phẩm. Với phần vào nhịp, SV chỉ cần đàn nhẹ mà vẫn có chiều sâu kết hợp nhấn vào đúng chỗ, đúng phách có kí hiệu trong bài.

- Phần Cadenza có nhiều câu chạy tự do kết hợp các kĩ thuật bịt tiếng, bồi âm. Phần bồi âm GV hướng dẫn SV chặn vào 1/3 dây đàn cùng lúc đầu que rơi xuống tạo được âm thanh vang, có âm vực cao hơn một quãng tám. Thường SV hay bị mất nốt ở phần này bởi yêu cầu sắc thái nhỏ nên các em có sự rụt rè và sợ đánh sai nốt, chỉ có cách luyện tập thật nhuần nhuyễn phần này mới có sự chủ động trong lúc trình diễn.

- Kĩ thuật song long quãng 8 từ nhịp 156 các em thường bị đánh chậm lại vì với tốc độ nhanh nên bị mỏi tay do lên gân. GV nên trao đổi với SV để tìm ra nguyên nhân dẫn đến nhịp bị chậm lại, có thể hướng dẫn SV tập kĩ từ tốc độ chậm, thả lỏng cổ tay, cánh tay và bật ngón đồng thời đánh que đàn thấp xuống mặt đàn để không bị mất nhiều thời gian so với bật que đàn lên cao, hạn chế việc giảm tốc độ. Nhấn vào đầu phách, ở mỗi phách nhấn kết hợp sử dụng cánh tay, sau đó các hợp âm song long còn lại sử dụng cổ tay và ngón tay mềm mại.

- Nhịp 5/4 và cách trình diễn: với tốc độ chậm, nắn nót trong từng nốt nhạc, từng câu nhạc. GV hướng dẫn SV nhấn vào phách 1 và phách 4. Nhấn đúng sẽ ra tính chất và khớp với tiết tấu vỗ của Bongo, nhấn sai sẽ khác tính chất và bị xô lệch nhịp. Với cách vê các hợp âm liền nhau cần luyện tập sao cho vang, rền, xử lí sắc thái to dần, tiếng vê các nốt liền nhau mà vẫn cần phải nhấn vào các nốt chính, đầu phách với mục đích nổi lên được giai điệu của câu nhạc.

Ví dụ 30: Trích trong tác phẩm ***Vũ khúc Chăm,*** nhịp 182 - 193

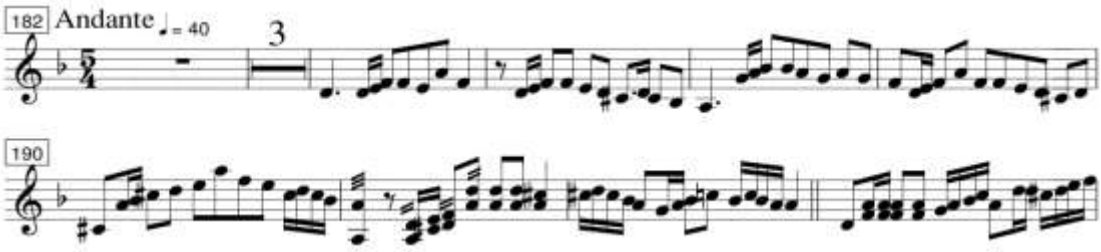

- Phần kết có những câu chạy móc kép, móc tam ở tốc độ nhanh kết hợp đánh quãng 3. Thường các em hay bị cuống và tăng dần tốc độ dẫn đến các câu chạy không rõ nét, xô lệch nhịp. Đoạn này yêu cầu SV nhấn rõ đầu phách và giữ vững nhịp, tiếng đàn chắc, khỏe.

Ví dụ 31: Trích trong tác phẩm ***Vũ khúc Chăm,*** nhịp 290 - 298

Allegro

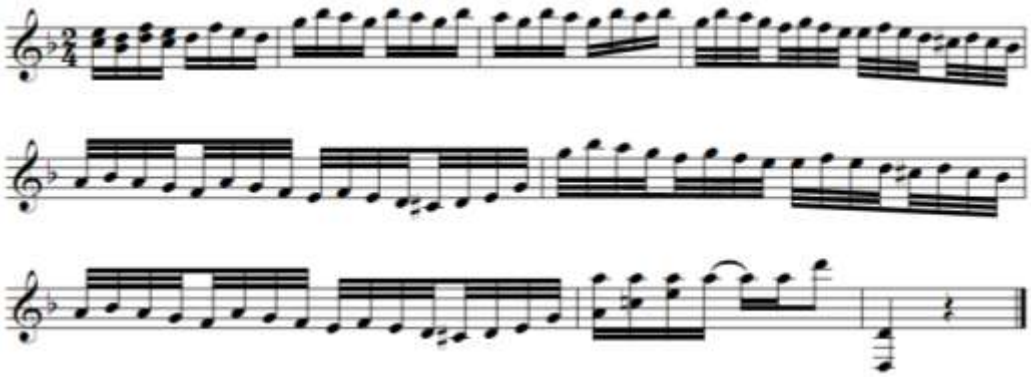

* Bước 4:

- Có sự trao đổi về cách trình diễn tác phẩm của các nghệ sĩ khác nhau để SV có thể tự rút kinh nghiệm, bổ sung và hoàn thiện tác phẩm tốt nhất.

- Sau khi xử lí các yếu tố kĩ thuật, để hoàn thiện tốt nhất cần phải kết hợp các yếu tố về nghệ thuật như sắc thái, tiết tấu, nhấn đúng, cường độ, và âm thanh của tiếng đàn phát ra.

- Yêu cầu SV lúc trả bài kết hợp chuyển động của cơ thể, để các em dần thoát khỏi sự bỡ ngỡ và tự tin trình diễn.

* Bước 5:

Sau khi hoàn thiện được tác phẩm, GV có thể đệm mộc cho SV làm quen. Hoặc tách riêng phần ghi âm giai điệu với dàn nhạc và bật lên cho SV chơi cùng với phần thu âm của dàn nhạc. Từ đó đến lúc được tập luyện và trình diễn cùng với dàn nhạc SV chủ động và tự tin hơn.

2.3.2 Đánh giá kết quả thực nghiệm.

Bước đầu sau khi dạy thử nghiệm cho một số SV tại khoa Nhạc cụ truyền thống trường HVANQGVN, tôi nhận thấy SV được học theo phương pháp mới có nhiều thay đổi. Đa phần các em cảm thấy hứng thú hơn trong giờ học, đặc biệt đã kích thích được sự tìm tòi và học hỏi những kiến thức có liên quan tới

những tác phẩm được học. Tuy nhiên vẫn có SV chưa quen với phương pháp mới, một phần bởi sự lười học, phần khác là lỗ hổng kiến thức cơ bản nên các em lười tập đàn, không có sự tìm tòi sáng tạo dẫn đến việc học chưa tiến bộ. Đối với những SV đó GV cần có sự trao đổi thường xuyên, kết hợp khuyến khích và cần nghiêm túc chỉ ra những điểm thiếu sót của các em. Sau khi áp dụng phương pháp này một thời gian, SV có sự cải thiện đáng kể, các em tự tin, cố gắng và yêu thích cây đàn hơn.

Đối với các em SV có học lực tốt đã nắm bắt và hiểu được nội dung truyền đạt của tác phẩm cũng như ý đồ của tác giả. Các em còn có sự tìm tòi, sáng tạo riêng trong cách trình diễn tác phẩm và có sự tiến bộ vượt bậc. Trong giờ học cũng như lúc ghép cùng dàn nhạc, tôi nhận thấy được sự chủ động và tự tin hơn khi trình diễn tác phẩm.

SV có ý thức trong việc chuẩn bị những gì cần thiết cho buổi tập cùng dàn nhạc, chủ động trong phần độc tấu và có sự giao lưu cùng dàn nhạc.Tuy nhiên khi ra trình diễn không thể tránh khỏi sự ảnh hưởng về tâm lí nhưng do các em có sự chuẩn bị kĩ nên vẫn hoàn thành bài thi được trôi chảy.

Sau giờ học, tôi nhận thấy được sự gắn kết hơn giữa GV và SV, các em không ngại trao đổi những thắc mắc và GV cũng hiểu được phần nào tâm tư, nguyện vọng của các em. Tôi nghĩ rằng việc giảng dạy không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức mà người giảng viên cần lắng nghe, thấu hiểu và chia sẻ để tạo sự sôi nổi cho mỗi buổi học, đồng thời thể hiện được sự quan tâm đối với SV. Từ đó các em thêm yêu cây đàn, quý mến thầy cô và có động lực học tập, không ngừng rèn luyện bản thân để đạt được kết quả học tập tốt nhất. Những kiến thức đó sẽ là hành trang theo các em trong suốt quãng đường cống hiến nghệ thuật, góp phần bảo tồn, phát huy nền âm nhạc truyền thống nước nhà nói chung và cây đàn Tam thập lục nói riêng đến với bạn bè quốc tế.

Tiểu kết chương 2

Có thể nói, những tác phẩm mới viết riêng cho cây đàn Tam thập lục độc tấu cùng dàn nhạc đã thổi một luồng sinh khí mới, giúp ta hiểu và có cơ hội tiếp cận gần hơn với cây đàn. Mỗi tác phẩm lại đưa ta đến với những chủ đề âm nhạc

khác nhau, với màu sắc đặc trưng của vùng miền hay sự pha trộn của âm thanh khi kết hợp với nhạc cụ phương Tây.

Chương 2 của luận văn đã đưa ra thử nghiệm một số giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy để áp dụng cho SV bậc Đại học như:

Hướng dẫn SV phân tích tác phẩm được học để các em nắm được ý đồ tác giả, nội dung tác phẩm, cho các em làm quen với việc tự tìm hiểu, khám phá, ôn lại và bổ xung những kiến thức đã học. Tăng cường sự trao đổi, rút ngắn khoảng cách giữa GV và SV.

Về phương pháp thực hiện tác phẩm không chỉ chú trọng đến xử lí kĩ thuật mà còn chú trọng tới xử lí yếu tố nghệ thuật bao gồm sắc thái, ngôn ngữ thể hiện, cường độ, tiết tấu, nhấn, âm thanh được vang lên… Nếu yếu tố này không được hoàn thiện, người trình diễn mới chỉ chuyển tải được 50% nội dung, ý đồ mà tác phẩm có. Bên cạnh đó, ngôn ngữ cơ thể là một trong những điều quan trọng mà chúng ta cần hướng đến trong việc đào tạo. Kết hợp cùng dàn nhạc cũng là một khía cạnh được chúng tôi nhắc đến và quan tâm, bởi việc trình diễn một mình khác hoàn toàn với khi trình diễn cùng dàn nhạc. Các em cần được trau dồi những kĩ năng cơ bản nhất để có sự chủ động trong trình diễn.

Bên cạnh đó, chúng tôi đưa ra một số giải pháp thiết thực nhằm bổ trợ cho việc học tập của SV cũng như nâng cao chất lượng giảng dạy.

Luyện tập những bài gam phong phú, lựa chọn và bổ sung một số dạng bài tập kĩ thuật hỗ trợ, tập luyện song song cùng tác phẩm để đạt hiệu quả tốt nhất.

Với vốn kinh nghiệm ít ỏi của bản thân tôi nhận thấy rằng nâng cao trình độ chuyên môn cho giảng viên như học lên Cao học, Nghiên cứu sinh… là điều cần phải làm ngay sau khi kết thúc bậc Đại học. Ngoài ra là nâng cao phương pháp sư phạm cho GV bởi khi tham gia đào tạo ở bậc Đại học, GV phải có vốn kiến thức mở rộng cùng những hiểu biết về sư phạm mới có thể truyền đạt cho SV một cách hiệu quả.

Nâng cao nghệ thuật biểu diễn cho SV, tạo điều kiện cho các em được tham gia từ những buổi biểu diễn có quy mô nhỏ trong lớp hay lớn hơn là trong khoa. Hướng các em tới các buổi hòa nhạc để mở rộng tầm nhìn với âm nhạc.

Sau khi áp dụng thử nghiệm những phương pháp trên, những điều chúng tôi thu được khá khả quan. Đó là thái độ học tập hăng say, tích cực và mỗi giờ học đều tạo được sự hứng thú cho SV. Các em không chỉ trình diễn mà còn hiểu sâu hơn về tác phẩm được học. Trao đổi trực tiếp, thường xuyên với SV cũng là cách tiếp cận gần hơn với các em, đồng thời có thể nắm bắt được tâm tư nguyện vọng từ đó đưa ra phương pháp giảng dạy phù hợp với sự tiếp thu và trình độ của từng SV.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết luận

Đối với ngành giáo dục, việc đào tạo những giáo viên âm nhạc là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu. Nâng cao chất lượng giảng dạy cho GV cần được quan tâm nhằm phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội hiện nay.

Trong chương trình học tập của bộ môn đàn Tam thập lục, việc sắp xếp tác phẩm theo từng năm học khá phù hợp với trình độ của SV (sau nhiều lần được các GV trong bộ môn điều chỉnh).

Còn tồn tại một thực trạng, hiện nay số lượng các nhạc sĩ sáng tác riêng cho cây đàn Tam thập lục không nhiều và lại càng ít có những bản phối khí cho dàn nhạc đệm cho độc tấu. Có chăng cũng chỉ là những GV, nghệ sĩ đã từng học bộ môn nhạc cụ truyền thống, với sự am hiểu tính năng nhạc cụ cùng bước đầu tự tìm tòi, học hỏi nghệ thuật phối khí và áp dụng những lý thuyết đã tích luỹ khi còn theo học tại trường về hoà thanh, phân tích, lịch sử âm nhạc... mà sáng tác nên các tác phẩm có phần phối khí cho dàn nhạc. Chúng tôi luôn mong mỏi xuất hiện thêm những tác phẩm có chất lượng nghệ thuật cao, đáp ứng sự chuyên nghiệp và tính thẩm mĩ để bổ xung vào trong chương trình giảng dạy.

Việc áp dụng một số giải pháp trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy không chỉ đề cập ngay đến khâu xử lí tác phẩm, chúng tôi còn đi sâu vào việc rèn cho các em thói quen tìm hiểu về tác phẩm, nắm được nội dung, ý nghĩa, đồng thời phân tích những kĩ thuật, những kí hiệu sắc thái, nhịp phách tiết tấu… trước khi tập tác phẩm. Khi bản thân tự khám phá, tự nghiên cứu, kết hợp những kiến thức được học và những kiến thức mới các em dễ nắm bắt được ý đồ của tác giả hơn và có thể tự áp dụng với những tác phẩm khác.

Nghệ thuật trình diễn bao gồm nhiều yếu tố từ chuyển động của cơ thể phù hợp cho đến các hình thức thể hiện về sắc thái, cường độ, tiết tấu, âm thanh… Để hoàn thiện tác phẩm nhất định không thể coi nhẹ phần này, có thể truyền đạt được nội dung, linh hồn của bài hay không 50% thuộc về cách xử lí

nghệ thuật trong tác phẩm. Với những giải pháp chúng tôi đề cập đến trong luận văn có thể khiến SV tiếp cận gần hơn với một số cách xử lí nghệ thuật trong tác phẩm, đồng thời khuyến khích các em tìm hiểu nhiều phong cách trình diễn của các nghệ sĩ khác trong và ngoài nước, với mục đích mở rộng tầm nhìn, tạo một thói quen tốt trong học tập, trong trình diễn khi còn đang theo học tại trường.

Sáu tác phẩm viết cho đàn Tam thập lục độc tấu với dàn nhạc không chỉ trình diễn một mình mà SV sẽ trình diễn cùng dàn nhạc nên cần bổ sung những kĩ năng cần thiết trong hòa tấu cùng dàn nhạc và nghệ thuật trình diễn tác phẩm cho SV. Bước đầu trước khi tập luyện GV luôn luôn nhắc nhở SV chuẩn bị một số bước cơ bản như lên dây chuẩn, chuẩn bị tổng phổ phân phổ, thống nhất về tốc độ… để đạt hiệu quả tốt nhất trong quá trình tập. Với các em không phải năm cuối, chưa có cơ hội được tập cùng dàn nhạc vẫn cần được tiếp xúc với tổng phổ, cách ra vào, kết nối với dàn nhạc thường xuyên. Bên cạnh việc GV tự đệm mộc cho SV, nếu có điều kiện GV có thể tách riêng phần độc tấu và dàn nhạc, sau đó trong giờ lên lớp bật riêng phần dàn nhạc lên cho SV luyện tập cùng. Thiết nghĩ đây là một giải pháp có tính áp dụng trong thực tế cao bởi thực hiện được điều này vừa tiết kiệm được chi phí cho các SV, mặt khác các em vẫn có điều kiện luyện tập cùng dàn nhạc thường xuyên, không còn bỡ ngỡ khi được tập cùng dàn nhạc vào năm tốt nghiệp.

Hiện nay chưa có nhiều sân chơi cho SV rèn luyện phương pháp làm việc tập thể như tập dàn nhạc hay hòa tấu cùng nhau. Đây cũng là một thiệt thòi cho các em đồng thời cũng là mối quan tâm của ban chủ nhiệm khoa và nhà trường.

Bên cạnh những giải pháp trên, chúng tôi lựa chọn thêm một số giải pháp khác với mục đích bổ trợ thêm cho những giải pháp đã nói ở trên. Chúng tôi đưa vào một số bài tập kĩ thuật hay khuyến khích việc nâng cao nghệ thuật biểu diễn cho SV. Thực chất, muốn có kết quả tốt trong học tập và giảng dạy là sự nỗ lực, cố gắng, cộng tác từ cả hai phía GV và SV. Chính vì vậy, dù ở bất cứ một cương vị nào chúng ta luôn phải trau dồi thêm về mặt kiến thức, nghệ thuật, cần có sự tìm tòi học hỏi và quan trọng nhất đó là luôn giữ được tình yêu đối với âm nhạc truyền thống, với cây đàn mình đang theo đuổi.

Khuyến nghị

Chúng tôi có một vài khuyến nghị trong việc học tập và giảng dạy bộ môn đàn Tam thập lục tại HVANQGVN như sau:

+ Thứ nhất: in ấn rộng rãi tổng phổ và phân phổ của từng tác phẩm nhằm hướng đến sự thống nhất, bảo đảm tính chính xác, tránh được việc tam sao thất bản trong quá trình phải chép tay của SV, tiết kiệm thời gian trong lúc luyện tập và dàn dựng tác phẩm.

+ Thứ hai: nên có phần chuyển soạn của dàn nhạc cho Tam thập lục 2, hướng tới sự chính quy, chuyên nghiệp và đồng bộ.

+ Thứ ba: có thêm tiết học hòa tấu tác phẩm dành cho SV từng năm, hay thành lập dàn nhạc nhỏ cho SV để các em có điều kiện được luyện tập cùng nhau, tăng khả năng làm việc tập thể và có môi trường để giao lưu học hỏi với nhau.

+ Thứ ba: mở rộng quan hệ, giao lưu với các nước có cùng họ với cây đàn Tam thập lục của Việt Nam, tạo điều kiện để cho GV, SV được tham quan, trao đổi kinh nghiệm, học tập những tinh hoa nghệ thuật của các nước bạn.

Do khả năng còn hạn chế, do tư liệu, tài liệu cho đề tài rất ít nên có rất nhiều điểm chúng tôi muốn đi sâu nghiên cứu nhưng không có điều kiện thực hiện, vì thế sẽ có nhiều sai sót. Chúng tôi xem luận văn chỉ là một đóng góp rất nhỏ trên con đường rất dài trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và ứng dụng các tác phẩm mới viết cho đàn Tam thập lục vào việc giảng dạy, học tập và biểu diễn thông qua thực tiễn giảng dạy và biểu diễn tại khoa Nhạc cụ truyền thống ở HVANQGVN. Chúng tôi rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của quý thầy cô và các bạn bè đồng nghiệp.

Tài liệu tham khảo

A. Sách, giáo trình.

1. Nguyễn Xuân Dung – Hồng Phúc – Thu Hải – Thanh Hằng (1997). "*Tuyển tập các tác phẩm Việt Nam soạn cho đàn Tam thập lục".* Nhạc viện Hà Nội.
2. GV Xuân Dung – GV Hồng Phúc (2003), *"Bài tập kĩ thuật cho Tam thập lục bậc Sơ cấp"* . Trung tâm thông tin- Thư viện âm nhạc, Nhạc viện Hà Nội.
3. Xuân Dung- Hồng Phúc- Thu Hải- Thanh Hằng (2007), *"Tuyển tập chèo cổ Việt Nam cho đàn Tam thập lục"* .Thư viện âm nhạc, Nhạc viện Hà Nội.
4. Vũ Cam Đàm (1996), *"Phương pháp nghiên cứu khoa học"* – NXB Khoa học kỹ thuật Hà Nội.
5. GV Thanh Hằng (viết chung) - (1997), "*Tuyển tập nhạc cổ".* Nhạc viện Hà Nội.
6. Lê Huy và Lê Trân (1984), "*Nhạc khí dân tộc Việt Nam"* - NXB Văn hóa – Hà Nội.
7. Lê Huy – Minh Hiền (1994). *" Nhạc khí truyền thống Việt Nam".* NXB Thế giới, Hà Nội.
8. Trần Văn Khê, *"Âm nhạc cổ truyền Việt Nam"* (bản đánh máy lưu tại Nhạc viện Hà Nội) mã số L1/24/Đ11.
9. Nguyễn Xuân Khoát (1960), *"Bàn về dàn nhạc dân tộc".* Văn nghệ, số 34.
10. Đinh Lạn – Sĩ Tiến (1971), *"Hướng dẫn sử dụng một số nhạc cụ dân tộc".* Vụ văn hóa quần chúng và Thư viện.
11. Thụy Loan (1993). *"Lược sử âm nhạc Việt Nam".*NXB âm nhạc Hà Nội.
12. Ngô Thị Nam (2001), *"Phương pháp dạy học âm nhạc"* . Nhà xuất bản giáo dục.
13. Tú Ngọc (1989), *"Phương hướng dân tộc-hiện đại và sự phát triển của âm nhạc".* Văn hoá nghệ thuật số 6.

14. Hồng Phúc (2004), "*Tuyển tập dân ca, tác phẩm mới Việt Nam và nước ngoài"* (soạn cho đàn Tam thập lục). Trung tâm TT và Thư viện âm nhạc Hà Nội.
15. GV Hồng Phúc (2005), *"Bài tập kĩ thuật cho Tam thập lục bậc Trung cấp"* . Trung tâm thông tin- Thư viện âm nhạc , Nhạc viện Hà Nội.
16. Tô Vũ (1996),*"Sức sống của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam"* – NXB Âm nhạc – Hà Nội.
17. Tô Vũ (1974). *"Nhạc khí với tính dân tộc và tính hiện đại"*. Tạp chí NCTT số 2.
18. Tô Vũ- Thụy Loan – Chí Vũ (1976) , *"Đại cương về nền Âm nhạc truyền thống Việt Nam"* - Nghiên cứu nghệ thuật tháng 10 – 11- 12.
19. Nhiều tác giả (1997), *"Về tính dân tộc trong âm nhạc Việt Nam"*. NXB Văn hóa.
20. Nhiều tác giả (1999). *"Tuyển tập bài độc tấu Yang Quin".* Thượng Hải.
21. *"Những tác phẩm cho nhạc cụ truyền thống"* – NXB Văn hóa 1979.
22. *"Tuyển tập độc tấu nhạc cụ các dân tộc Việt Nam"*- NXB Âm nhạc 2002.
23. *"Tuyển tập các nhạc cụ trên thế giới"*- Nhạc viện Tokyo 1987.
24. "*Tuyển tập hòa tấu dàn nhạc dân tộc đương đại"* – Bộ Văn hóa – Thông tin, Viện Âm nhạc Hà Nội 2002.

B. Luận văn.

25. Nguyễn Ngọc Anh (1987). *Tìm hiểu về cách sử dụng chất liệu âm nhạc dân tộc trong một số tác phẩm soạn cho nhạc cụ truyền thống.* Luận văn tốt nghiệp Đại học. Nhạc viện Hà Nội.
26. Nguyễn Thị Thanh Hằng (2005). *Một số nghiên cứu kỹ năng hòa tấu-đệm của đàn Tam thập lục*. Luận văn cao học. Nhạc viện Hà Nội.
27. Nguyễn Phúc Linh (1996). *Một số đặc điểm về phương pháp biểu hiện của Kèn gõ Giao hưởng trong các tác phẩm Việt Nam.* Luận án Tiến sỹ. Nhạc viện Hà Nội.

28. Bùi Huyền Nga (2005). *Một số dạng cấu trúc trong Dân ca Người Việt.* Luận án Tiến sỹ. Nhạc viện Hà Nội.

29. Hồng Phúc (2000). *Một số vấn đề giảng dạy đàn 36 dây tại Nhạc viện Hà Nội*. Luận văn thạc sĩ nghệ thuật học. Nhạc Viện Hà Nội.

30. Nguyễn Thị Quỳnh Trang (2014). *Giảng dạy tác phẩm mới cho đàn Tam thập lục tại Học viện âm nhạc Huế.* Luận văn thạc sĩ nghệ thuật âm nhạc. Học viện âm nhạc Huế.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

HỌC VIỆN ÂM NHẠC QUỐC GIA VIỆT NAM

NGUYỄN QUỲNH NGỌC

GIẢNG DẠY CÁC TÁC PHẨM ĐỘC TẤU VỚI DÀN NHẠC CHO ĐÀN TAM THẬP LỤC TẠI HỌC VIỆN ÂM NHẠC QUỐC GIA VIỆT NAM

PHẦN PHỤ LỤC

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGHỆ THUẬT ÂM NHẠC

Hà Nội, 2016

1.Bảng so sánh một số kĩ thuật đàn Tam thập lục khi trình diễn nhạc cổ với tác phẩm mới.

KĨ THUẬT NHẠC CỔ	KĨ THUẬT TÁC PHẨM MỚI
Kĩ thuật vê Áp dụng ở nốt đơn, nốt đen, nốt trắng hoặc chấm dôi.	*Kĩ thuật vê* Áp dụng với trường độ dài, cường độ đa dạng (cực nhỏ hoặc cực lớn).
Kĩ thuật đánh song long Chỉ dừng lại ở tiết tấu móc đơn, hoặc một vài nhịp với tiết tấu móc kép.	*Kĩ thuật đánh song long* Luân chuyển thay đổi ở mọi loại tiết tấu, mọi tốc độ từ chậm đến cực nhanh.
Kĩ thuật chạy kép Nét chạy đơn giản, thuận tay, chỉ là chạy một hoặc hai nhịp liền nhau.	*Kĩ thuật chạy kép* Phức tạp, nhiều câu chạy bị trái tay. Những câu chạy thường rất dài và thay đổi sắc thái liên tục đòi hỏi sức dẻo dai của đôi tay.
Kĩ thuật đánh chồng quãng Phổ biến là dung lối chồng quãng 8 nhằm tăng âm lượng, thay đổi màu sắc cho giai điệu. Áp dụng cho nốt đơn hoặc đen.	*Kĩ thuật đánh chồng quãng* Áp dụng lối chồngquãng rất phong phú (quãng 8, 5, 4, 3) với nhiều dạng tiết tấu phức tạp.
Kĩ thuật ngắt tiếng Chỉ xuất hiện ở một vài tác phẩm và áp dụngở vài nốt trong bài.	*Kĩ thuật ngắt tiếng* Được dùng khá phổ biến, và linh hoạt. Có khi chỉ áp dụng một vài nốt trong bài nhưng có khi là cả một câu nhạc dài với tốc độ nhanh.
Kĩ thuật đổi đầu que Có sử dụng nhưng chỉ xuất hiện ở những bài nhạc cổ có tính chất vui tươi, hoặc cần thể hiện sự mạnh mẽ.	*Kĩ thuật đổi đầu que* Được dùng phổ biến ở hầu hết các tác phẩm.
Không sử dụng	*Kĩ thuật bồi âm*

Không sử dụng	*Kĩ thuật rung*
Không sử dụng	*Kĩ thuật chạy nửa cung*
Không sử dụng	*Kĩ thuật lướt*
Không sử dụng	*Kĩ thuật vuốt – trượt*
Không sử dụng	*Kĩ thuật búng*
Không sử dụng	*Kĩ thuật gẩy đuôi que*
Không sử dụng	*Kĩ thuật nảy*

2.Khái quát về các nhạc sĩ và quá trình hoạt động nghệ thuật.

NGND Xuân Khải

Nhà giáo Nhân dân Xuân Khải tên khai sinh là Đặng Xuân Khải, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1936, nguyên quán Xuân Lâm, Thuận Thành, Bắc Ninh, nguyên là Trưởng khoa Nhạc cụ truyền thống Nhạc viện Hà Nội, nay là Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam. Ông mất năm 2008 tại Hà Nội

Sinh thời, NSND Xuân Khải là một nghệ sĩ rất đa tài, ông trình diễn điêu luyện nhiều nhạc cụ dân tộc như đàn Nguyệt, đàn Tranh, đàn Bầu... Ông tham gia các hoạt động âm nhạc từ khi còn rất trẻ. Năm 1949, ông sinh hoạt âm nhạc trong Đội Võ trang Văn nghệ Thanh niên xung phong thuộc Tổng đội Tiền phương Công trình đường sắt Việt Nam. Năm 1959, tốt nghiệp Trung cấp khóa

đầu tiên của trường Âm nhạc Việt Nam (nay là Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam). Xuân Khải được giữ lại trường làm giảng viên khoa Nhạc cụ truyền thống. Năm 1977, với chương trình biểu diễn báo cáo ba nhạc cụ : đàn Nguyệt, đàn Tranh, đàn Bầu, ông đã được cấp bằng Đại học Nhạc cụ dân tộc đầu tiên của Việt Nam. Từ 1975, ông là Chủ nhiệm khoa Nhạc cụ truyền thống cho đến khi về hưu.

Trong thời gian làm công tác giảng dạy, dưới sự đào tạo, dẫn dắt của ông, khó có thể kể hết được số lượng những học trò đã thành danh và trở thành những nghệ sĩ, giảng viên nòng cốt trong các đoàn nghệ thuật hay các cơ sở đào tạo nghệ thuật trên toàn quốc như : NSƯT Cồ Huy Hùng (phó trưởng khoa Nhạc cụ truyền thống – Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam), NSƯT Quang Vinh (Giám đốc Nhà hát Ca múa Nhạc Việt Nam), Hương Lan (giáo viên khoa Nhạc cụ truyền thống – Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam)...

Ngoài công việc quản lí, giảng dạy và biểu diễn. NGND Xuân Khải được biết đến với vai trò một nhạc sĩ sáng tác cho nhạc cụ dân tộc tài danh. Các tác phẩm của ông nổi tiếng với giai điệu ngọt ngào, mượt mà, trong sáng, chuyển soạn và phát triển một cách tinh tế và sâu sắc. Bên cạnh đó, vì bản thân ông là một nghệ sĩ trình diễn điêu luyện nhiều loại nhạc cụ dân tộc nên các kĩ thuật diễn tấu nhạc cụ cũng được ông đưa vào khai thác triệt để nhưng không quá lạm dụng trong các tác phẩm của mình. Hiếm có một nhạc sĩ nào lại sở hữu một lượng lớn các tác phẩm viết cho nhạc cụ dân tộc đến như vậy. Hầu hết các bản hòa tấu hay độc tấu của ông đã trở thành những tiết mục không thể thiếu trong các chương trình biểu diễn trong và ngoài nước, trên sân khấu các Hội diễn, Liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp, hay trong giáo trình giảng dạy nhạc cụ dân tộc tại các cơ sở đào tạo nghệ thuật. Đó là các tác phẩm: “Cung đàn đất nước”(độc tấu đàn Bầu), “Quêta” (độc tấu đàn Nguyệt) , “Hương sen Đồng Tháp” (độc tấu đàn tranh), “Rừng sáng” (độc tấu T’ rưng), “Chung một niềm tin” (hòa tấu nhạc cụ dân tộc)... Đặc biệt khi nhắc đến tác phẩm viết cho đàn

Tam thập lục không thể không kể đến ***" Thu sang"*** – đây là một tác phẩm rất quen thuộc với bao thế hệ sinh viên tại các trường nghệ thuật trên cả nước.

****NSƯT Triệu Tiến Vượng***

NSƯT Triệu Tiến Vượng sinh ngày 23 tháng 04 năm 1958 tại phường Dương Nội, quận Hà Đông, Hà Nội trong một gia đình yêu âm nhạc. Từ thuở nhỏ, ông đã sớm bộc lộ năng khiếu âm nhạc bẩm sinh và đặc biệt là niềm đam mê đối với cây sáo trúc Việt Nam. Năm 7 tuổi, ông được mời tham gia vào đội văn nghệ tại xã và đây là lần đầu tiên ông được tiếp cận với những nhạc cụ cổ truyền Việt Nam khác như: Tranh, Bầu, Nhị, Tam thập lục.. Điều này đã thôi thúc sự tìm tòi sáng tạo cũng như niềm đam mê âm nhạc, tạo tiền đề để NSƯT Tiến Vượng bước chân vào con đường âm nhạc chuyên nghiệp sau này. Sau khi đỗ đạt vào trường Nhạc viện Hà Nội, ông ngày càng phát triển và hoàn thiện khả năng của mình. Trong quá trình học tập, không những nổi bật về chuyên môn mà ông còn phát huy khả năng sáng tác. Đặc biệt vào những năm học Đại học (1978 – 1982), thời kì đã đánh dấu tên tuổi của NSƯT Tiến Vượng qua một số tác phẩm: Cánh chim tự do, Vũ khúc người đi săn, Xuân về bản Mèo.. đây là thời kì phôi thai nên tác phẩm "***Niềm vui mới"*** cho cây đàn Tam thập lục.

Sau khi tốt nghiệp tại Nhạc viện Hà Nội, NSƯT Tiến Vượng được giữ lại trường làm giảng viên và hiện đang là Trưởng bộ môn Sáo trúc – Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam. Trong sự nghiệp hoạt động nghệ thuật của mình, ông đã có vinh dự được đi biểu diễn phục vụ đồng bào khắp từ Bắc vào Nam, tới các vùng miền xa xôi của tổ quốc cũng như đưa âm nhạc truyền thống đến với bạn bè trên thế giới. Với những đóng góp của mình ông vinh dự được nhà nước trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú.

NSƯT Hoa Đăng

Nghệ sĩ ưu tú Hoa Đăng tên đầy đủ là Nguyễn Thị Hoa Đăng, sinh năm 1973 tại Hà Nội. Hiện cô là giảng viên chuyên ngành đàn Tam thập lục và đảm đương chức vụ Phó chủ nhiệm Khoa Nhạc cụ truyền thống – Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.

NSƯT Hoa Đăng bắt đầu vào học đàn Tam thập lục tại trường Cao đẳng nghệ thuật Hà Nội từ khi mới 8 tuổi. Sau khi tốt nghiệp Đại học chính quy loại xuất sắc tại Nhạc viện Hà Nội (nay là Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam) năm 1995, cô được giữ lại trường làm giảng viên khoa Nhạc cụ truyền thống, chuyên ngành Tam thập lục.

Trong suốt quá trình hoạt động nghệ thuật, với vai trò là nghệ sĩ độc tấu, hòa tấu, đệm đàn Tam thập lục và T’rưng, cô đã tham gia rất nhiều các cuộc

biểu diễn trong nước và quốc tế, giành nhiều giải thưởng quan trọng, có uy tín trong giới chuyên môn.

Sau khi nhận bằng tốt nghiệp Thạc sĩ và Tiến sĩ ngành Âm nhạc thế giới tại Nhạc viện Bắc Kinh năm 2008 và 2012, NSƯT Hoa Đăng đã quay trở về Việt Nam tiếp tục cống hiến cho ngành nghệ thuật nước nhà.

Bên cạnh việc giảng dạy và biểu diễn, cô cũng sáng tác tác phẩm cho đàn Tam thập lục và T' rưng rất có giá trị, được sử dụng trong giáo trình giảng dạy những nhạc cụ này tại các cơ sở đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp. Có thể kể đến một số tác phẩm như: Áo tứ thân, Thảo nguyên (đàn Tam thập lục), Nhà Rông (tốp tre nứa), chuyển soạn một số tác phẩm Việt Nam và nước ngoài sang cho đàn Tam thập lục diễn tấu như : Hương rừng, Hoa đỗ quyên, Bài ca hạt đậu đỏ...

Với những đóng góp trong ngành âm nhạc truyền thống cũng như đối với nền nghệ thuật nước nhà, cô đã vinh dự nhận danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú do nhà nước phong tặng năm 2012.

NSND Nguyễn Tiến

Tên khai sinh của ông là Nguyễn Văn Tiến, sinh ngày 01 tháng 09 năm 1953, quê ở thành phố Nam Định. Ông là Đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam, Giám đốc Nhà hát ca múa nhạc Quân đội và được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú năm 1997 và danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân năm 2012.

NSND sinh ra và lớn lên trong một gia đình nghệ sĩ: bố là nghệ sĩ đàn bầu Đoàn Ca múa nhân dân Trung ương, em gái là NSƯT Thúy Đạt ở Đoàn Ca nhạc Đài tiếng nói Việt Nam.

Ông chơi đàn bầu từ năm lên 6 tuổi. Năm 1970, sau khi học ở Trường Nghệ thuật Quân đội, ông về công tác tại Đoàn Ca múa Tổng cục Chính trị, là nghệ sĩ đàn bầu xuất sắc. Ông đã nhiều lần được Huy chương Vàng trong các hội diễn chuyên nghiệp toàn quốc và được bạn bè thế giới đánh giá cao về trình độ diễn tấu đàn bầu.

Gần đây ông viết ca khúc và đạt được một số giải thưởng của Hội Nhạc sĩ Việt Nam và của quân đội các năm (1994- 1995- 1996) về sáng tác ca khúc và hòa tấu nhạc cụ dân tộc. Ông đã phát hành ba album : *Chuyện tình diêu bông* (DIHAVINA, 1996), *Hoa cau vườn trầu* (Trung tâm Băng nhạc Trẻ), *Tiếng đànbầu Nguyễn Tiến* (Nxb. Âm nhạc và Hội Nhạc sĩ Việt Nam,1996)...

***NSƯT Trần Luận**

Nghệ sĩ Trần Luận sinh ngày 16 tháng 02 năm 1961, quê ở xã Thái sơn, Thái Thụy, Thái Bình, hiện công tác tại Đoàn Ca nhạc Đài Tiếng nói Việt Nam. Ông đã học và tốt nghiệp Trung cấp và Đại học đàn Nguyệt, đàn Nhị tại khoa Âm nhạc cổ truyền- Nhạc viện Hà Nội (1979-1987). Sau khi tốt nghiệp, ông về

công tác tại Đoàn Ca nhạc Đài Tiếng nói Việt Nam (nay làNhà hát Đài Tiếng nói Việt Nam).

Là nghệ sĩ biểu diễn độc tấu đàn Nguyệt và đàn nhị, ông luôn tìm tòi sáng tạo về kỹ năng diễn tấu để không ngừng nâng cao trình độ biểu diễn của mình. Ngoài việc thu thanh phát sóng trên Đài Tiếng nói Việt Nam, ông còn tham gia nhiều chương trình biểu diễn ở Trung ương và địa phương, các cuộc liên hoan, các cuộc thi âm nhạc toàn quốc..

Ông đã sáng tác một số tác phẩm, về ca khúc có: *Nơi thương nhớ, tình xanh*...; về khí nhạc: các độc tấu *Cao nguyên xanh* (đàn Tam thập lục), *Tình mẹ* (đàn nguyệt); hòa tấu nhạc dân tộc có *Ngựa ô mùa xuân, Âm thanh ngày mới*...

Ông đã nhận giải thưởng của Hội nhạc sĩ Việt Nam, của Bộ Văn hóa – Thông tin và Huy chương vì sự nghiệp Phát thanh và được phong tặng Nghệ sĩ Ưu tú năm 2012.

NSƯT Đinh Linh

NSƯT Đinh Linh tên đầy đủ là Đinh Hà Linh, được sinh ra tại Hà Nội trong gia đình có truyền thống nghệ thuật. Ông là con trai cả của cố NSƯT Đinh Thìn, là người nối nghiệp và thừa kế những ngón sáo trúc độc của gia đình. Ông tốt nghiệp Đại học Sáo trúc tại khoa Âm nhạc cổ truyền – Nhạc viện Hà Nội.

Sau một thời gian công tác tại Nhà hát Ca múa nhạc Bông sen (thành phố Hồ Chí Minh), ông đã tách ra khỏi khối nhà nước và hoạt động tự do.

Trong thời gian hoạt động nghệ thuật, NSƯT Đinh Linh có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển của cây sáo ở Việt Nam. Thường xuyên được mời tham gia biểu diễn các chương trình trong nước cũng như ở nước ngoài. Năm 2015 vừa rồi, ông đã có chuyến công tác thành công tại Expo – Milan (Italia). Là một trong những đại diện tiêu biểu đã quảng bá văn hóa Việt Nam đến với bạn bè trên thế giới, ông được vinh dự nhận nhiều bằng khen của nhà nước trao tặng và được phong danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú vì những đóng góp của mình.

3.Các bài tập hỗ trợ cho tác phẩm.

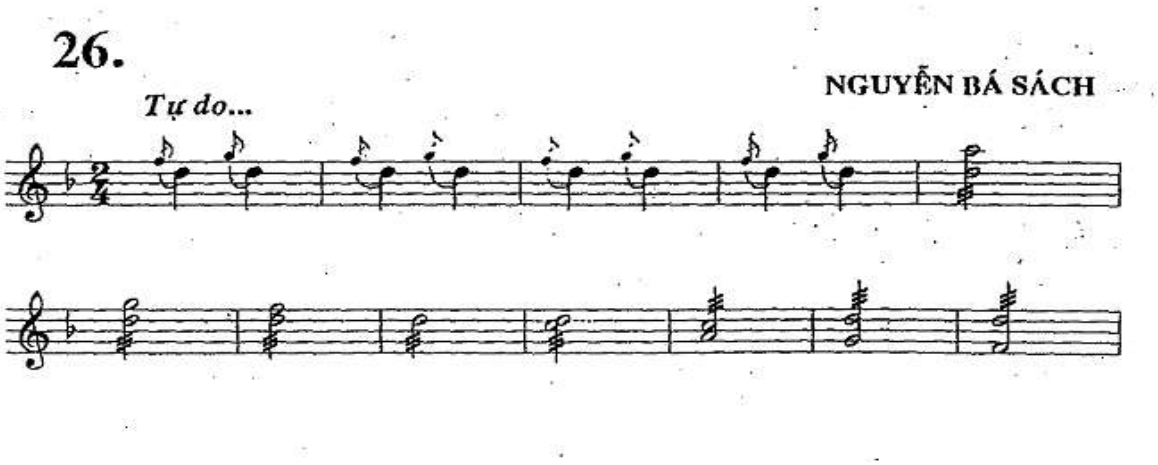

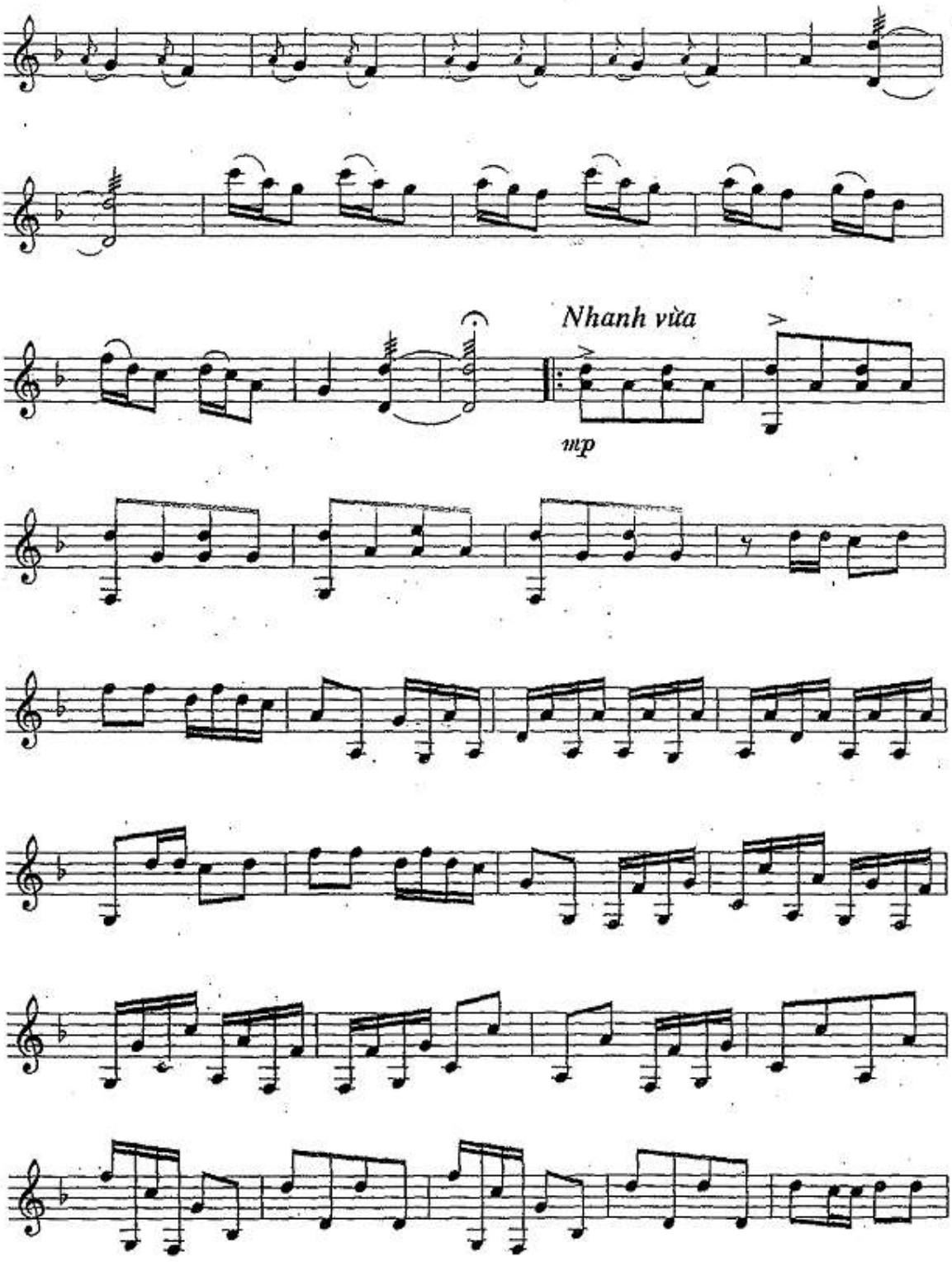
Nhanh vừa
mp

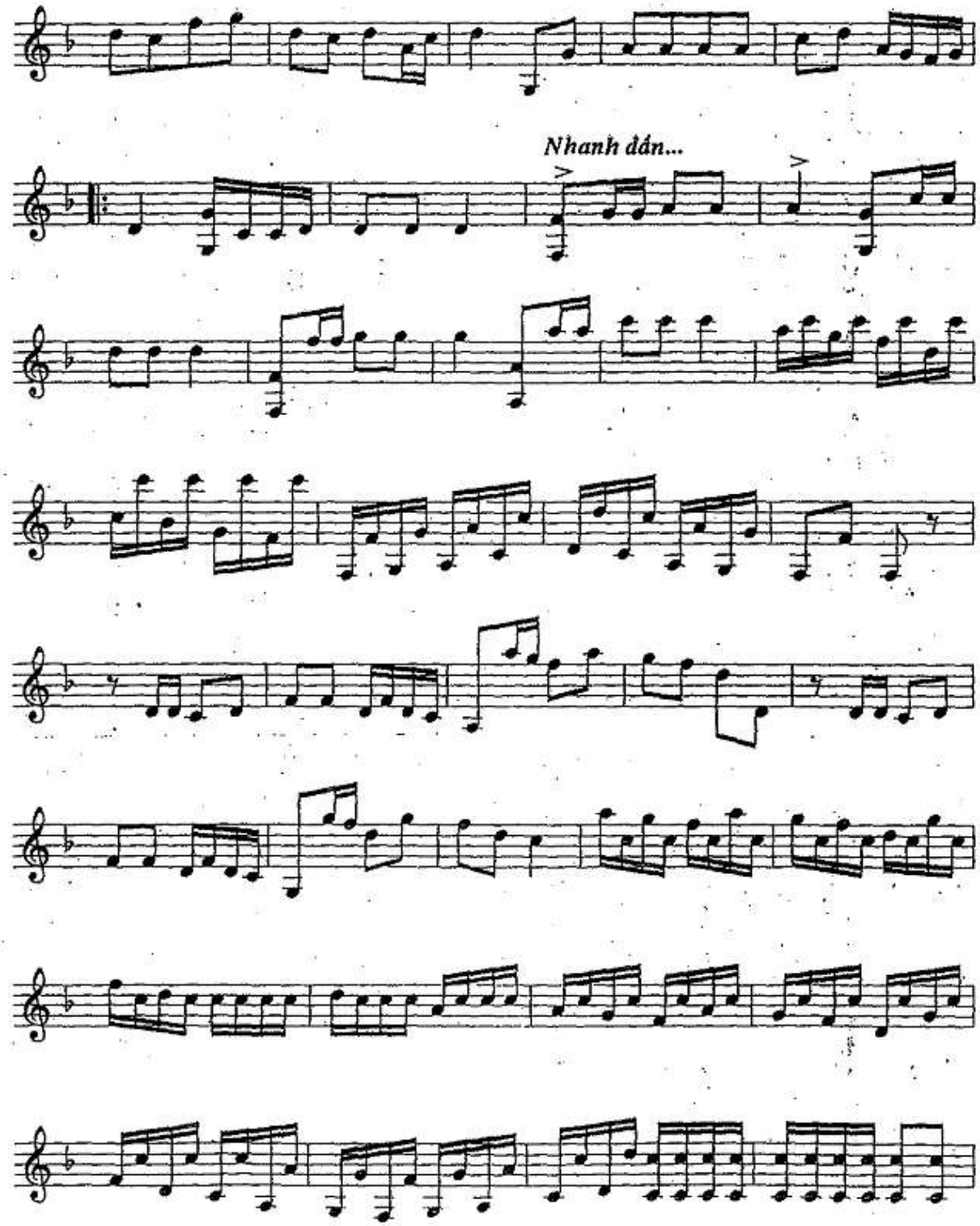
Nhanh dần...

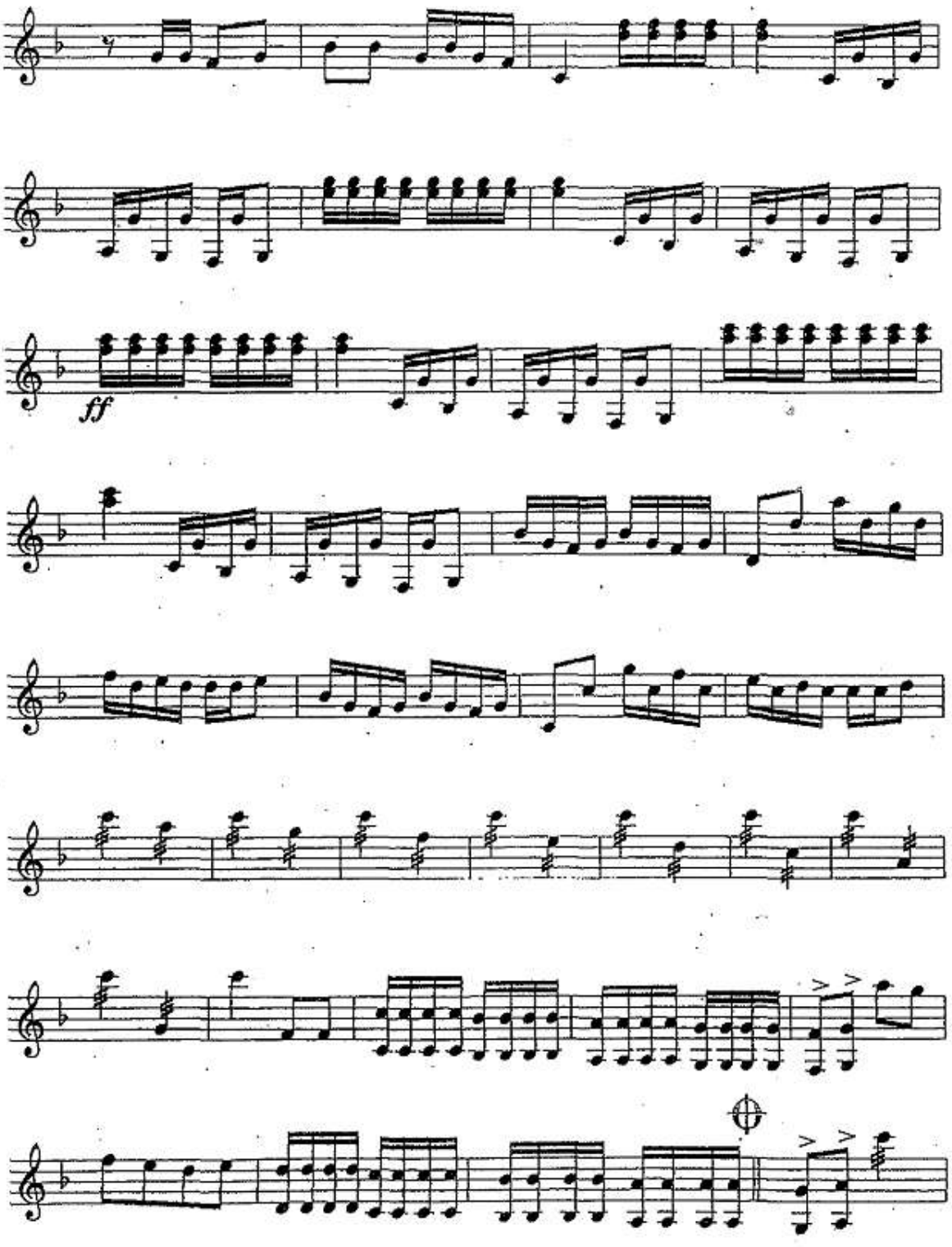
ff

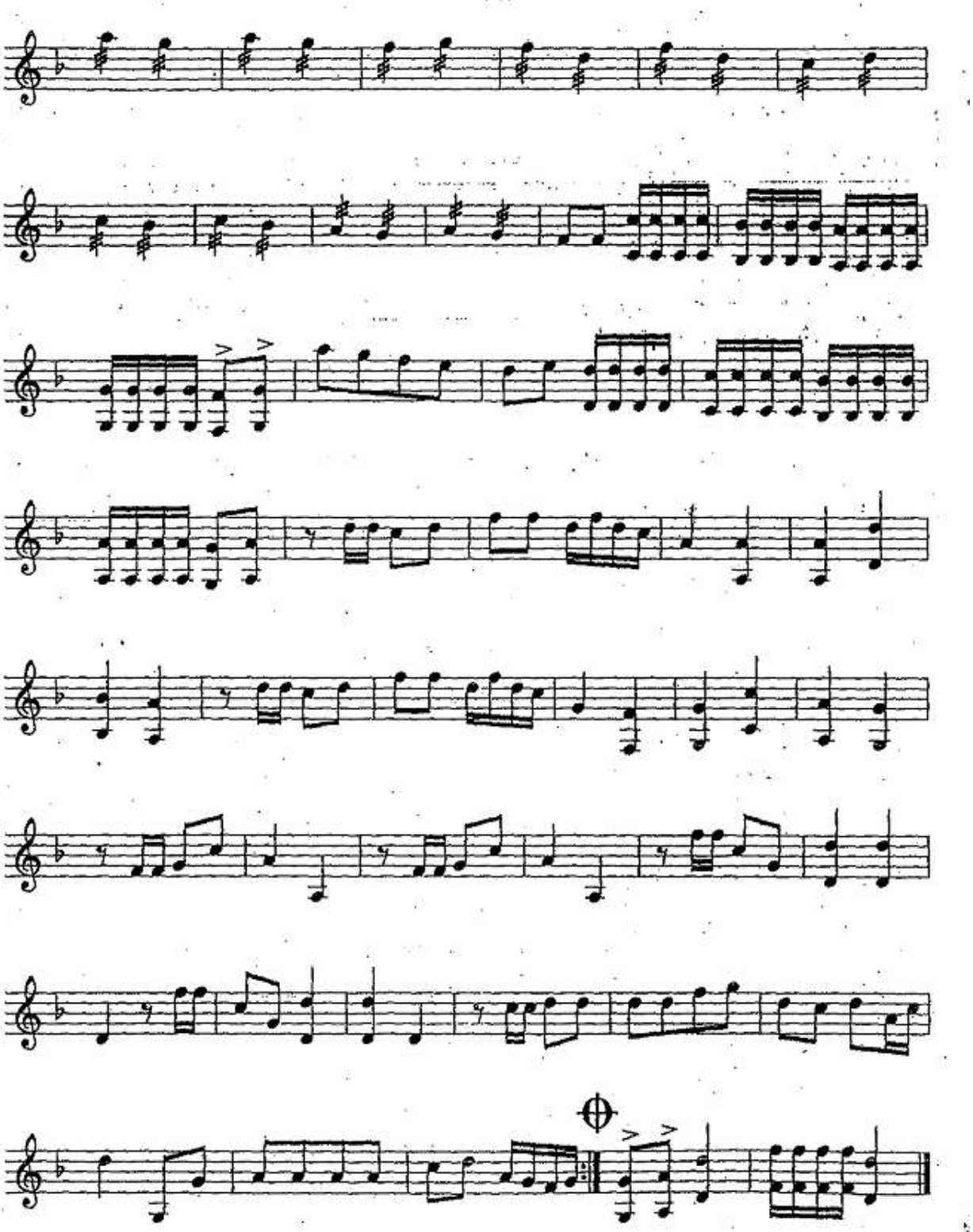

35.

Nhanh vừa .

HỒNG PHÚC.

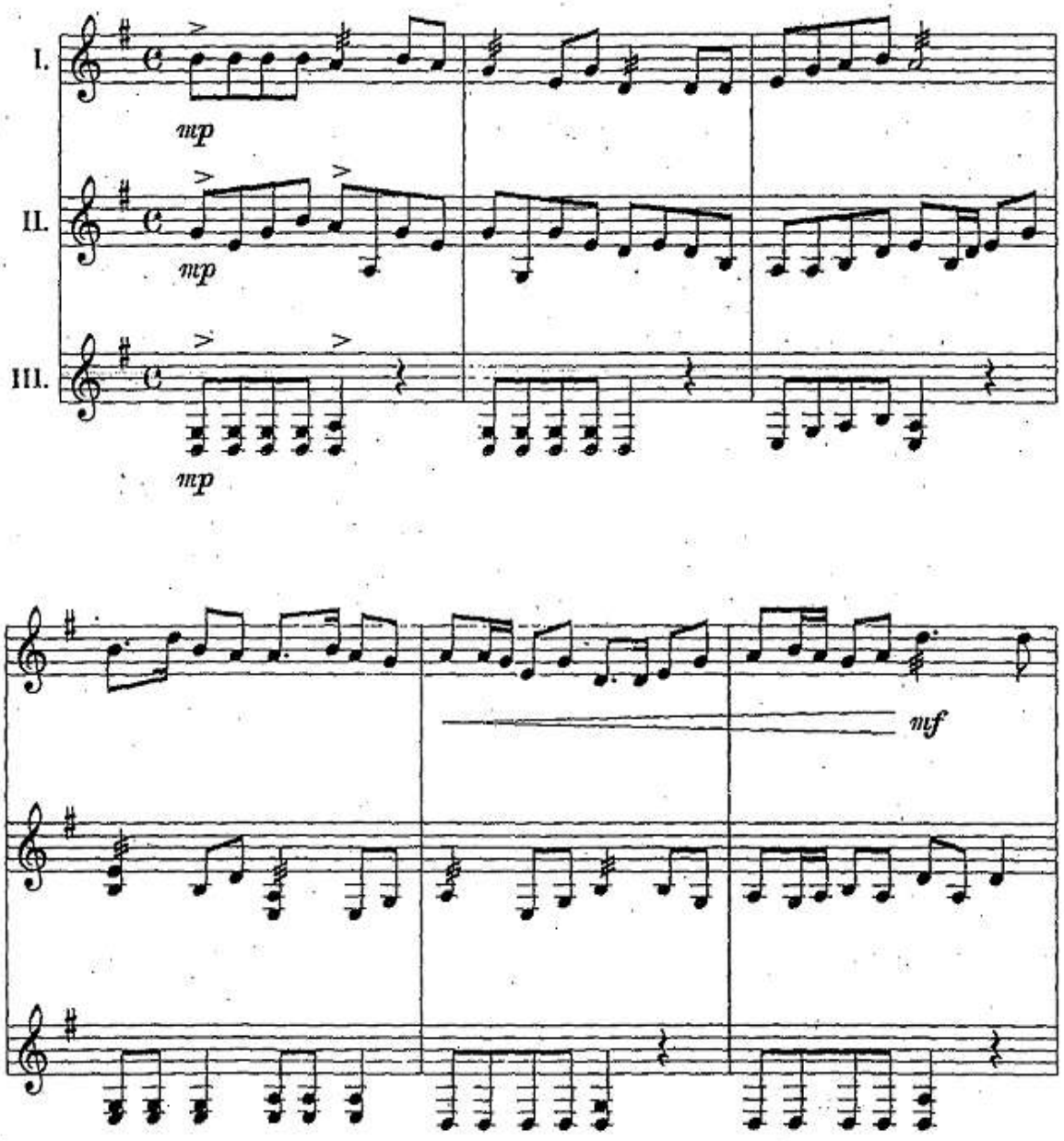

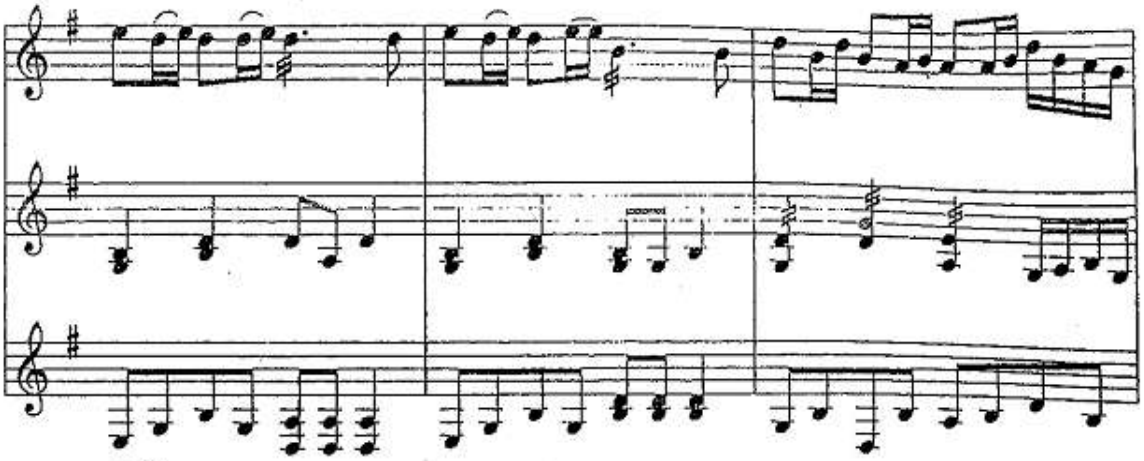

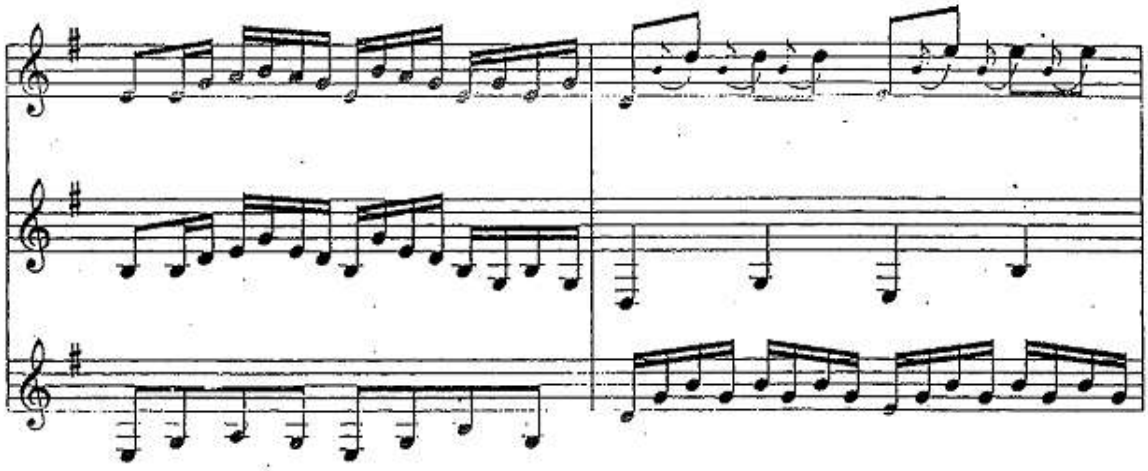

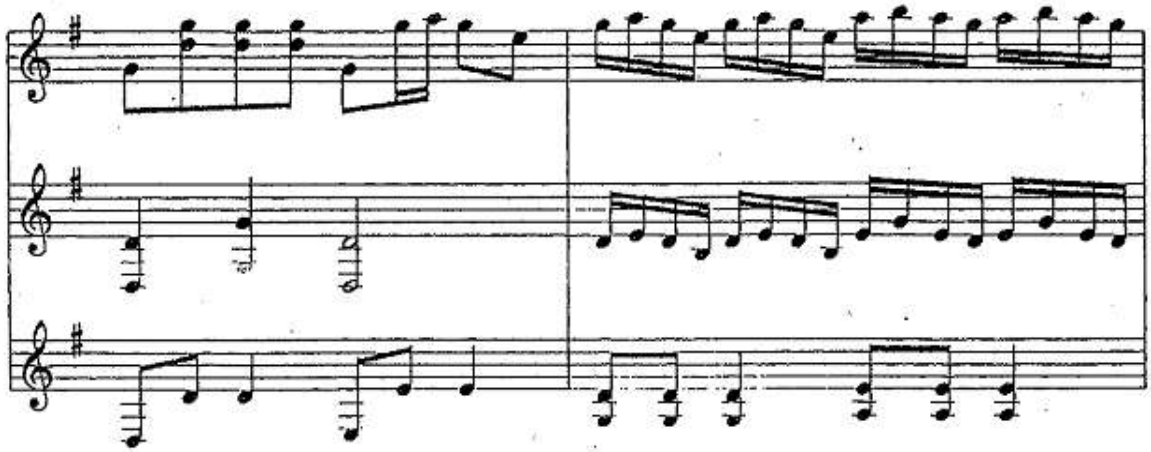

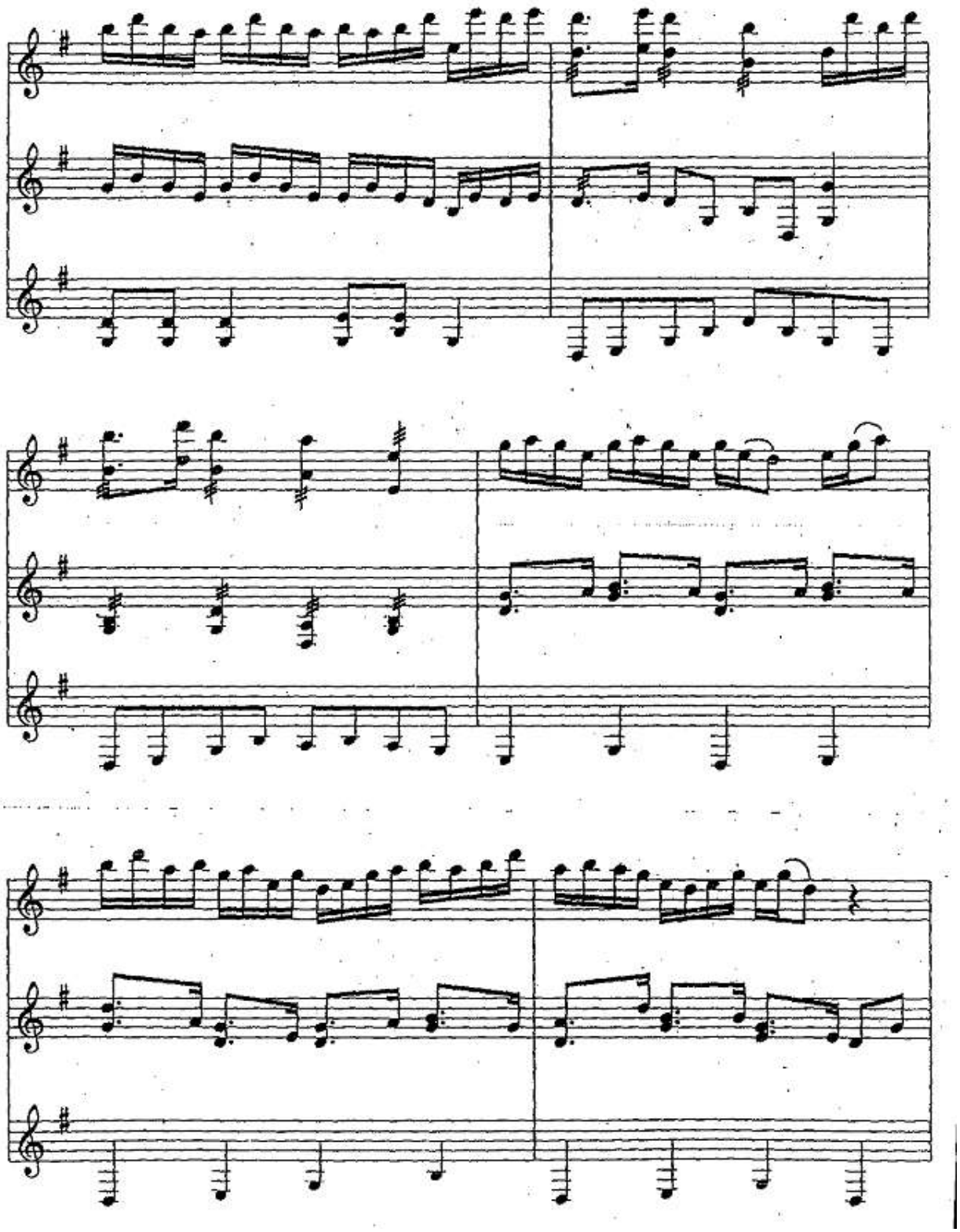

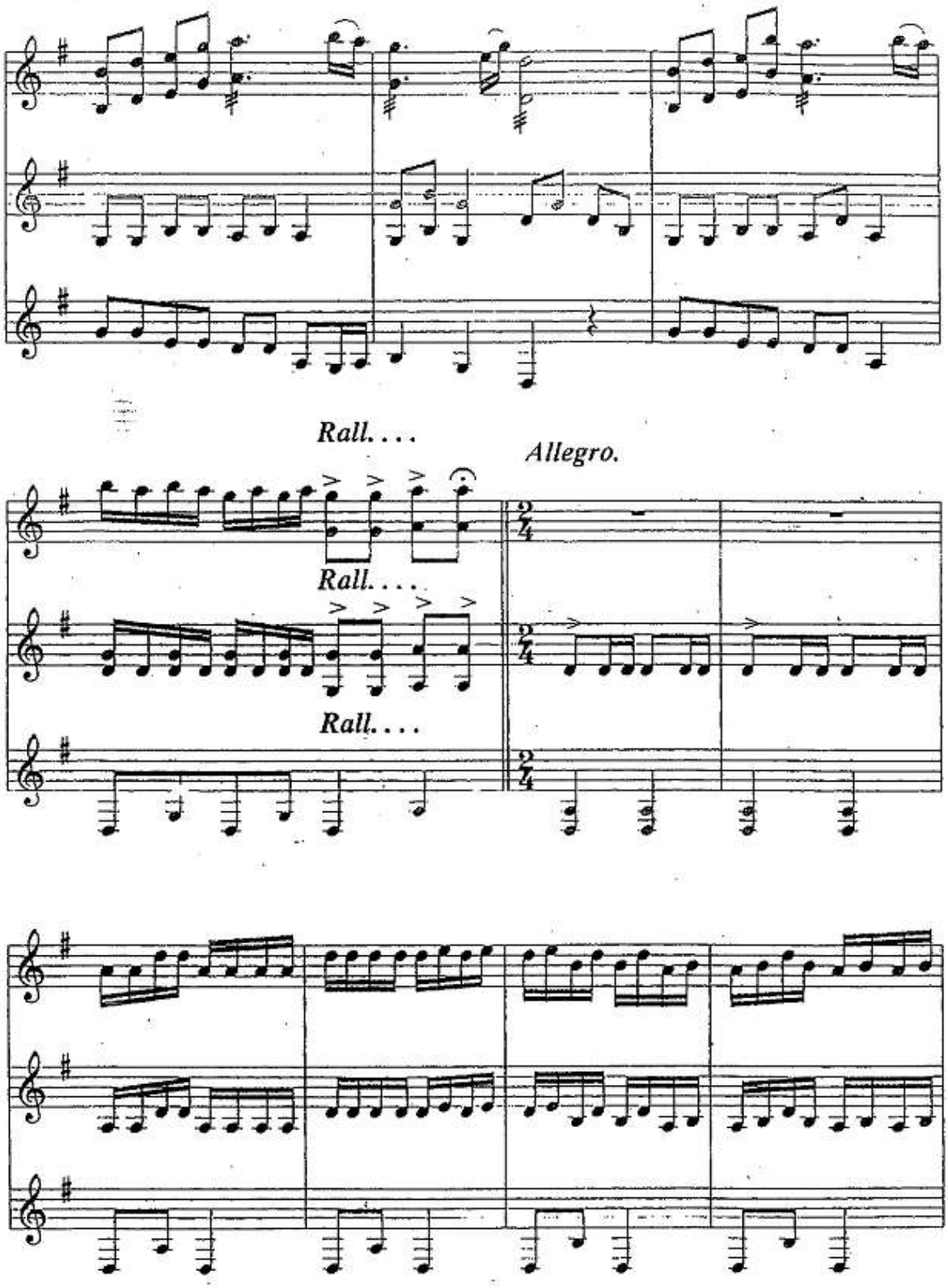
Rall. . . .
Allegro.
Rall. . . .
Rall. . . .

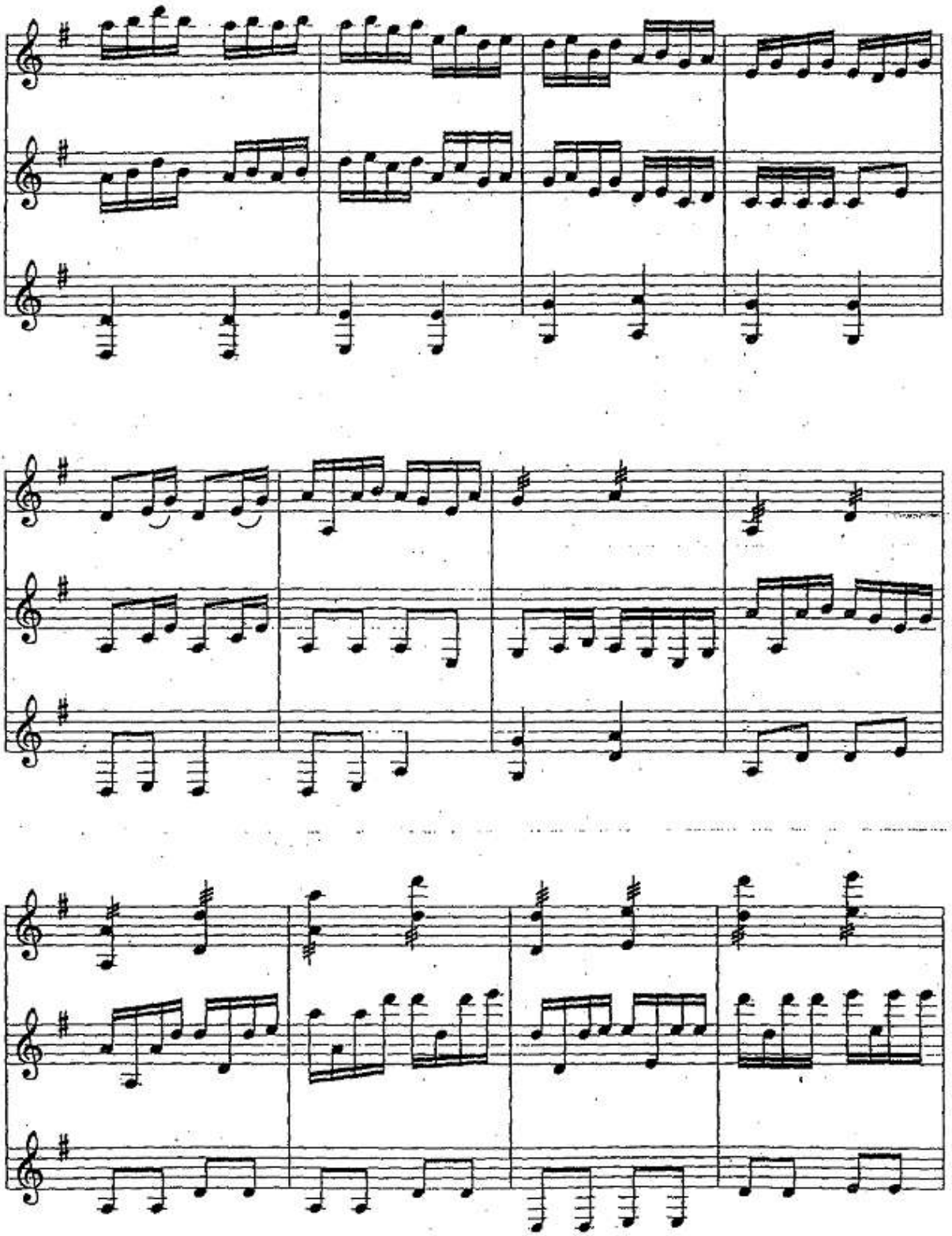

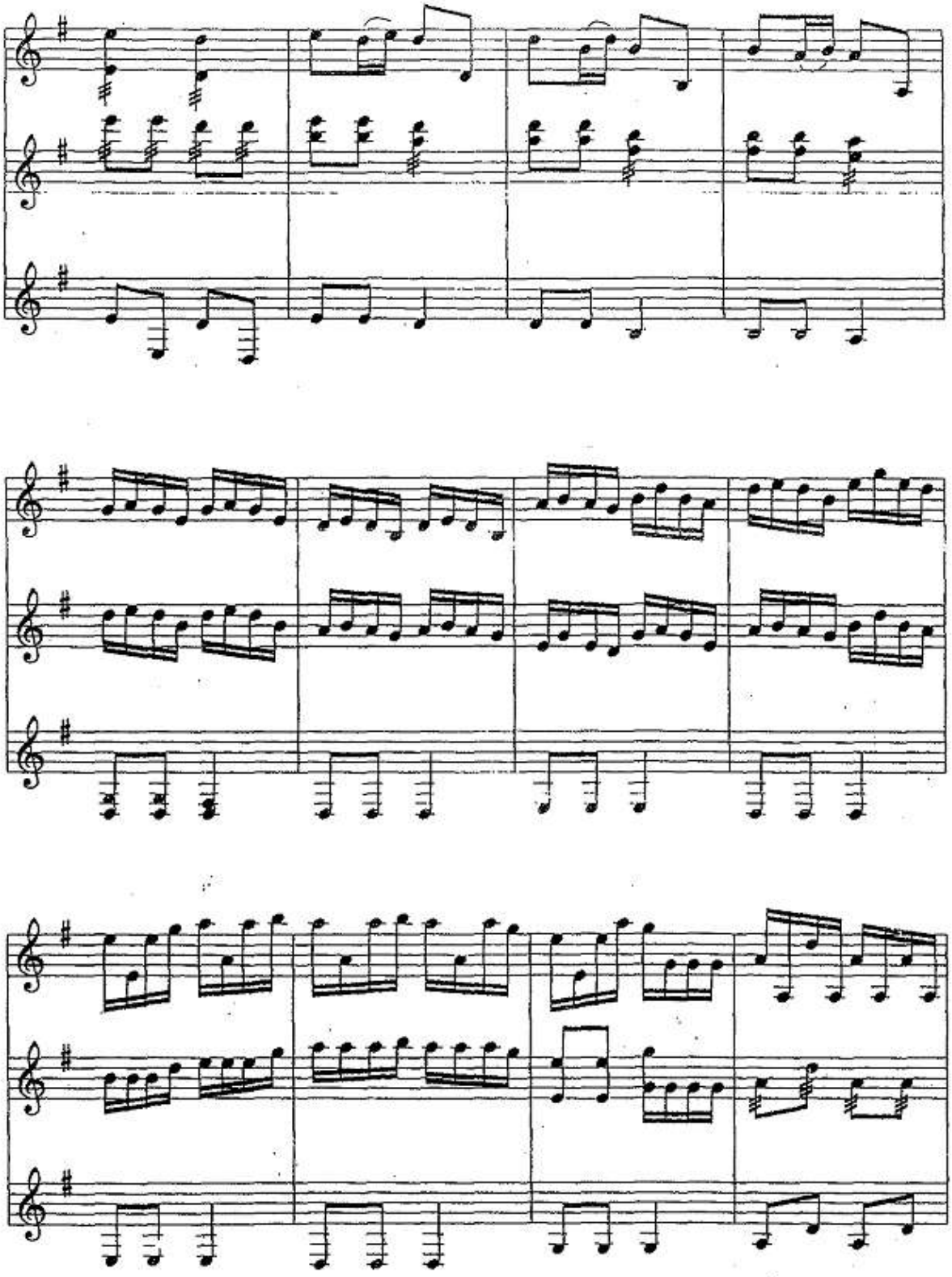

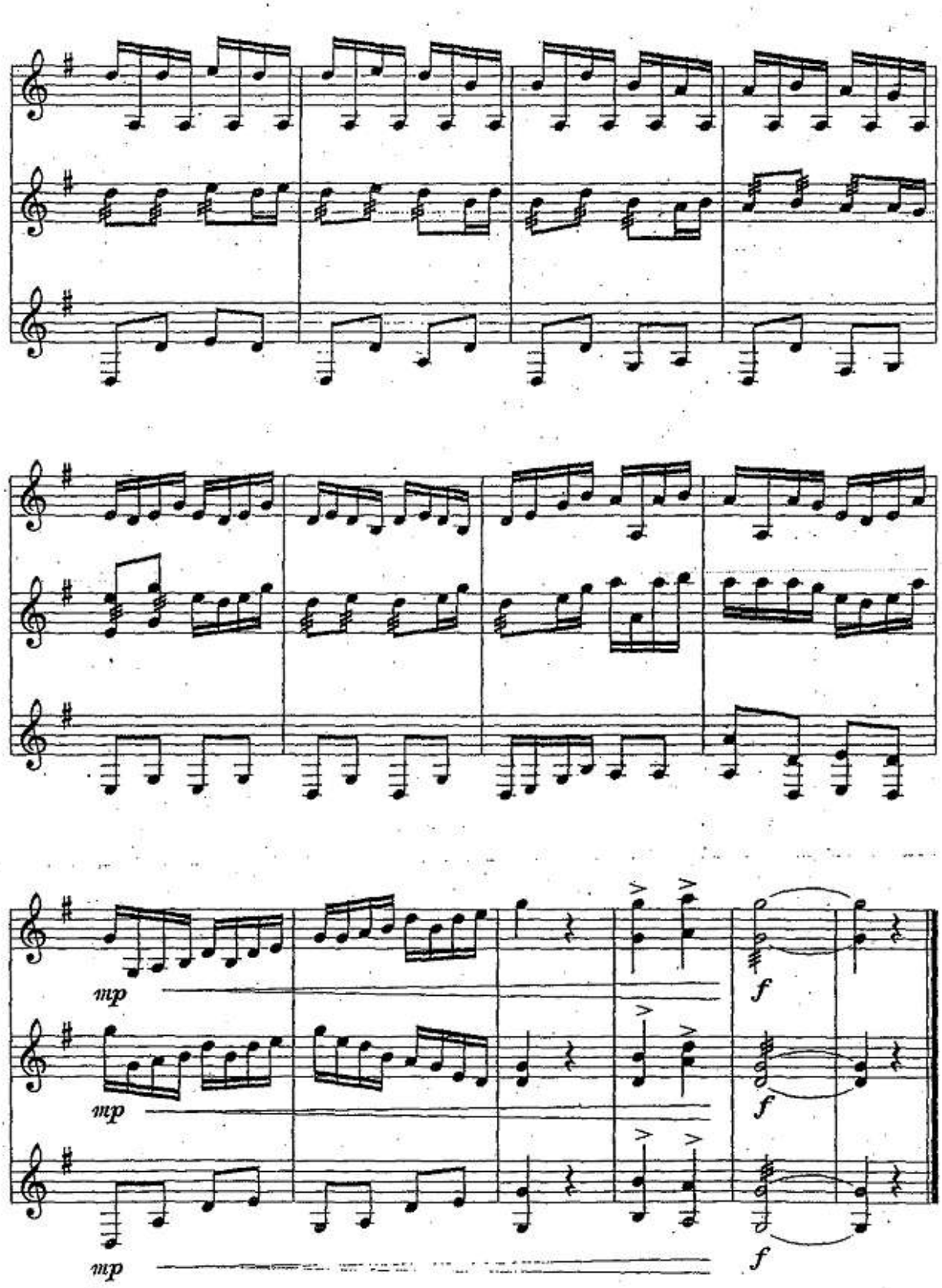
mp
mp
mp
f
f
f

39.

Nhanh vừa.

HỒNG PHÚC

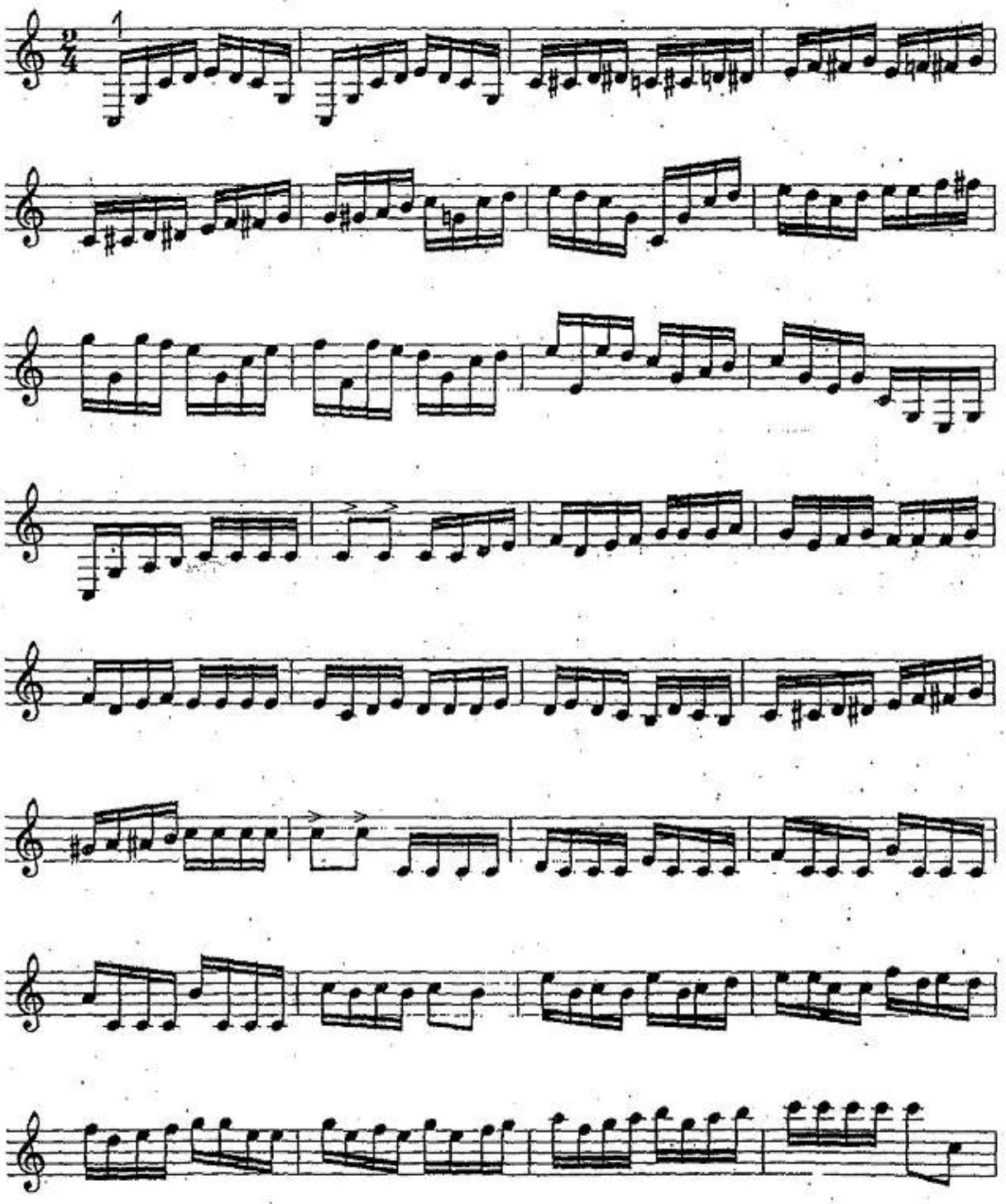

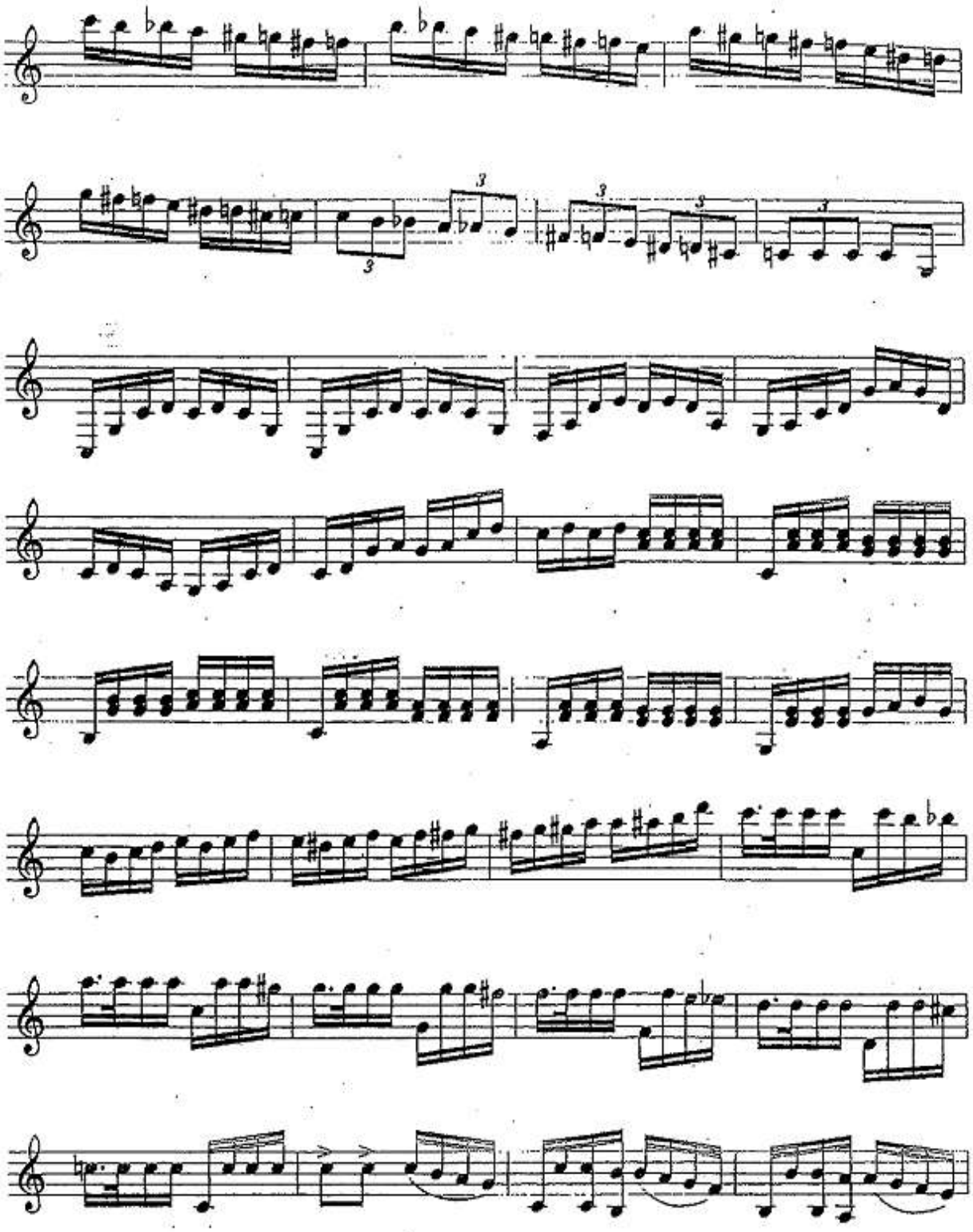

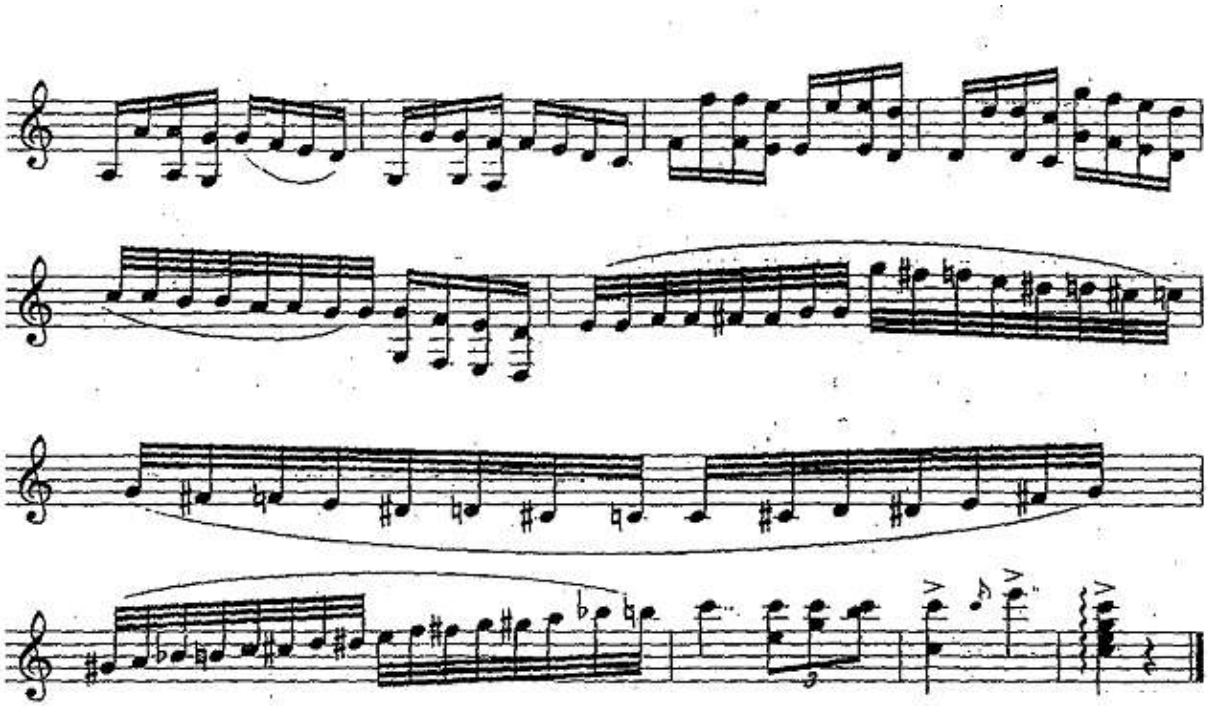

41.

HỒNG PHÚC

Nhanh vừa.

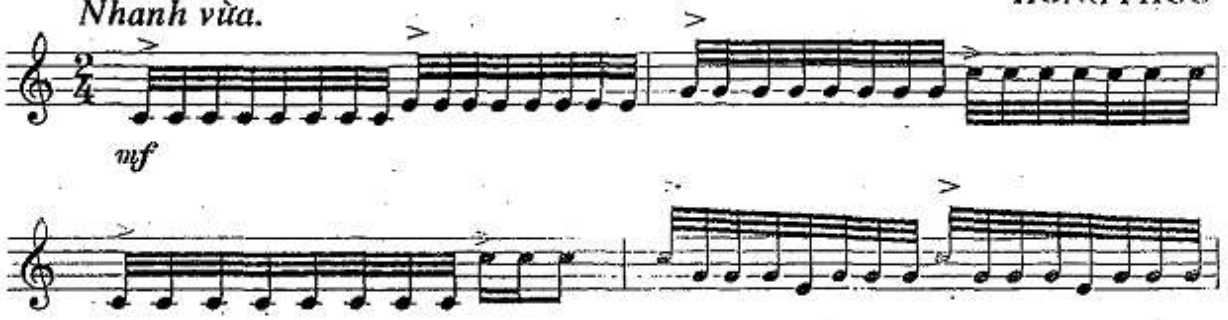

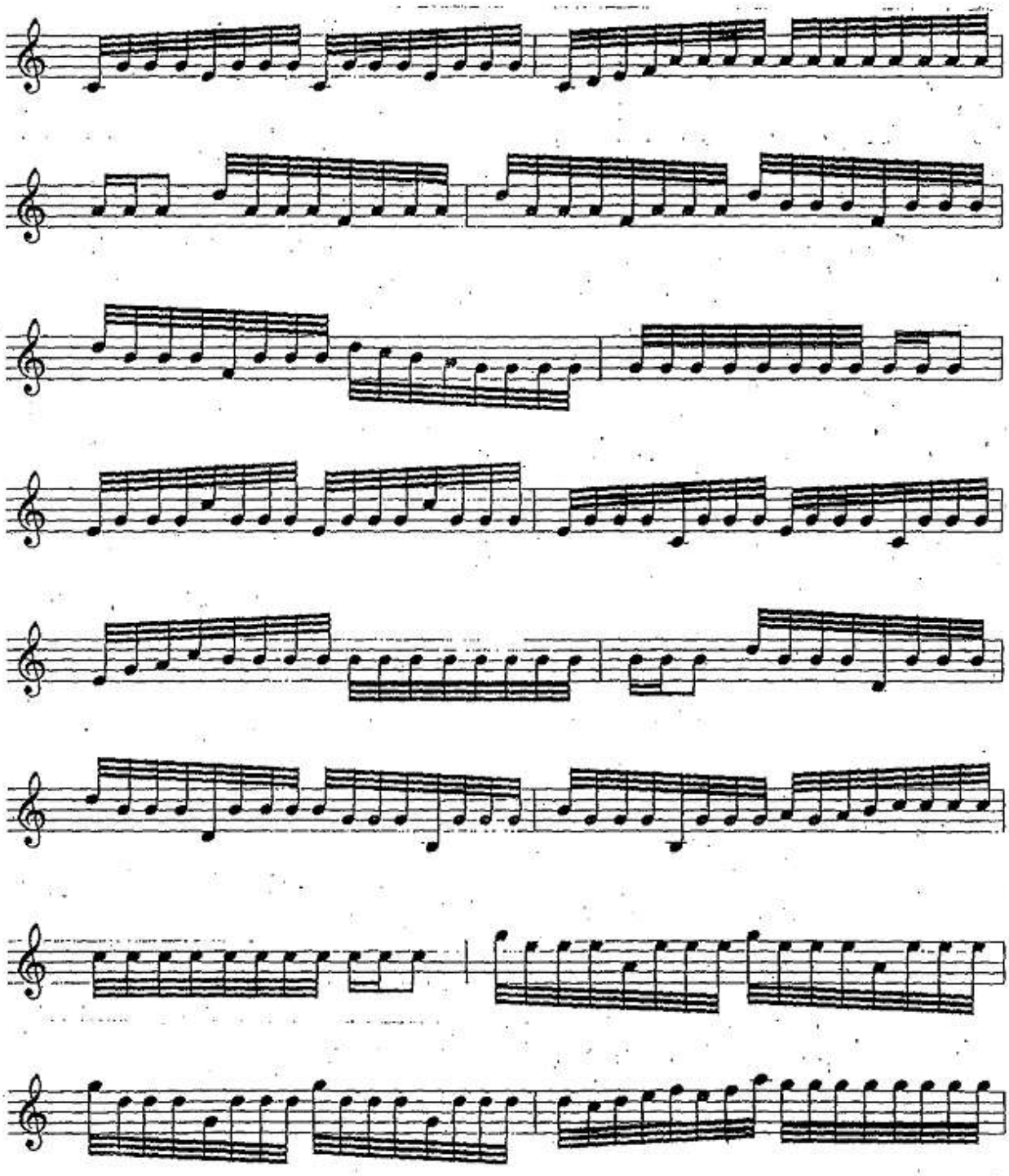

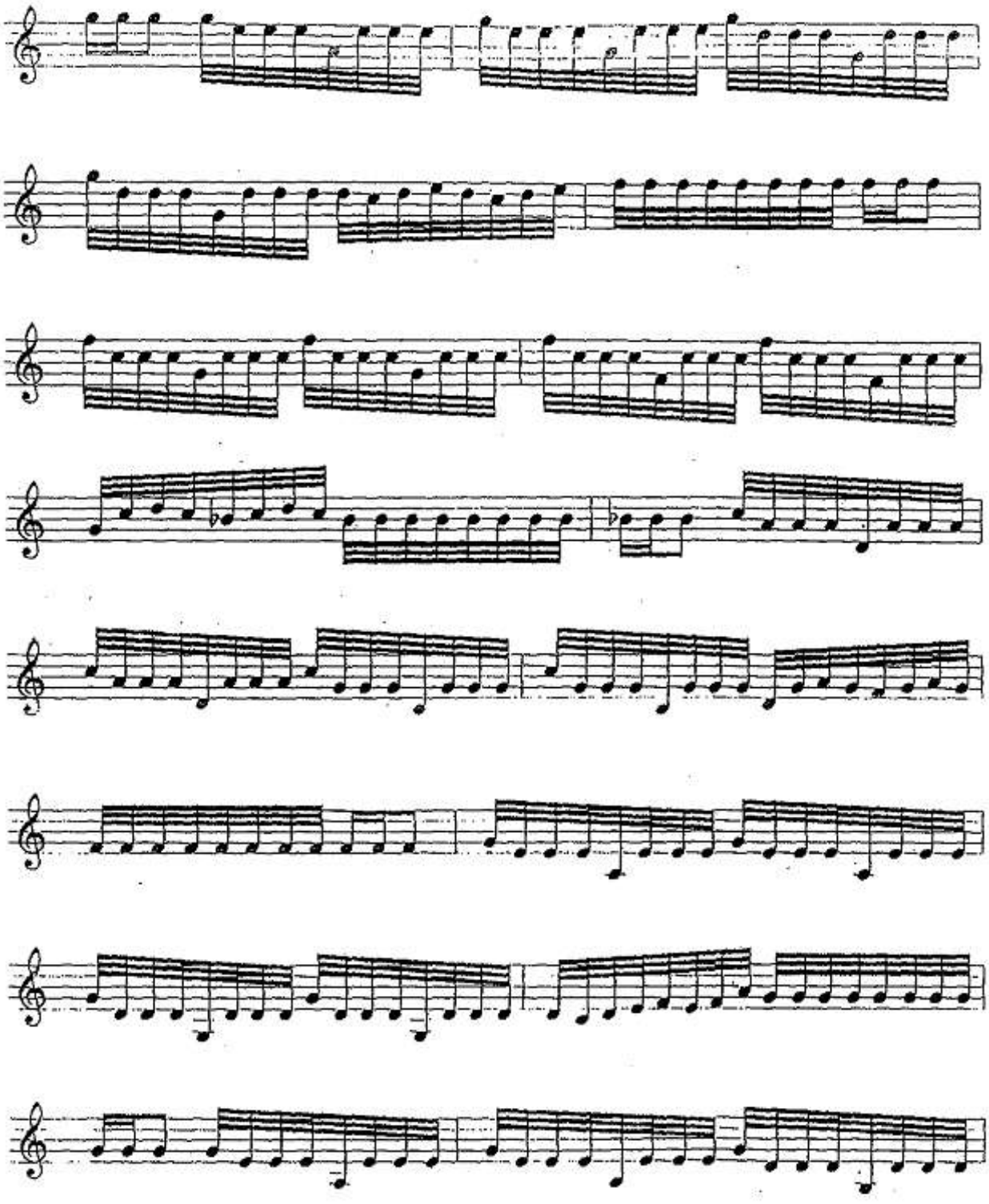

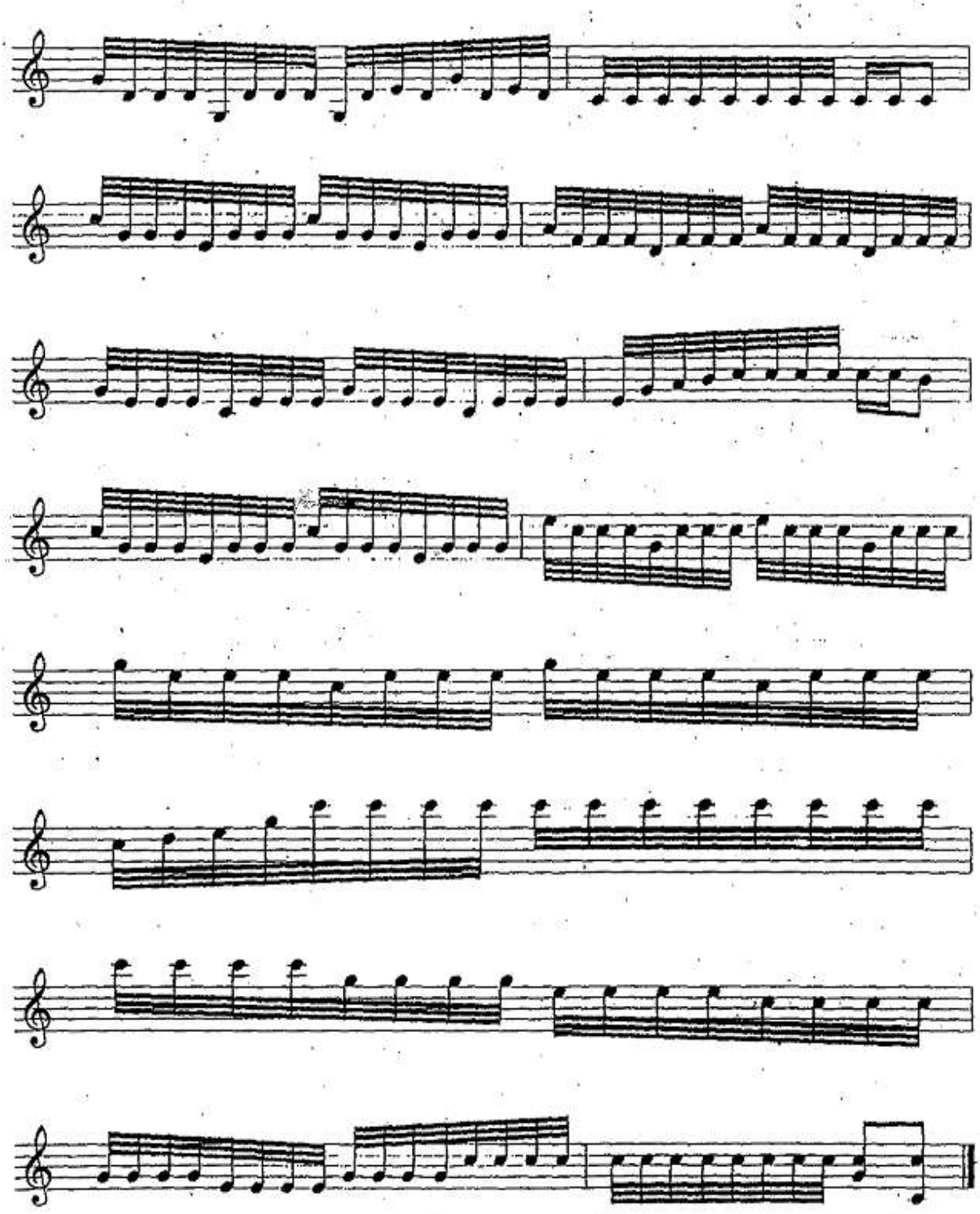

45.

HỒNG PHÚC

Tự do - Nhanh dần . . .

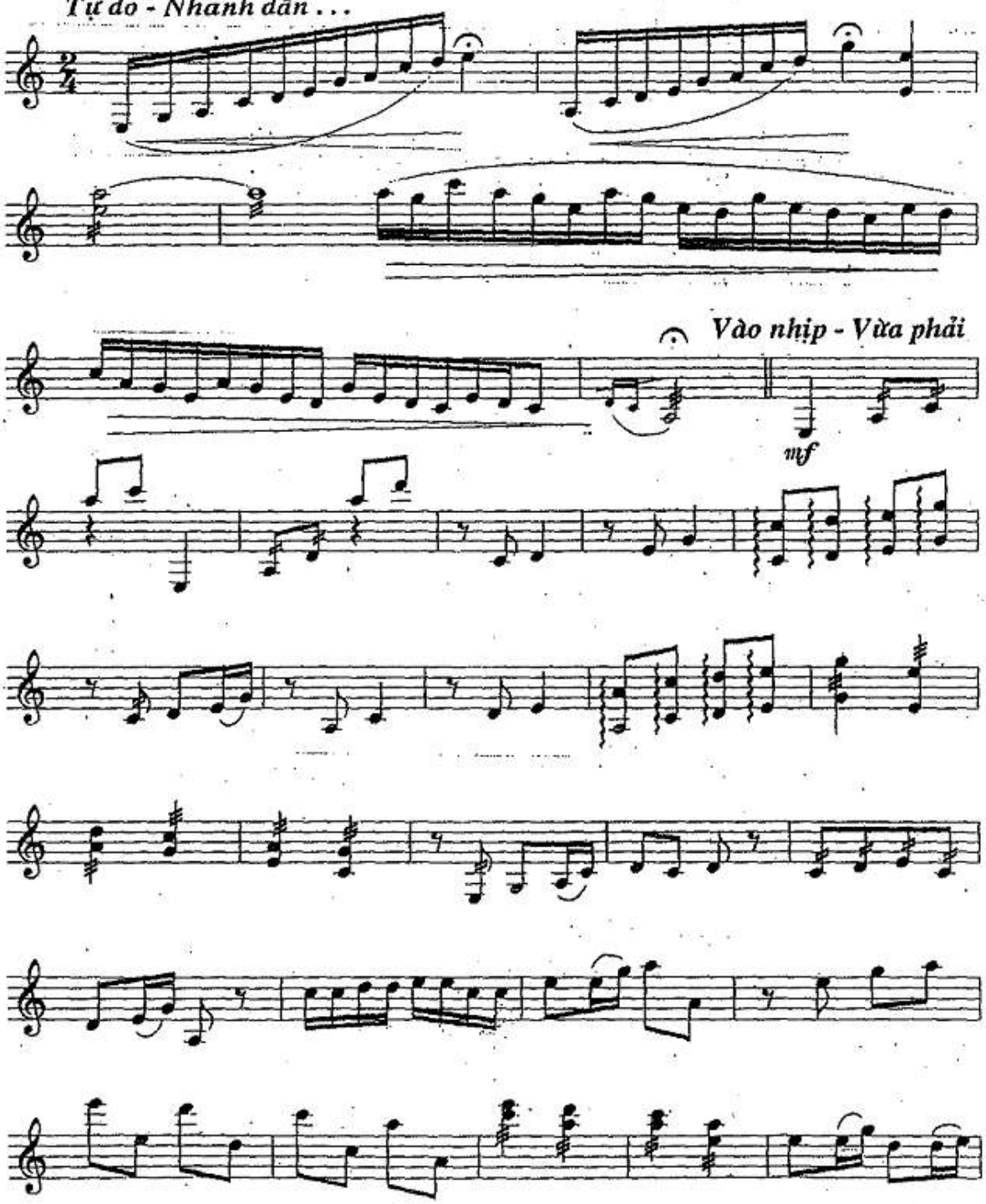

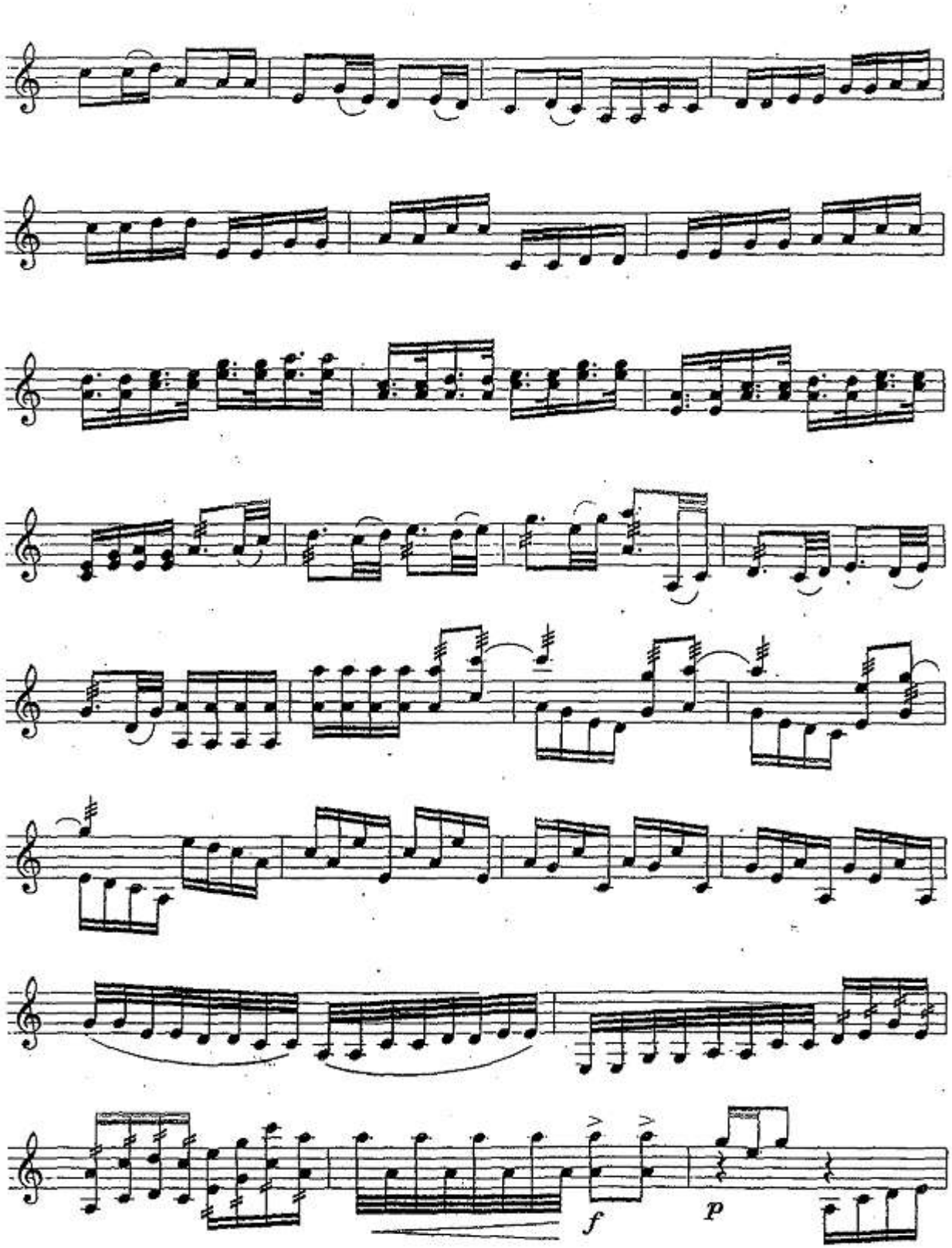
f
p

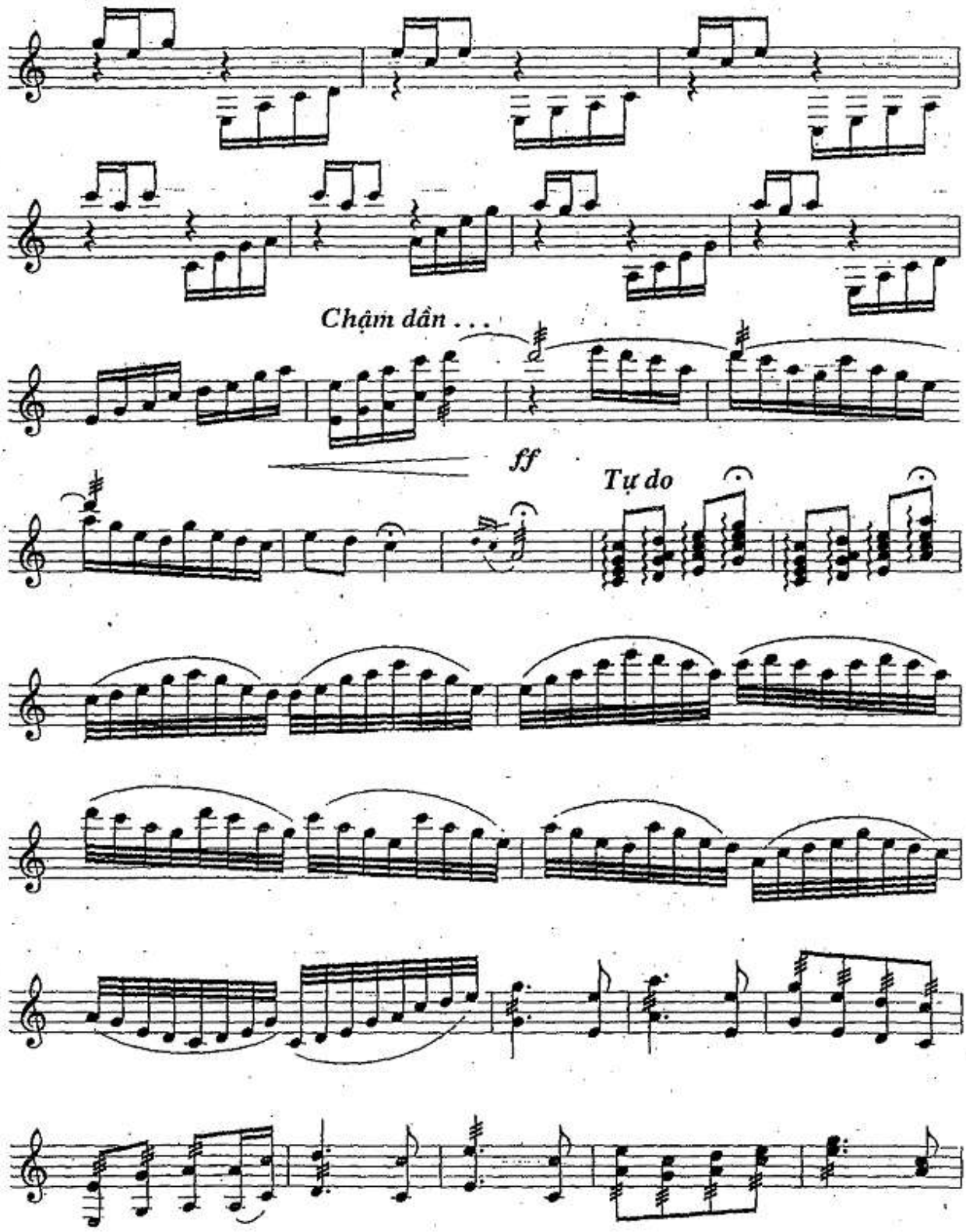
Chậm dần . . .
ff
Tự do

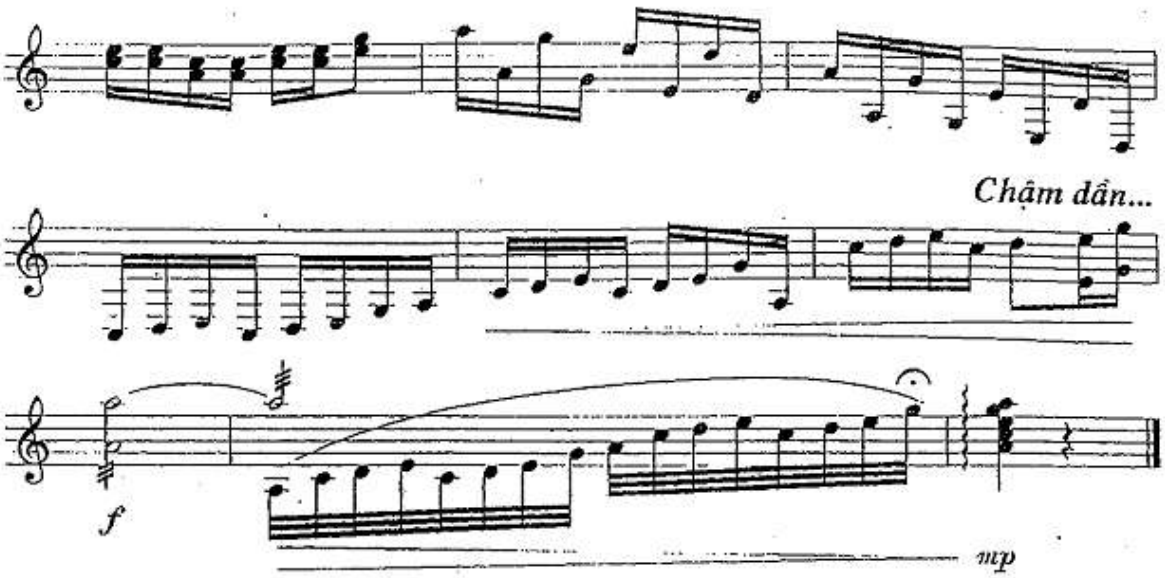
Chậm dần...
f
mp

49.

HỒNG PHÚC

Tự do ...

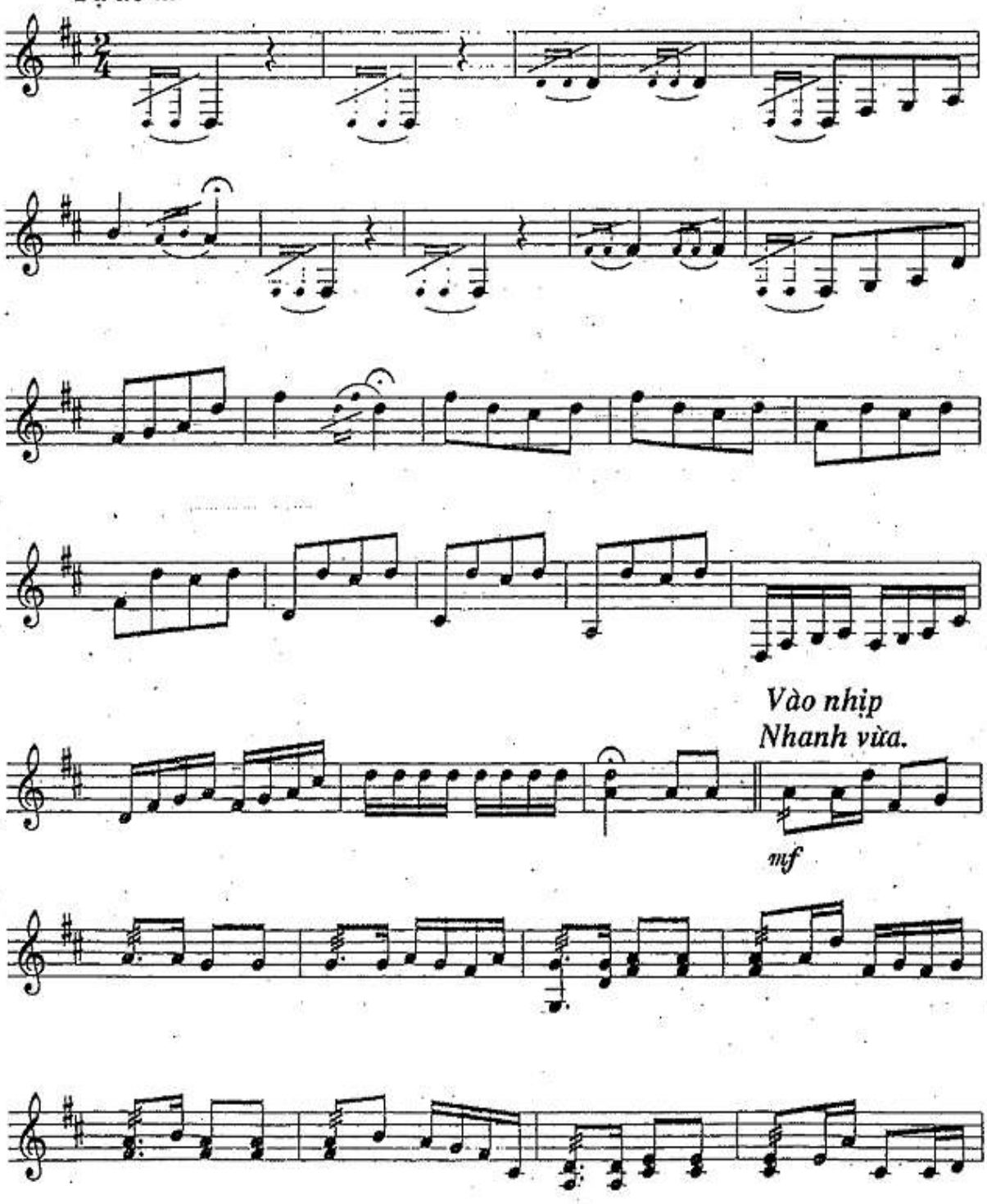

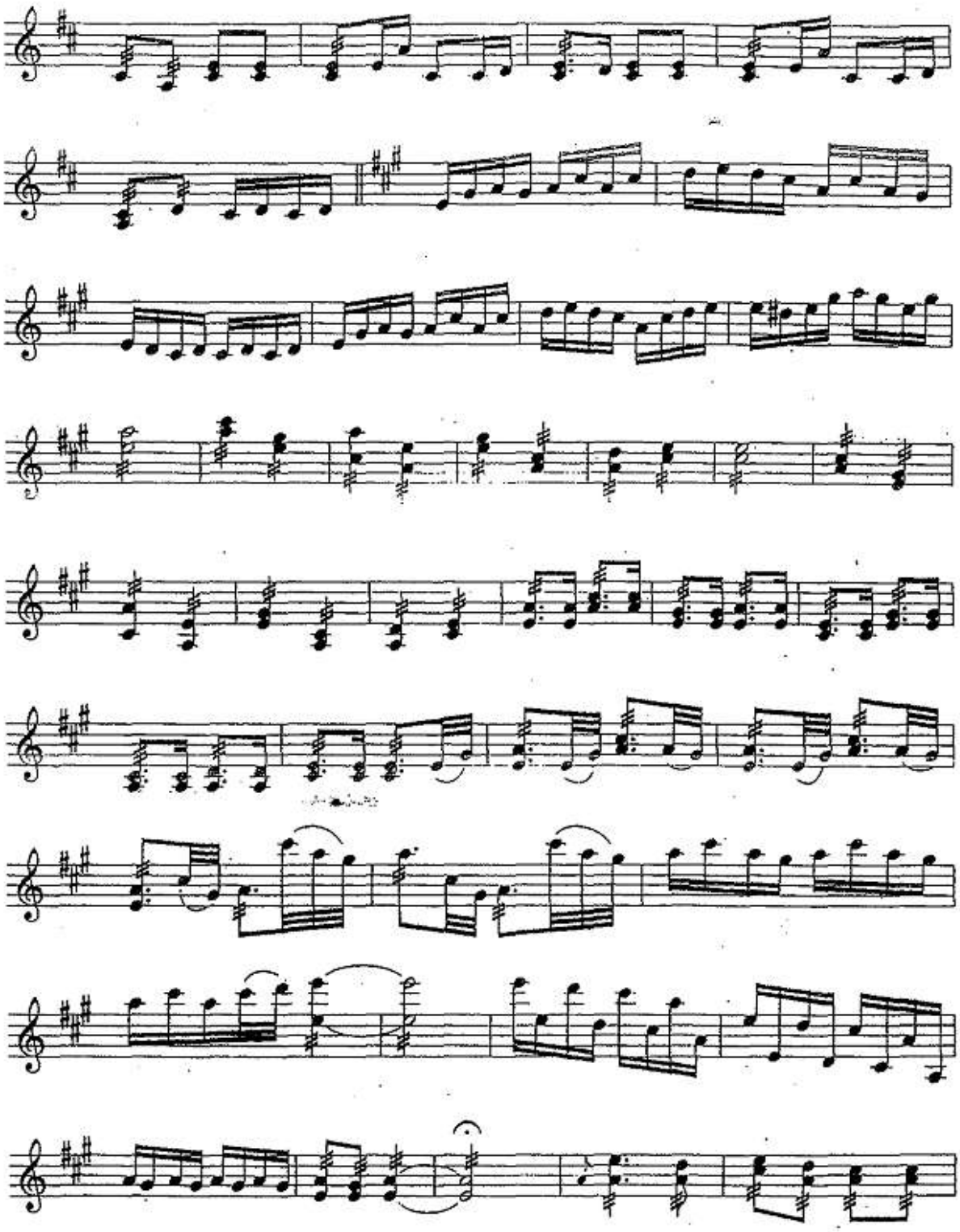

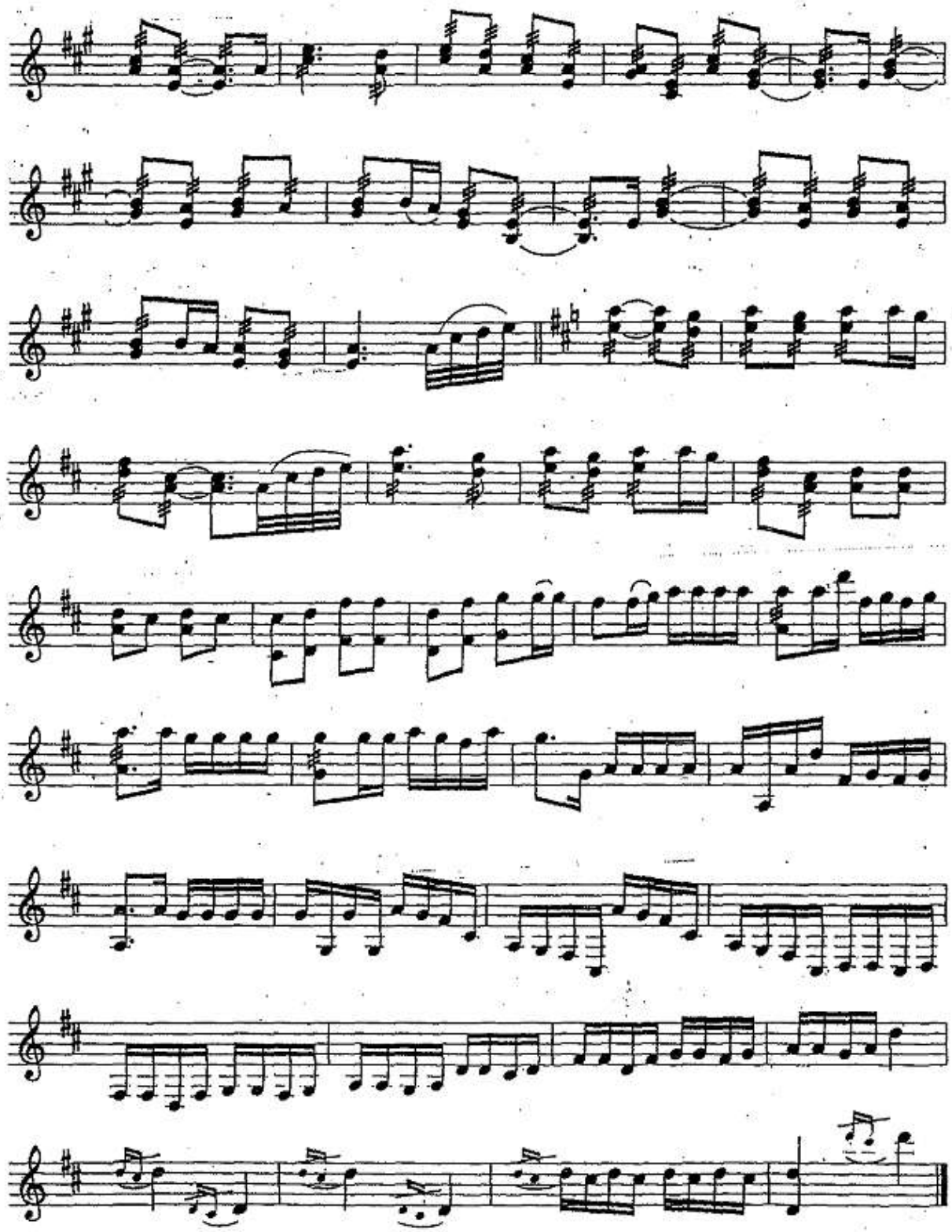

50.

HỒNG PHÚC

Nhanh vừa.

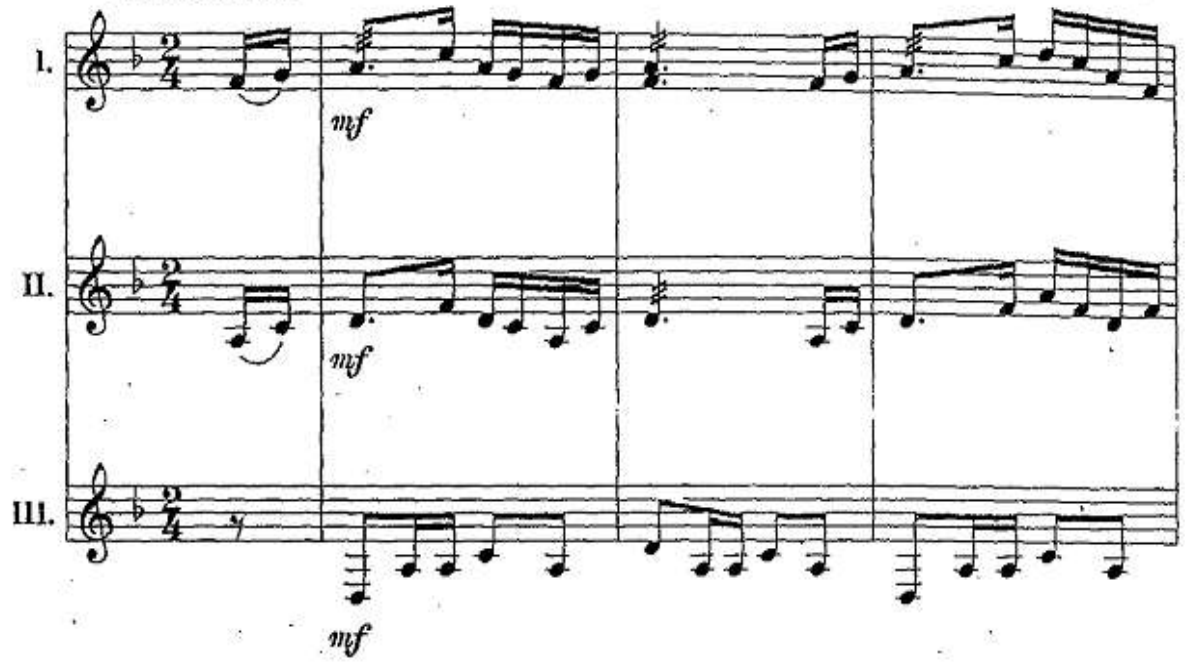

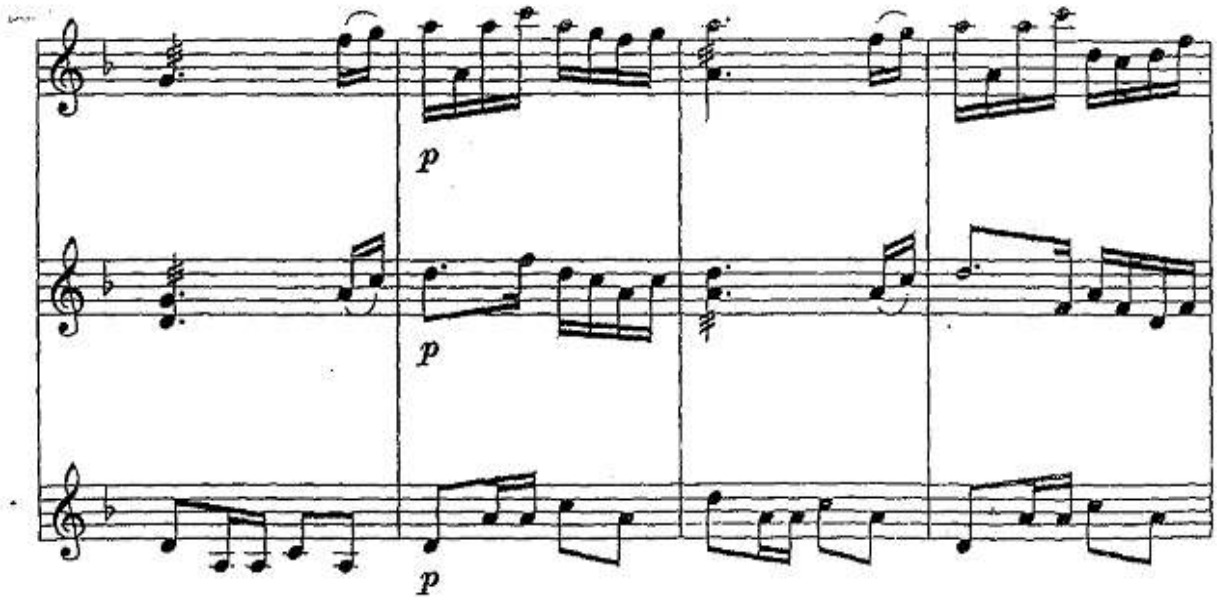

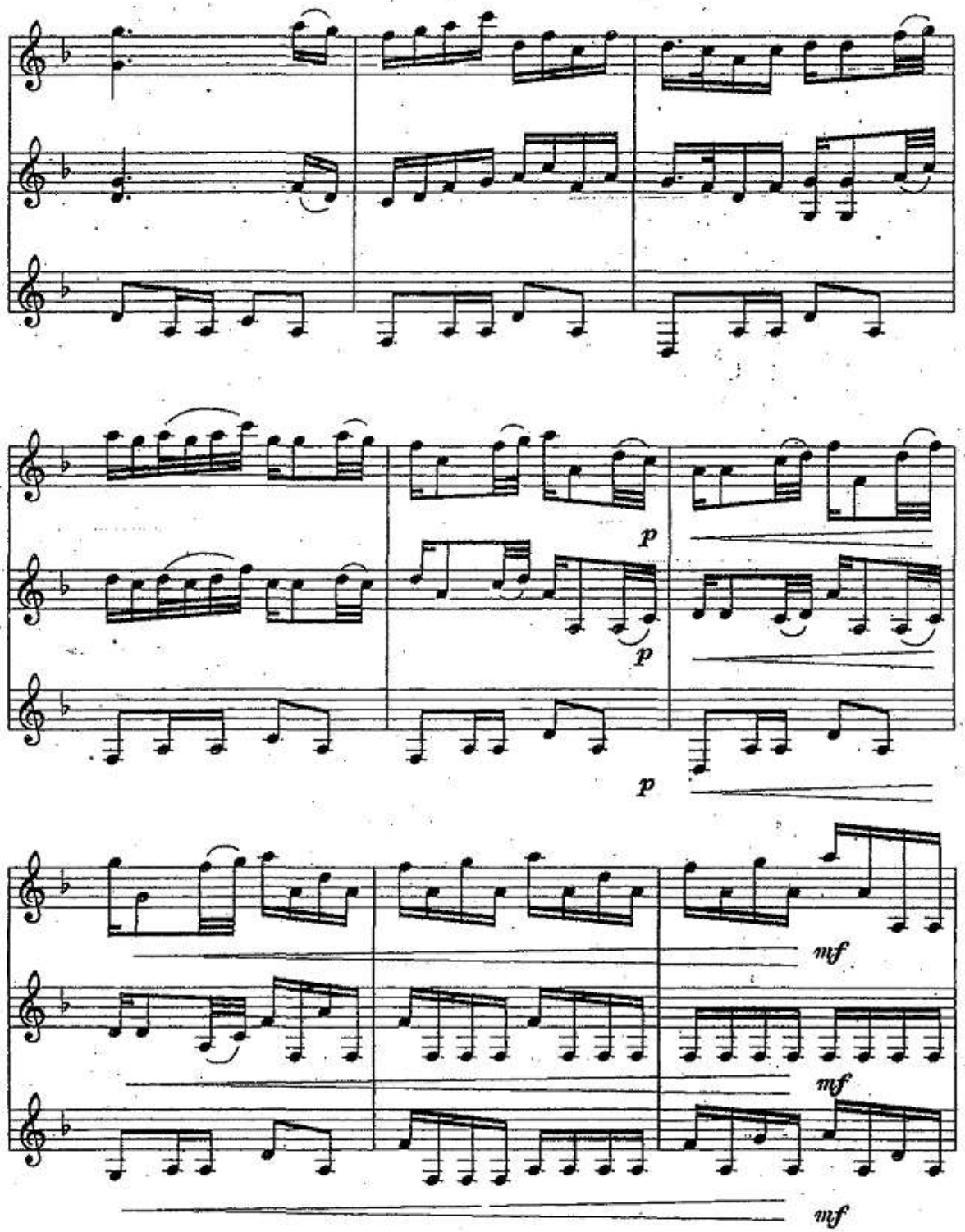
p
p
p
mf
mf
mf

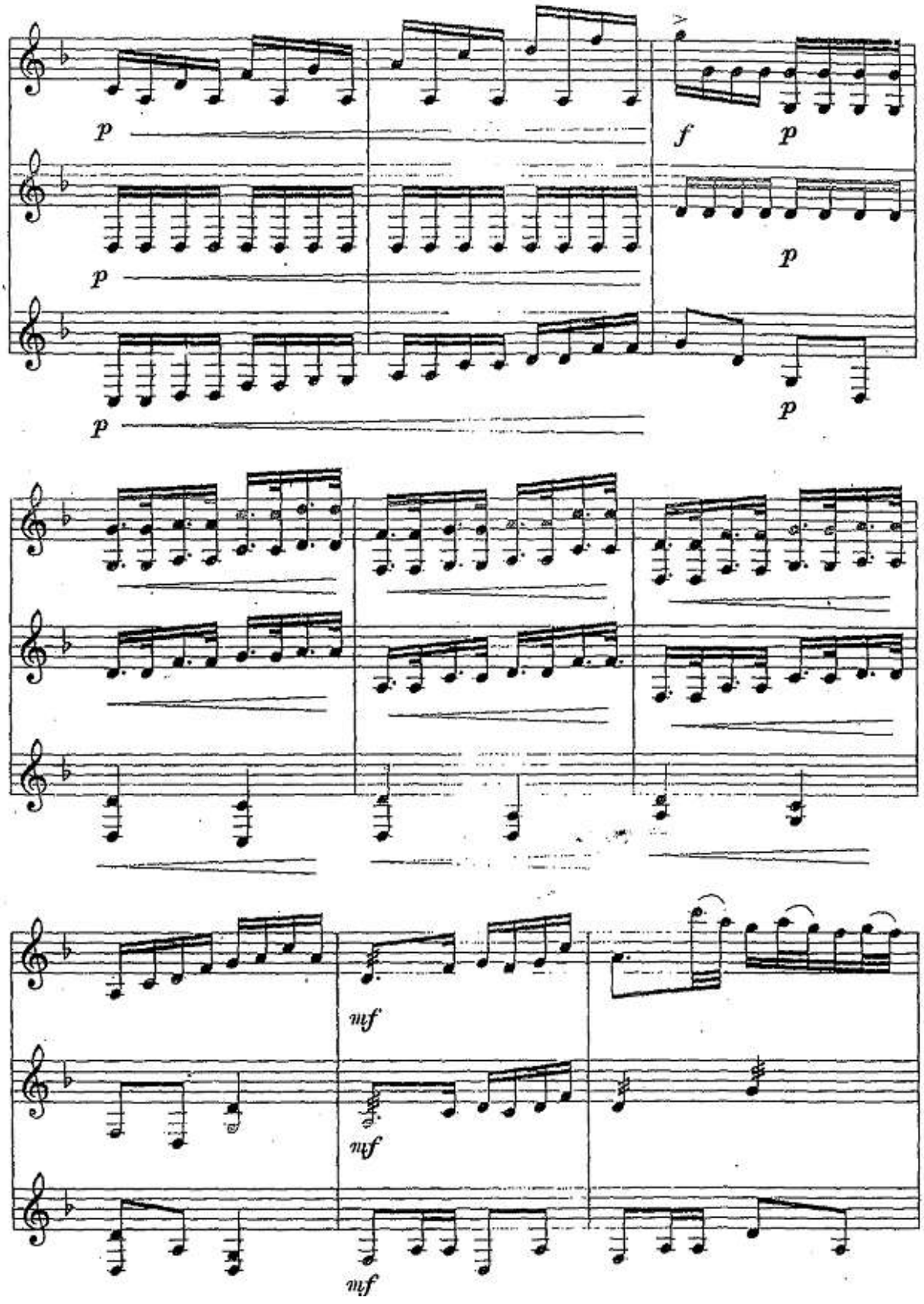
p
p
p
f
p
p
p
mf
mf
mf

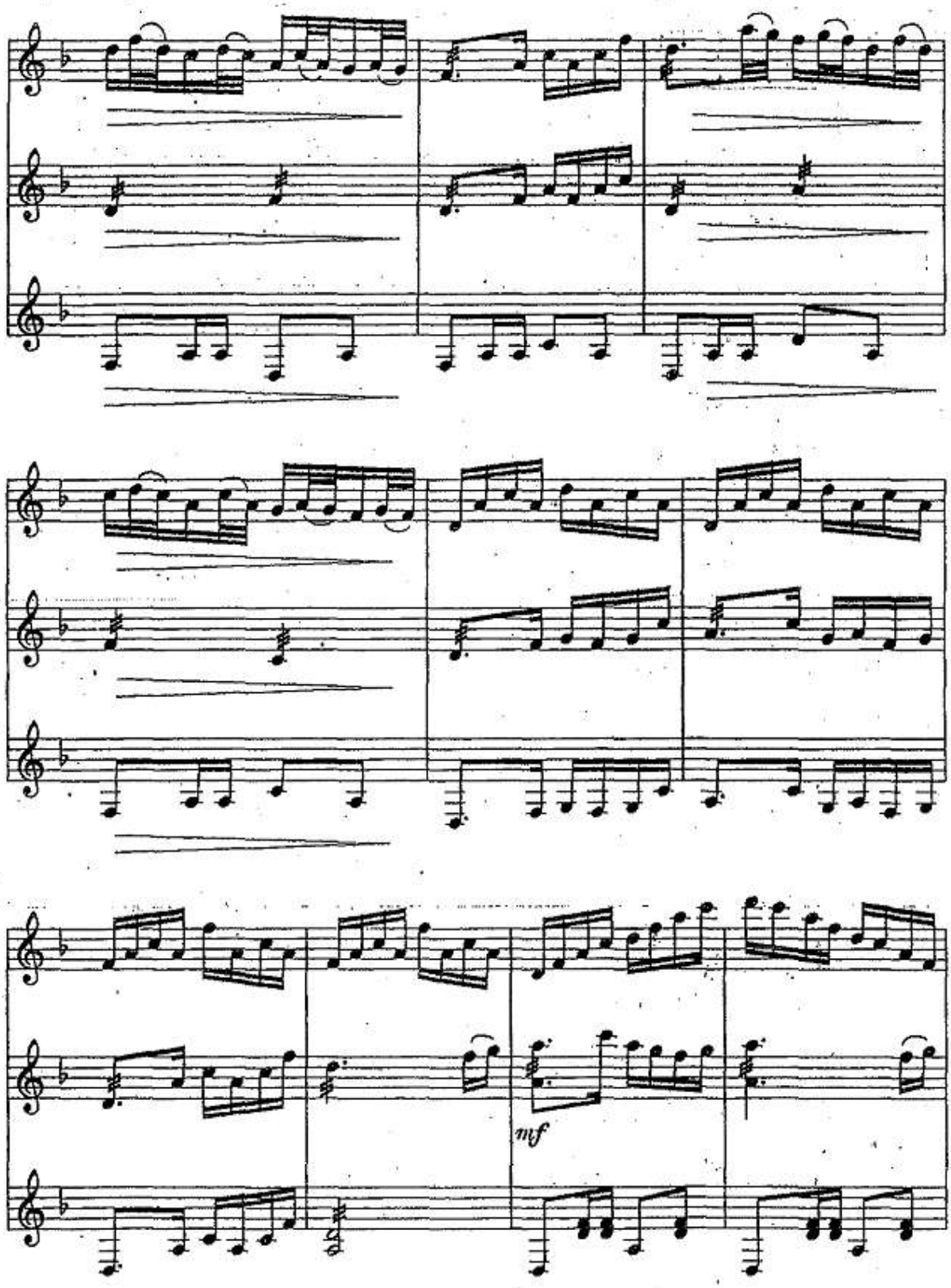
mf

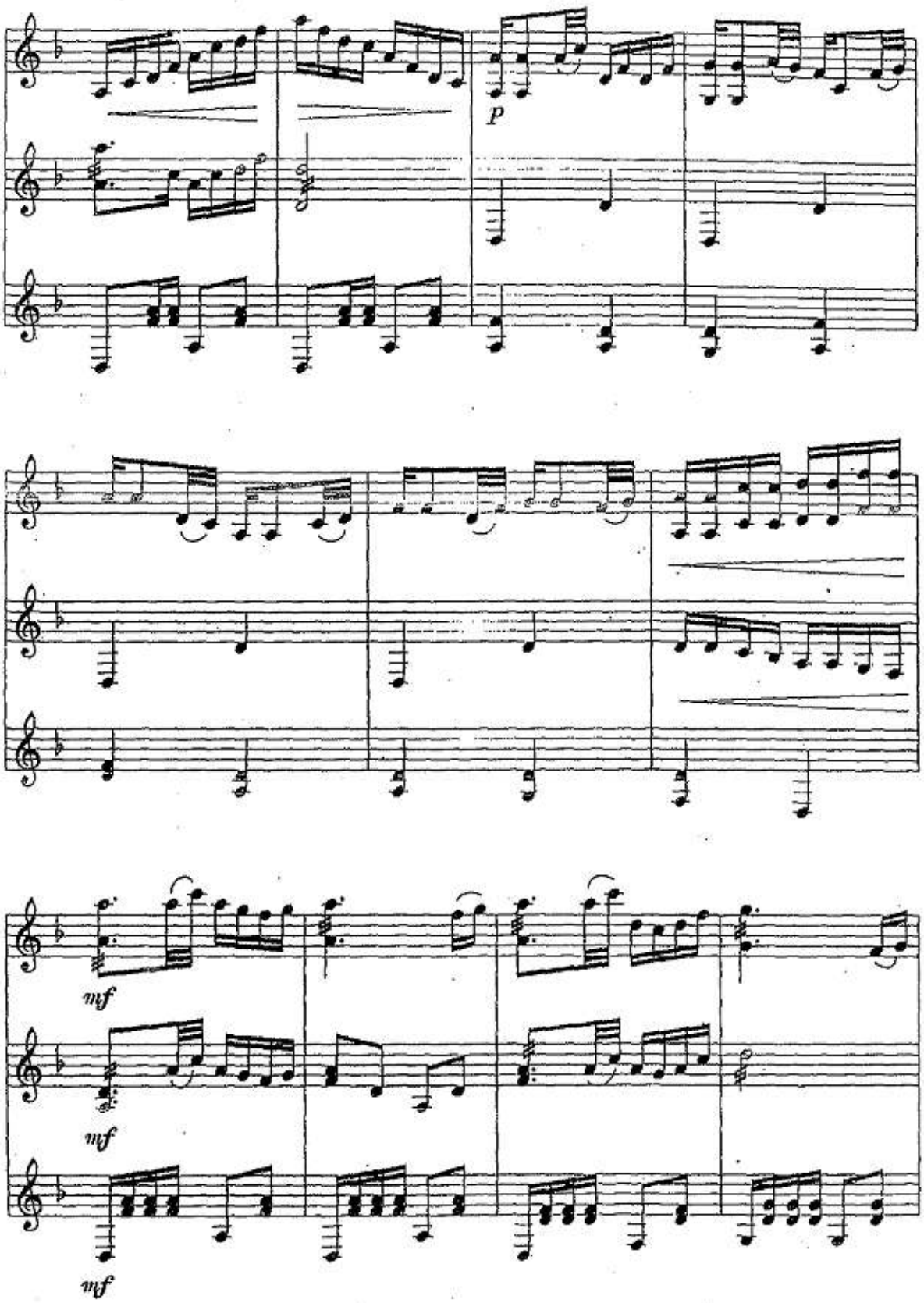
P
mf
mf
mf

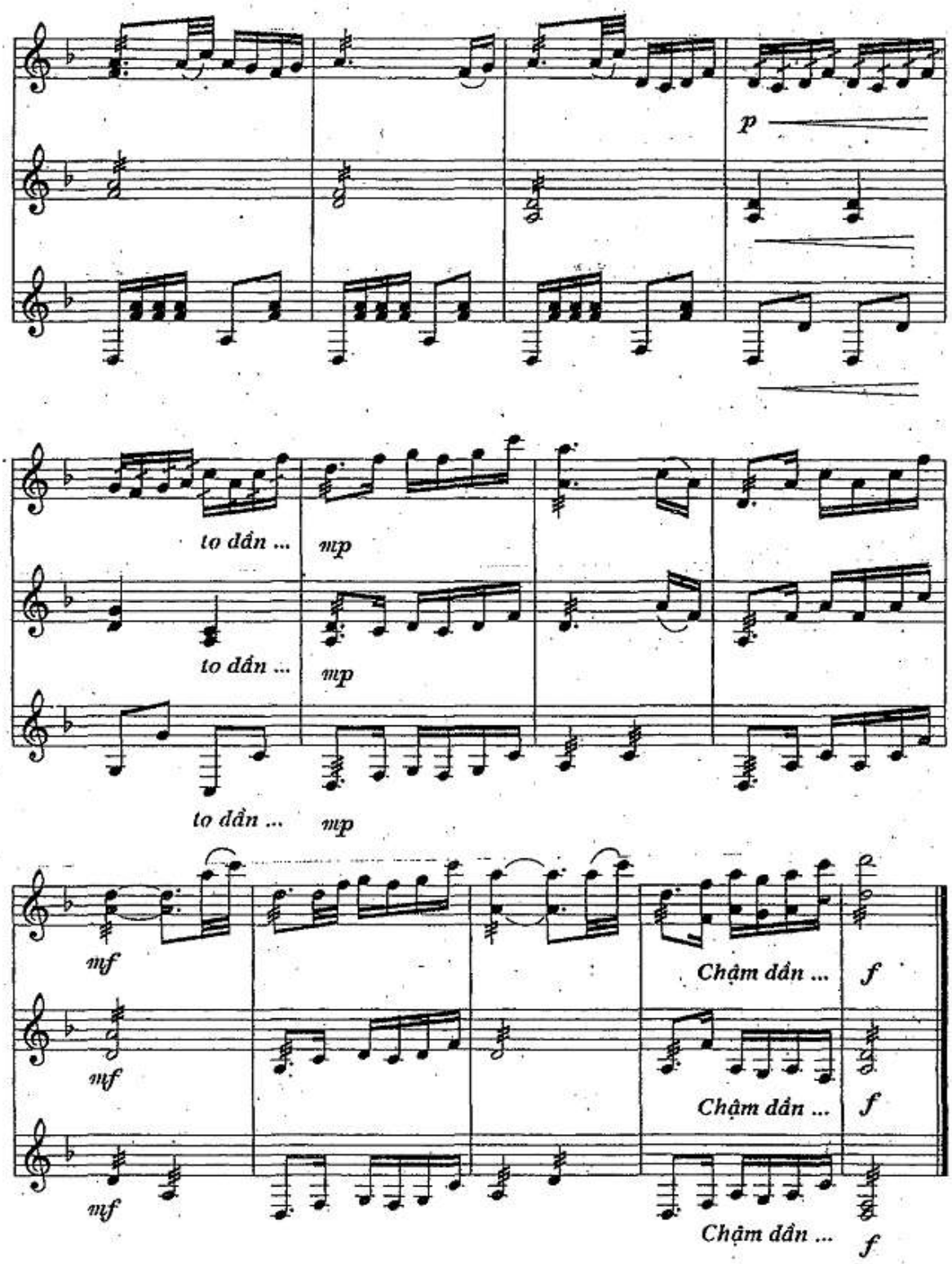
p
to dần ...
mp
to dần ...
mp
to dần ...
mp
mf
mf
mf
Chậm dần ...
f
Chậm dần ...
f
Chậm dần ...
f